KINH TẾ DỄ HIỂU

Tác giả: Đoàn Hưng Quốc

01/2023

MỤC LỤC

LỜI DẪN NHẬP
CHƯƠNG 1: BA MÔ HÌNH KINH TẾ
1. TƯ BẢN – ADAM SMITH
2. DÂN CHỦ XÃ HỘI – JOHN M. KEYNES
3. CHUYÊN CHẾ TƯ BẢN (TRUNG QUỐC)
CHƯƠNG 2: TƯ BẢN MỸ
1. TRƯỜNG PHÁI GIÁ TRỊ BIÊN TẾ (MARGINALISM)
2. TRƯỜNG PHÁI TIỀN TỆ (MONETARISM)
CHƯƠNG 3: NHÀ NƯỚC TRONG TƯ BẢN MỸ
NHÀ NƯỚC TRONG LỊCH SỬ KINH TẾ HOA KỲ
1. NHÀ NƯỚC BUÔNG LỎNG THỊ TRƯỜNG, HAY KINH TẾ TỰ DO (LAISSEZ FAIRE): 1776-1929
2. NHÀ NƯỚC CAN THIỆP VÀO THỊ TRƯỜNG: 1930-1980
3. NHÀ NƯỚC THU HẸP, HAY KINH TẾ TÂN TỰ DO (NEOLIBERALISM): 1980-2008
4. NHÀ NƯỚC TÁI CAN THIỆP VÀO THỊ TRƯỜNG: 2007 CHO ĐẾN NAY
CHƯƠNG 4: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG HOA KỲ
1. BƠM TIỀN VÀO THỊ TRƯỜNG HAY RÚT TIỀN RA KHỎI THỊ TRƯỜNG
2. TĂNG HAY GIẢM LÃI SUẤT
3. BÀN TAY MIDAS CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG
CHƯƠNG 5: KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO TRONG NƯỚC MỸ
1. KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO DO HAI TRÀO LƯU ĐIỆN TOÁN HÓA VÀ TOÀN CẦU HÓA
2. KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO DO ĐỊA LÝ
3. KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO DO TƯ HỮU TÀI SẢN
4. CHÍNH SÁCH BUÔNG LỎNG KINH TẾ KHIẾN SÂN CHƠI BẤT BÌNH ĐẲNG
5. CHÍNH SÁCH TIỀN RẺ CỦA NHTƯ LÀM TĂNG KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO
6. HẬU QUẢ CỦA HỐ SÂU GIÀU NGHÈO

CHƯƠNG 6: GIÀU NGHÈO VÀ CƠ HỘI
CHƯƠNG 7: TIỀN
1. TIỀN NHÀ NƯỚC (FIAT MONEY)
2. TIỀN ĐIỆN TOÁN PHI NHÀ NƯỚC (NHƯ BITCOIN)
3. TIỀN ĐIỆN TOÁN NHÀ NƯỚC (CBDC hay Central Bank Digital Currency)
4. TIỀN ĐIỆN TOÁN ỔN ĐỊNH (STABLECOIN)
5. THUYẾT TÂN TIỀN TỆ (MODERN MONEY THEORY hay MMT)
6. THẶNG DƯ TIẾT KIỆM TOÀN CẦU (GLOBAL SAVINGS GLUT)
CHƯƠNG 8: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH HOA KỲ
1. GIẢI PHÓNG TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC
2. GIẢI PHÓNG TÀI CHÍNH NGOÀI NƯỚC
3. TRÓI BUỘC TÀI CHÍNH
CHƯƠNG 9: BONG BÓNG TÀI CHÍNH VÀ KHỦNG HOẢNG NGÂN HÀNG
CHƯƠNG 10: RỦI RO ĐẠO ĐỨC TRONG THỊ TRƯỜNG
1.Rủi ro đạo đức trong tư bản Mỹ
2.Rủi ro đạo đức trong tư bản nhà nước Trung Quốc
3.Rủi ro đạo đức trên toàn cầu
CHƯƠNG 12: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH
1.Ngân Hàng
2.Công ty tài chính
3.Giám sát, thẩm định rủi ro, sạn lọc đầu tư và tự do thông tin.
4.Thị trường tài chính ở Trung Quốc
CHƯƠNG 13: LẠM PHÁT VÀ GIẢM PHÁT
1. Giảm phát ở Tây Phương
2. Lạm phát
CHƯƠNG 14: THUẾ
CHƯƠNG 15: TÂM LÝ THỊ TRƯỜNG
CHƯƠNG 16: TRỌNG CUNG HAY TRỌNG CẦU?
1.Trọng Cung (đảng Cộng Hòa) và Trọng Cầu (đảng Dân Chủ) trong nước Mỹ
2.Tàu trọng cung. Mỹ trọng cầu.
CHƯƠNG 17: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC

1. TIÊU THỤ TẠI TRUNG QUỐC
2. TIẾT KIỆM TẠI TRUNG QUỐC
3. ĐẦU TƯ VÀ VỐN Ở TRUNG QUỐC
CHƯƠNG 18: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC (PHẦN 2)
CHƯƠNG 19: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC SINH RA NỢ (PHẦN 3)
CHƯƠNG 20: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI TẬP CẬN BÌNH (PHẦN 4)
CHƯƠNG 21: TOÀN CẦU HÓA
1. BUÔN BÁN HÀNG HÓA
2. NGUỒN VỐN LƯU ĐỘNG
LỜI KẾT

LỜI DẪN NHẬP

Người viết xin mượn một truyện vui cười dùng làm lời dẫn nhập:

Vào cao điểm của Chiến Tranh Lạnh Liên Bang Xô-Viết tổ chức một cuộc duyệt binh vĩ đại trên Quảng Trường Đỏ. Dẫn đầu Hồng Quân hùng dũng lại là một đám người ăn mặc lôi thôi lếch thếch lại cải cọ um xùm!

Một đảng viên cao cấp kinh ngạc khẻ hỏi đồng chí Stalin: "Thưa đồng chí, bọn người này là ai mà mất kỷ luật như vậy?”

Stalin mỉm cười thâm hiểm: "Các kinh tế gia đấy! Bọn này lếu láo vậy mà có sức phá hại hơn cả 100 quả bom nguyên tử!”

(Stalin không nhắc đến Karl Marx cũng là một tổ sư kinh tế.)

Kinh Tế Dễ Hiểu xin mời bạn đọc vừa mở sách kinh tế vừa nhớ đến câu chuyện tiếu lâm lý thú này.

Plano, Texas
USA
01/2023

CHƯƠNG 1: BA MÔ HÌNH KINH TẾ

Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới hiện nay là Hoa Kỳ, Âu Châu và Trung Quốc. Theo cách nói thông thường thì Mỹ là nước Tư Bản (Capitalism), Tây-Âu nghiên về Dân Chủ Xã Hội (Social Democracy) còn Trung Quốc theo Chuyên Chế Tư Bản (Authoritarian Capitalism.) Ba nền kinh tế nói trên cạnh tranh với nhau trong thế kỷ 21 không những về kinh tế mà còn tạo sức mạnh chính trị để chinh phục các nước còn lại trên thế giới ngả theo phe mình. Chương 1 tìm hiểu sự khác biệt và những kinh tế gia lỗi lạc đã đặt nền tảng lý thuyết cho mỗi mô hình.

1. *TƯ BẢN – ADAM SMITH*

Cả 3 khối Mỹ-Âu-Trung đều có nền kinh tế thị trường (market economy), nhưng
thị trường ở Mỹ được xem là tự do nhất vì ít bị nhà nước chen lấn vào so với Âu Châu và Trung Quốc. Quan điểm về thị trường tự do (free market) đi đôi với tên tuổi của Adam Smith - người Tô Cách Lan (Scotland) vào thế kỷ thứ 18 vốn được xem khai sáng bộ môn kinh tế học. Smith viết quyển Luận Bàn Về Của Cải Của Các Quốc Gia (The Wealth Of Nations) vào 1776 tức là trùng hợp cùng thời gian với nước Mỹ tuyên bố độc lập. Adam Smith phân tích một nước giàu mạnh không phải nhờ vào tích trữ vàng bạc châu báu mà do nơi mỗi người dân có quyền tự do để làm việc, tạo ra của cải và trao đổi hàng hóa. Mỗi cá nhân sống chỉ vì tư lợi (self-interest) nhưng khi sinh hoạt tập thể trong thị trường tự do lại được một bàn tay vô hình (the invisible hand) điều phối để mang đến lợi ích và thịnh vượng chung cho mọi người.

Một thí dụ của bàn tay vô hình là tuy thị trường gồm hàng trăm ngàn người trồng lúa và mua gạo nhưng tất cả lại dần dà đi đến một thỏa thuận chung về giá cả để mọi người mua kẻ bán đều có lợi. Trái lại nhà nước không thể độc đoán quyết định mỗi nhà nông phải trồng bao nhiêu cây lúa hay người tiêu thụ chỉ được mua bao nhiêu ký gạo

với giá cả do nhà nước định đoạt là bao nhiêu. Bàn tay hữu hình (the visible hand) của nhà nước một khi đã can thiệp rồi sẽ độc đoán bẻ cong (distort) sự vận hành của thị trường tự do và khiến việc sản xuất gạo lúc thừa lúc thiếu mà làm thiệt hại cho toàn thể xã hội. Cho nên vai trò của nhà nước giới hạn vào giám sát và bảo vệ an ninh trật tự mà không nên cản trở bàn tay vô hình của thị trường tự do.

Adam Smith sống tại Âu Châu trong giai đoạn đang công nghiệp hóa. Ông quan sát một hãng xưởng làm kim châm (pin factory) và nhận xét năng suất tăng vọt khi sản xuất được chia ra thành nhiều khâu cho từng nhóm công nhân với chuyên môn khác nhau. Từ đó ông mở rộng kết luận cho rằng giữa các nước phải có tự do mậu dịch để sản xuất được phân phối theo ưu thế của từng quốc gia nhằm mang đến lợi ích cho toàn thể nhân loại, thay vì mỗi nước tạo ra các rào cản thuế má, theo đuổi chính sách bế quan (isolationism) hay trục lợi (mercantilism) nhằm bảo vệ doanh nghiệp nội địa. Tư tưởng của Adam Smith ngày nay gắn liền với hai quan điểm về thị trường tự do (free market) và tự do mậu dịch (free trade.)

CỘNG SẢN – KARL MARX

Trước khi bàn về hai mô hình Dân Chủ Xã Hội của Âu Châu và Chuyên Chính Tư Bản của Trung Quốc, tưởng cũng nên nhắc đến chủ nghĩa cộng sản của Karl Marx. Mô hình cộng sản tuy nay đã lỗi thời nhưng những lý luận hùng hồn của Marx phê bình chế độ Tư Bản vẫn còn ảnh hưởng rất lớn nhất là trong giới trí thức cánh tả Tây Phương.

Marx viết quyển Tư Bản Luận (Das Kapital) năm 1867, tức khoảng 100 năm sau Adam Smith. Âu Châu trong thời đại của Smith chỉ gồm các công xưởng vừa và nhỏ (artisan factories) nhưng đến giai đoạn của Marx đã thành hình những xí nghiệp khổng lồ thu dụng đông đảo công nhân từ nông thôn đổ ra thành thị tìm kiếm công ăn việc làm. Âu Châu tiến lên đỉnh điểm của tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Trong bối cảnh xã hội đó Marx phê bình chủ nghĩa tư bản không

mang lợi ích đến đồng đều cho mọi người mà trái lại tạo ra khoảng cách giàu nghèo do giới chủ bóc lột giới thợ. Trái với Adam Smith cho rằng nhà nước không can thiệp vào thị trường tự do, Marx quan niệm không thể tách rời chính trị ra khỏi kinh tế bởi vì nhà nước chính là công cụ do thiểu số quyền thế dựng nên để cai trị và đàn áp đa số bị trị. Sau Marx đến thời Lenin tiến hành cách mạng Xô-Viết, rồi Stalin loại bỏ kinh tế thị trường (market economy) thay thế bằng nền kinh tế chỉ huy (command economy.) Trong Liên Bang Xô-Viết không có sở hữu tư nhân bởi vì nhà nước nắm giữ toàn bộ mọi phương tiện, tương quan và thành quả sản xuất để rồi phân phối của cải ra đồng đều đến với mọi người.

Khác biệt lớn giữa Tư Bản và Cộng Sản nơi:

- Tư Bản tạo ra của cải (wealth creation)
- Cộng Sản phân phối của cải (wealth distribution)

Tư Bản tạo ra của cải và giàu nghèo cách biệt. Cộng Sản phân phối của cải nhưng không chẳng có gì để phân phối.

Cho nên:

- Equity (công bình) hay Equality (bình đẳng) = equally poor (mọi người đều nghèo như nhau)

2. *DÂN CHỦ XÃ HỘI – JOHN M. KEYNES*

Nền Dân Chủ Xã Hội có thể được xem như con đường trung đạo bổ túc cho các khuyết điểm của Tư Bản mà không dẫn đến Cộng Sản. Mô hình Dân Chủ Xã Hội gắn liền với tên tuổi của John M. Keynes, người cùng với Adam Smith và Karl Marx được xem như 3 nhân vật cột trụ trong kinh tế học.

John M. Keynes sống ở Anh Quốc vào đầu thế kỷ 20 trong giai đoạn cực kỳ hỗn loạn của Châu Âu. Ông chứng kiến cuộc cách mạng Nga năm 1917 và sự ra đời của nhà nước Xô Viết năm 1922 để kết luận

rằng chủ nghĩa Cộng Sản chỉ mang lại nghèo đói và tước đoạt tự do. Keynes tham dự hòa đàm Versailles kết thúc Thế Chiến Thứ Nhất nhưng ông phản đối các điều kiện nghiệt ngã do Anh-Pháp đặt ra nhằm trừng phạt nước Đức bại trận phải kiệt quệ, mà sau này khiến dân Đức phẫn uất để rồi dẫn đến trào lưu dân túy, Phát-Xít và Thế Chiến Thứ Hai. Keynes quan sát cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu năm 1929 để đi đến kết luận nếu nhà nước không can thiệp và bổ túc cho các khiếm khuyết của thị trường (market failures) thì xã hội sẽ xáo trộn vì nạn thất nghiệp hoành hành trong khi doanh nghiệp phá sản hàng loạt, dân chúng công phẫn để rồi dẫn đến bạo loạn, cách mạng, chủ nghĩa dân tộc, độc tài phát xít hay chuyên chế cộng sản mà cuối cùng là chiến tranh hay đánh mất tự do.

John M. Keynes viết quyển sách Lý Thuyết Tổng Quát Về Việc Làm, Lãi Suất và Tiền Tệ (The General Theory Of Employment, Interest And Money[1]) năm 1936. Ông phân tích thị trường không phải lúc nào cũng duy lý (rational market) mà trái lại trải qua nhiều chu kỳ thăng trầm rất nguy hiểm. Tạm so sánh với thuyết Âm Dương của Á-Đông trong ban ngày đã chứa mầm mống của ban đêm, ngược lại trong thị trường khi tăng trưởng đã mang mầm mống của suy thoái[2]. Cho dù phe ủng hộ thị trường tự do phản đối nhà nước can thiệp vì cho rằng thời điểm suy thoái chính là lúc để thị trường hữu hiệu hóa sản xuất bằng cách đào thải những đầu tư kém hiệu quả, trái lại kinh nghiệm lịch sử cho thấy những chấn động kinh tế như lạm phát phi mã ở Đức 1921-1923 hay Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929-1933 cực kỳ nguy hiểm vì mang đến nhiều xáo trộn chính trị và bạo loạn xã hội chớ không còn đơn thuần kinh tế[3] .

Phe ủng hộ bàn tay vô hình cho rằng trong dài hạn rồi thị trường tự do cũng sẽ chấn chỉnh tự ổn định. Keynes trả lời với nhận xét nổi tiếng “đợi đến lâu dài thì ai cũng chết” (in the long run we are all dead), ngụ ý ngay trước mắt mỗi người đều phải có công ăn việc làm để hàng ngày nuôi sống gia đình và bản thân; hãng xưởng cần bán hàng hóa để không bị phá sản. Cho nên nhà nước phải gấp rút can thiệp trước những nhu cầu cấp thiết của đời sống.

Một người thợ mất việc lâu năm lụt tay nghề khó tìm ra việc làm mới. Máy móc không dùng sẽ han rỉ hư hỏng. Hàng quán đóng cửa khi tái hoạt động khó lòng mướn lại người đầu bếp giỏi nay đã dọn nhà, mà cũng không tìm lại được thân chủ cũ nếu họ đã quen sang tiệm khác. Khởi động một nền kinh tế đã trì trệ rất khó khăn, cho nên nhà nước phải ngăn ngừa không cho khủng hoảng kéo dài để lại những vết sẹo hằn sâu (scars) một khi năng lực sản xuất của xã hội bị lãng phí (underutilized) trong nhiều năm.

Bàn tay hữu hình của nhà nước phải mạnh dạn (boldly) can thiệp vào thị trường. Chi tiêu nhà nước cần thiết đi theo chu kỳ đảo (counter-cyclical spending) so với chi tiêu tư nhân: lúc kinh tế tăng trưởng thì khu vực tư chủ động đầu tư và tiêu thụ, nhưng khi khủng hoảng thì khu vực công phải lấp vào khoảng thiếu hụt chi tiêu tư nhân bằng các gói kích cung hay kích cầu[4] để châm ngòi thúc đẩy nền kinh tế tái khởi động càng sớm càng tốt.

Nhà nước phải chấp nhận thâm thủng ngân sách trong giai đoạn khủng hoảng do chính quyền vừa thất thu (thuế thu vào sụt giảm do kinh tế trì trệ) lại tăng chi (cho kích cung hay kích cầu). Đến khi kinh tế phát triển trở lại, thu nhập từ thuế má tăng thì nhà nước vừa giảm chi lại bù đắp vào khoảng thiếu hụt trước đây để tái cân bằng ngân sách.

Nhà nước dùng hai loại biện pháp, hoặc (1) chủ động chi tiêu hay (2) tự động chi tiêu nhằm lèo lái cổ xe kinh tế và ổn định thị trường:

1. Chủ động chi tiêu (discretionary spending): giống như tài xế chủ động nhấn ga hay nhả ga, thì nhà nước chủ động tăng chi để kích thích tăng trưởng hoặc giảm chi để kinh tế hạ nhiệt.

2. Tự động chi tiêu (non-discretionary spending): giống như nhà sản xuất xe hơi thiết kế ống nhún tự động (automatic stabilizer) giúp ổn định dàn xe khi sụp ổ gà, thì nhà nước thiết kế các chương trình trợ cấp xã hội giúp cho người nghèo (welfare) và người thất nghiệp (unemployment benefits). Gặp khủng

hoảng con số nghèo và thất nghiệp tăng thì ngân sách trợ cấp cũng tự động tăng theo nhằm nâng đỡ các hộ gia đình kém may mắn có được mức thu nhập căn bản mua sắm hàng ngày, nhờ đó giúp doanh nghiệp bán được hàng mà không phải đóng cửa, nền kinh tế khỏi bị lủng đáy.

Cho nên nhà nước không những ổn định thị trường mà cần bảo đảm nhu cầu an sinh xã hội bằng cách trợ cấp nhà nghèo, thất nghiệp, bảo hiểm y tế và hưu trí tức là những khoảng chi tiêu ngoài phạm vi trách nhiệm của khu vực tư nhân.

Cánh tả cấp tiến (progressive left) ở Tây Phương ngày nay đi xa hơn Keynes. Họ quan niệm rằng nhà nước không những hỗ trợ thị trường mà còn phải cải tạo xã hội để có sân chơi bình đẳng (level playing field) thì thị trường mới thật sự tự do. Chỉ khi đó mọi người mới có cơ hội đồng đều (equal opportunities) tranh đua, cho dù kết quả thành bại khác nhau (non-equal outcomes) là do nơi tài năng, sự cố gắng và vận may rủi của từng cá nhân[5] .

Cho nên nhà nước không những ổn định thị trường, bảo đảm an sinh mà còn phải tạo công bằng xã hội (equity) như đánh thuế nhà giàu trợ giúp nhà nghèo để san bằng sân chơi. Trẻ em nghèo nếu không có cơ hội để phát huy năng khiếu sẽ khiến năng lực sản xuất của xã hội bị lãng phí.

Nhà nước không chỉ can thiệp vào thị trường mà còn cải tạo xã hội như LGBTQ, hôn nhân đồng tính, quyền phá thai, tự do di dân,v.v…vì không có kỳ thị thì sân chơi mới bình đẳng giúp kinh tế tăng trưởng.

Nhà nước phải thay đổi nhận thức và sửa đổi lịch sử cho phù hợp với quan điểm của tầng lớp tinh hoa (elites) cấp tiến về các sai phạm trong quá khứ như nạn kỳ thị màu da, LGBTQ, quyền phá thai, tự do di dân, v.v…để biện minh cho những chi tiêu và can thiệp nhà nước.

Nhà nước không những ổn định thị trường, bảo đảm an sinh, xây dựng công bằng, cải tạo xã hội, sửa đổi lịch sử mà còn phải là nhà

nước kinh doanh (entrepreneur state[6]) huy động nguồn vốn quốc gia để táo bạo (boldly) đầu tư vào hạ tầng, chống biến đổi khí hậu và đối phó với đại dịch Vũ-Hán tức là những nan đề của thế kỷ thứ 21 mà khu vực tư nhân không đủ khả năng đảm trách.

Nhà nước ổn định thị trường, bảo đảm an sinh, xây dựng công bằng, cải tạo xã hội, sửa đổi lịch sử, chủ động kinh doanh cọng lại chính là nhà nước xã hội chủ nghĩa!

Cho nên hai cánh tự do (libertarian) và bảo thủ (conservative) cảnh giác nhà nước can thiệp theo Keynes rốt cục chỉ là con đường trá hình dần đến xã hội chủ nghĩa mà bóp chết thị trường tự do và tước đoạt tự do cá nhân[7] .

Nhà nước can thiệp (government intervention) sẽ dẫn đến nhà nước lạm quyền (government overreach), rồi nhà nước lộng quyền (despotism) và cuối cùng là nhà nước chuyên quyền (autocracy) mà trở thành xã hội chủ nghĩa (socialism).

Một thí dụ của vai trò nhà nước ngày càng rộng lớn gồm các luật lệ về OSHA (an toàn lao động), EPA (bảo vệ môi trường), Equal Employment Opportunity (không được kỳ thị khi thuê mướn nhân viên) và National Labor Relations (công đoàn). Mỗi quy định đều hợp lý nhưng cọng lại thành ra phiền toái cho phép các cơ quan nhà nước thanh tra và giám sát doanh nghiệp mà quấy nhiễu quyền tự do kinh doanh của tư nhân.

Cánh bảo thủ (conservative) chống nhà nước can thiệp vì nhà nước tiêu xài hoang phí vào các chương trình trợ cấp xã hội. Cánh tự do (libertarian) chống an sinh xã hội vì khiến người dân sinh ra lười biếng, ỷ lại mà đánh mất nhân phẩm thay vì phát huy năng lực lao động để mang lại sự tự do và tự trọng cho mỗi cá nhân.

Cánh tự do chống nhà nước can thiệp vì nhà nước chọn lựa kẻ thắng người thua (winners and losers) thay vì do thị trường quyết định. Thí dụ ngân khoản kếch sù bảo vệ môi trường của Hoa Kỳ mặc nhiên tài

trợ cho công nghiệp xanh mà thiệt hại cho ngành dầu khí.

Cánh cấp tiến (progressive) chống nhà nước can thiệp vì nhà nước bị các tập đoàn tư bản thao túng thay vì phục vụ cho quần chúng. Thí dụ các tập đoàn tư bản bỏ tiền vận động hành lang (lobby) để Hành Pháp và Quốc Hội thông qua các đạo luật ưu đãi doanh nghiệp mà thiệt hại cho người lao động và giới tiêu thụ.

3. *CHUYÊN CHẾ TƯ BẢN (TRUNG QUỐC)*

Nền Chuyên Chế Tư Bản (Authoritarian Capitalism) ở Trung Quốc không do một lý thuyết gia tầm vóc như Smith, Marx hay Keynes khởi xướng mà bắt đầu từ lúc Đặng Tiểu Bình dò dẫm tìm con đường phát triển sau khi từ bỏ nền Kinh Tế Chỉ Huy (Command Economy hay Centrally Planned Economy)[8] dưới thời Mao, cho dù vẫn tiếp tục duy trì chế độ độc đảng[9] . Mô hình nhà nước Trung Quốc còn có nhiều tên gọi như Tư Bản Nhà Nước (State Capitalism) hay Độc Tài Kỷ Trị (Authoritarian Technocracy), trong đó đảng Cộng Sản tuy độc quyền chính trị nhưng xử dụng nhân tài (meritocracy) để phát triển quốc gia[10] . Bắc Kinh trưng bày ra quốc tế hình ảnh của nhà nước Độc Tài Hiệu Năng (Efficient Autocracy), tuy chuyên chế nhưng mang lại ổn định về chính trị và tăng trưởng về kinh tế để so sánh với tình trạng hỗn loạn, suy đồi và chậm lụt của các nền Dân Chủ Tự Do (Liberal Democracies) ở Tây Phương ngày hôm nay.

Có nhận xét cho rằng Đặng Tiểu Bình mô phỏng theo chính sách Kinh Tế Mới (NEP hay New Economic Policy)[11] của Lênin vào đầu thập niên 1920. Lenin sau những thất bại của nền kinh tế tập trung trong giai đoạn thành hình Liên Bang Xô Viết đã thay đổi chiến lược cho phép quyền tư doanh và tư hữu nhưng nhà nước sở hữu các ngành công nghiệp nặng, công nghệ chiến lược, hệ thống ngân hàng và giao thông liên lạc. Sản xuất tăng vọt nên Lenin nhận xét NEP chính là bước chuyển tiếp có thể kéo dài hàng chục năm trước khi tiến lên kinh tế xã hội chủ nghĩa. Sau khi Lenin chết, Stalin thừa kế nhưng hủy

bỏ NEP để nhanh chóng tập trung quyền lực chính trị và kinh tế vào tay nhà nước và cá nhân Stalin khiến nền kinh tế của Liên Bang Xô-Viết bắt đầu lụn bại kể từ năm 1928.

Nền Độc Tài Kỷ Trị ở Trung Quốc có thể tạm so sánh với hình thức nhượng quyền thương mại (franchise) của đại tập đoàn tư bản bán thức ăn McDonald's ở Mỹ. Thương hiệu độc quyền McDonald's giống như nhãn hiệu Xã Hội Chủ Nghĩa với Màu Sắc Trung Hoa. Bộ phận đầu não của McDonald's so sánh với đảng Cộng Sản Trung Quốc. Các cửa tiệm con (franchisee) là những địa phương. Mỗi địa phương có quyền hạn rộng rãi để tự do sáng tạo kinh doanh trong khu vực vì thu nhập càng cao thì mức lời giữ lại càng nhiều sau khi đã nộp 5-6% doanh thu về trung ương. Mặt khác tất cả các địa phương đều phải răm rắp tuân theo những quyết định của bộ phận đầu não là đảng Cộng Sản mà không được tổn hại đến uy tín và doanh hiệu Xã Hội Chủ Nghĩa với Màu Sắc Trung Hoa, cũng giống như các cửa tiệm con phải đồng nhất thi hành các tiêu chuẩn của công ty McDonald's về chất lượng thức ăn, trang trí hàng quán và đào tạo tuyển dụng nhân viên.

Nền Chuyên Chế Tư Bản đẩy một nước Trung Quốc từ nghèo đói nhảy vọt lên thành nền kinh tế hạng nhì trên thế giới. Sau 4 thập niên tăng trưởng ngoạn mục Tập Cận Bình tự tin tuyên bố không cần thay đổi thể chế chính trị vì Trung Quốc nay đáp ứng nhu cầu của quần chúng khi mang lại ổn định và thịnh vượng. Mô hình ổn định chính trị để phát triển kinh tế của Trung Quốc (còn được gọi là Đồng Thuận Bắc Kinh hay Peking consensus) được xem như vượt trội mô hình cải cách chính trị để phát triển kinh tế của Mỹ (còn được gọi là Đồng Thuận Washington hay Washington consensus) vốn trên đà hỗn loạn chính trị và suy thoái về kinh tế. Đồng thuận Bắc Kinh nay được trưng bày ra quốc tế nhằm thu hút các nước đang mở mang noi theo và rơi vào quỹ đạo kinh tế và chính trị của Trung Quốc, đồng thời tách dần ra khỏi ảnh hưởng của Hoa Kỳ (như trường hợp của Lào, Kampuchea, các nước Phi Châu, các nước Trung Đông và Nam Mỹ.)

Theo nhiều dự đoán thì GDP của Trung Quốc sẽ qua mặt Hoa Kỳ vào

thập niên 2030. Nếu xảy ra đây sẽ là khúc quanh trọng đại trong lịch sử nhân loại không kém gì lúc Mỹ vượt Anh Quốc để trở thành siêu cường số một trong thế kỷ 20, và sẽ là một chiến thắng tuyên truyền rực rỡ cho Bắc Kinh 100 năm sau ngày đảng Cộng Sản Trung Hoa thành hình năm 1921.

Nhiều người cho rằng cho dù GDP Trung Quốc có vượt Âu-Mỹ nhưng Tàu đông dân nên thu nhập đầu người Hoa sẽ không bao giờ bắt kịp Tây Phương[12] . Nhưng trên bình diện địa chính trị chỉ có GDP mới thể hiện sức mạnh và trọng lượng kinh tế của một quốc gia. Thí dụ mức thu nhập đầu người dân Na-Uy tuy cao hơn Mỹ nhưng Na-Uy không thể là một siêu cường vì tỷ trọng GDP quá nhỏ so với toàn cầu. Giữa các nước buôn bán với nhau thường dùng USD nên GDP (tính theo USD) càng lớn thì lực hút càng mạnh khiến những quốc gia xung quanh rơi vào quỹ đạo kinh tế, rồi đến chính trị và văn hóa của mình.

Một nhận xét cuối cùng là Bắc Kinh không cần xây dựng một mô hình kinh tế hoàn hảo mà chỉ muốn đẩy GDP – cho dù què quặt đi chăng nửa - qua mặt Mỹ cũng đủ để thực hiện Giấc Mộng Trung Hoa (China Dream) trong Thế Kỷ Trung Hoa (China Century.) Hai nước Mỹ-Trung đều mang nợ ngập đầu nên núi nợ nào sập trước thì bên đó thua. Còn nếu chỉ khăng khăng tiên đoán Trung Quốc sớm muộn gì sẽ sụp đổ thì cũng giống như ông thầy bói mù gieo quẻ “anh sắp chết” tất nhiên có ngày phải đúng bởi vì ai rồi cũng chết, chế độ nào sau rốt cũng lụn bại.

Cựu Thống Đốc NHTƯ Mỹ Ben Bernanke từng nói “Chính sách bơm tiền (QE hay Quantitative Easing, tức kích hoạt định lượng) dù không thể giải thích trên lý thuyết nhưng lại hữu hiệu trong thực tế” (Well, the problem with QE is it works in practice, but it doesn’t work in theory.” KTDH mượn nhận xét này để phê bình mô hình kinh tế Trung Quốc (và Việt Nam) tuy mâu thuẫn trên lý thuyết mà lại tiến bộ trong thực tế.

***

Kinh Tế Dễ Hiểu xin kết luận chương 1 với nhận xét rằng các nước

ngày nay (bao gồm cả Mỹ-Trung-Âu) đều không thuần túy theo kinh tế thị trường hay kinh tế chỉ huy, trái lại đại đa số đều mang mô hình kinh tế hỗn hợp (mixed economy)[13] trong đó cả nhà nước và thị trường đều nắm vai trò quan trọng trong kinh tế. Thị trường nếu giám sát lỏng lẻo sẽ sinh ra nhiều sai phạm, nhưng nhà nước quá nhiều quyền hạn sẽ sinh lạm dụng và bóp nghẹt tính năng động của thị trường. Lý tưởng là tìm ra sự cân bằng giữa nhà nước và thị trường tự do nhưng đây sẽ là đề tài của những chương sau.

TÓM TẮT:

1. Tư Bản (Capitalism): bàn tay vô hình (invisible hand) trong thị trường tự do (free market); Adam Smith.
2. Cộng Sản (Communism): kinh tế chỉ huy (control economy) với bàn tay sắt của chuyên chính vô sản (dictatorship of the proletariat); Karl Marx.
3. Dân Chủ Xã Hội (Social Democracy): bàn tay hữu hình (the visible hand) của nhà nước can thiệp bổ túc cho các sai phạm của thị trường; John M. Keynes.
4. Chuyên Chế Tư Bản (Authoritarian Capitalism): kinh tế thị trường nhưng chuyên chế độc đảng; cạnh tranh kinh tế nhưng không có cạnh tranh chính trị.

SÁCH ĐỌC THÊM:

a. The Big Three in Economics: Adam Smith, Karl Marx and John Maynard Keynes (tác giả Mark Skousen)
b. Keynes Hayek: The Clash that defined Modern Economics (tác giả Nicholas Wapshott)
c. Deng XiaoPing: A Revolutionary Life (tác giả Alexander V. Pantsov)
d. The Avoidable War (tác giả Kevin Rudd)
e. Free Market (tác giả Jacob Soll)

CHƯƠNG 2: TƯ BẢN MỸ

Nhắc lại chương 1:

- Adam Smith quan niệm thị trường phải có tự do để cho mỗi người dân vì tư lợi mà hăng hái làm việc, tạo ra của cải và trao đổi hàng hóa để rồi tất cả mọi người được hưởng lợi ích từ thành quả lao động của mỗi người.

- Trái lại, Karl Marx phê bình chế độ tư bản bất công do giới chủ bóc lột giới thợ. Công nhân dùng sức lao động để tạo ra của cải và giá trị (value) cho xã hội nên giai cấp công nhân phải tranh đấu nhằm thành hình một nhà nước vô sản làm chủ mọi phương tiện, tương quan và thành quả sản xuất để phân phối của cải đến đồng đều cho mọi người cùng hưởng.

- John M. Keynes phân tích Cộng Sản đem lại nghèo đói và tước đoạt tự do cá nhân, nhưng Tư Bản trải qua những chu kỳ thăng trầm rất nguy hiểm nên cần đến sự can thiệp tích cực của nhà nước để tránh khủng hoảng kinh tế tạo ra xáo trộn xã hội và chính trị dẫn đến độc tài Cộng Sản hay Phát-Xít.

Như vậy ba nhân vật cột trụ trong kinh tế học mỗi người đều có một cách nhìn khác nhau về mối tương quan giữa nhà nước và thị trường. Adam Smith và Karl Marx được xếp chung vào kinh tế cổ điển (classical economy) với khái niệm lao động (labour) tạo ra của cải và giá trị. Khác nhau ở chỗ Smith cho rằng thị trường có tự do thì mọi người mới phát huy và hưởng thụ giá trị lao động, ngược lại Karl Marx lên án trong tư bản giá trị lao động của giới thợ bị giới chủ bóc lột.

1. *TRƯỜNG PHÁI GIÁ TRỊ BIÊN TẾ (MARGINALISM)*

Cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20 xuất hiện thêm trường phái Giá Trị Biên Tế làm đảo lộn quan điểm về giá trị.

Trường phái Giá Trị Biên Tế quan niệm giá trị tăng hay giảm (marginal value) tùy thuộc nơi nhu cầu tiêu dùng cao hay thấp (marginal value), thay vì lao động tạo ra giá trị. Thí dụ với ly nước, một người đang khát uống ly đầu thật ngon, ly thứ nhì tạm đủ nhưng đến ly thứ ba đầy bụng nuốt không trôi. Như vậy nước khan hiếm thì giá trị tăng, nước dư thừa thì giá trị giảm.

Giá cả là thước đo giá trị của hàng hóa và sức lao động. Thí dụ hàng tốt giá đắt, người giỏi lương cao.Thị trường dùng giá cả và lương bổng để trao đổi sản phẩm và lao động. Một người có thể bỏ công sức lao động tạo ra một món hàng không giá trị nếu chẳng ai mua (giống như Kinh Tế Dễ Hiểu viết mà không có người đọc). Giá trị lao động của một người làm ra tiền nhiều hay ít do sức sáng tạo và tài năng của họ đáp ứng nhu cầu của thị trường cao hay thấp (người Mỹ cho rằng mỗi người phải "sell yourself", tức là biết tự quảng cáo để rao bán lao đ với mức lương cao nhất.) Trong thị trường tự do không có bóc lột vì chẳng ai bị ép buộc phải mua hay bán lao động hay sản phẩm ngoại trừ với giá cả phải chăng, và chỉ có thị trường tự do mới quyết định giá cả chính xác thay vì nhà nước can thiệp.
Nhà tư bản (capitalist) tiết kiệm (savings) ngày hôm nay để gây vốn (capital) đầu tư cho ngày mai, tức là họ hy sinh không hưởng thụ tiện ích trong hiện tại mà đầu tư vào tiện ích trong tương lai. Vì nhà tư bản có thể bị thua lỗ mất vốn cho nên họ phải được quyền thu lợi nhuận từ vốn đầu tư. Như vậy cả vốn (capital) lẫn lao động (labour) đều góp phần tạo ra của cải và giá trị. Tư bản không thể bị lên án là lợi dụng vốn để ngồi không hưởng lợi (rent seeker[14]) bằng cách bóc lột giá trị lao động của giai cấp công nhân.Thương gia làm tăng giá trị của một sản phẩm bằng cách bỏ vốn mua hàng tồn kho rồi chi tiêu quảng cáo rao bán để giúp người tiêu dùng tiện lợi mua sắm cho vừa sở thích lẫn túi tiền. Cho nên thương gia dù không trực tiếp tham gia sản xuất nhưng vẫn tạo thêm giá trị, do đó giới thương gia không thể bị xem như thành phần tư sản mại sản chỉ biết mai mối để bóc lột giá trị lao động của giai cấp công nhân.

Adam Smith quan niệm thị trường phải có tự do để mỗi người vì lợi

ích riêng tư mà hăng hái làm việc, tạo thành sản phẩm và trao đổi hàng hóa. Trường phái Giá Trị Biên Tế lý luận trong thị trường có tự do thì mỗi người trao đổi hàng hóa hoặc lao động với giá cả hợp lý mà không bị ép buộc. Chênh lệch giàu nghèo do nơi mỗi cá nhân tạo ra giá trị nhiều hay ít cho xã hội chớ không có bóc lột. Thị Trường Tự Do cùng với Giá Trị Biên Tế gom chung gọi là kinh tế tân cổ điển (neoclassical), tức Tư Bản Mỹ. Tư Bản tạo ra của cải và giàu nghèo nhưng không gọi là bất công bởi mỗi người tạo ra giá trị tiện ích cao thấp khác nhau. Nhà nước không thể viện lý do công bằng xã hội để thò dọc bàn tay thô bạo bóp méo thị trường. Thí dụ nhà nước không thể quy định giá cả hay mức lương tối thiểu, đánh thuế nhà giàu chia của cho nhà nghèo (transfer payment) vì hậu quả chỉ là nhà nước thô bạo dùng quyền lực để tước đoạt quyền tự do quyết định và thành quả lao động của từng cá nhân.

2. ***TRƯỜNG PHÁI TIỀN TỆ (MONETARISM)***

John M. Keynes cho rằng thị trường tự do trải qua các chu kỳ thăng trầm vô cùng tai hại (như cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế 1929) nên cần đến bàn tay hữu hình của nhà nước can thiệp nhằm ổn định kinh tế và xã hội. Trái lại kinh tế gia Milton Friedman (Nobel 1976) cho rằng cả hai chu kỳ lạm phát hay suy thoái đều trùng hợp với mỗi lần nhà nước tăng hay giảm lượng tiền lưu hành:

- Friedman nhận xét “Lạm phát luôn luôn là một hiện tượng tiền tệ khi lượng tiền lưu hành tăng nhanh hơn là con số hàng hóa được sản xuất” (Inflation is always and everywhere a monetary phenomenon in the sense that it is and can be produced only by a more rapid increase in the quantity of money than in output), hay “Lạm phát do quá nhiều tiền chạy theo quá ít hàng hóa” (Inflation is caused by too much money chasing after too few goods.) Nói cách khác, tiền dư thừa thì tiền mất giá.

- Friedman cho rằng cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929 do chính nơi nhà nước kém cỏi siết chặt lượng

tiền lưu hành bằng cách tăng lãi suất quá sớm (phân lời cao nên khó vay tiền thành ra tiền khan hiếm) khiến một cuộc khủng hoảng thuộc hạng xoàn xoàn (garden variety crisis) biến chứng trầm trọng thành Đại Khủng Hoảng[15] [16].

- Nói cách khác bàn tay của nhà nước can thiệp phá hỏng thị trường rồi sau này tự khen là nhà nước cứu vớt thị trường!

Milton Friedman về chính trị theo cánh tự do (libertarian), về kinh tế theo phái tiền tệ (monetarism). Phái tiền tệ nhấn mạnh đến vai trò thiết yếu của tiền trong kinh tế như xăng trong động cơ xe hơi. Giống như máy nổ cần thêm xăng để tăng vận tốc, nền kinh tế khi phát triển cần tăng lượng tiền lưu hành nhằm đáp ứng cho nhu cầu đầu tư và tiêu thụ gia tăng. Thí dụ:

- Trong nước sản xuất 5 món hàng thì nhà nước chỉ cần in $500 là đủ cho giao dịch với giá của mỗi món hàng là $100.

- Gặp lúc kinh tế phát triển, năng suất tăng lên 6 món hàng thì nhà nước cần in $600 để đáp ứng nhu cầu mua bán đang lên để giữ giá của mỗi món hàng vẫn tiếp tục là $100 (không lạm phát).

- Ngược lại nếu sản xuất chỉ ở mức 5 món hàng nhưng nhà nước tùy tiện in $600 thì tiền phải mất giá (lạm phát) khiến giá của mỗi món hàng tăng thành $120.

- Giả sử dân chúng cần mượn tiền để mua hàng. Nếu NHTƯ tăng phân lời thì dân chúng khó vay mượn khiến hàng hóa phải xuống giá (suy thoái).

- Còn nếu NHTƯ giảm phần lời thì thêm nhiều người vay mượn nên hàng tăng giá (lạm phát).

Do lạm phát ở Mỹ tăng vọt từ thập niên 1960-1980 (đỉnh điểm lên đến 14%) nên phái tiền tệ gây ảnh hưởng quan trọng trong chính sách

kinh tế Mỹ từ đó. NHTƯ được Quốc Hội trao cho hai trọng trách là bình ổn giá cả (price stability, tức chống lạm phát) và tạo tối đa công ăn việc làm (maximum employment, tức chống suy thoái) bằng cách kiểm soát lãi suất và lượng tiền lưu hành.

Friedman chủ trương NHTƯ hàng năm tăng lượng tiền lưu hành theo một công thức nhất định 3-4% thay vì tùy tiện quyết định lên xuống nhiều hay ít. Ngoài chuyện NHTƯ tăng lượng tiền lưu hành thì nhà nước không nên can thiệp mà phải để mặc cho nền kinh tế tự ổn định qua các chu kỳ thăng trầm, cũng giống như cơ thể mạnh khoẻ đầy đủ máu huyết sẽ tự vượt qua bệnh hoạn mà không cần đến liều thuốc sinh tật. Ngoài con số nói trên Friedman cho rằng NHTƯ không thể tùy tiện in thêm tiền hay tăng giảm lãi suất để thúc đẩy hay hạ nhiệt nền kinh tế vì đây là bàn tay hữu hình can thiệp vào thị trường. Trong thực tế NHTƯ Mỹ dù chịu ảnh hưởng của Milton Friedman nhưng vẫn điều chỉnh cả lãi suất lẫn lượng tiền lưu hành để lèo lái nền kinh tế nóng hay nguội.

Trên lý thuyết NHTƯ không can thiệp vào thị trường mà chỉ điều hoà lượng tiền lưu hành. Thị trường giống như cơ thể cần trái tim (hệ thống ngân hàng) bơm đầy đủ máu huyết (tiền) thì cơ thể tự nhiên phát triển lành mạnh:

- Thiếu máu sinh yếu đuối bệnh hoạn. Kinh tế suy thoái khi lượng tiền lưu hành ít khiến doanh nghiệp khó vay mượn đầu tư, tư nhân khó vay mượn tiêu xài.

- Dư máu sinh phát phì bệnh hoạn. Lạm phát lên cao khi lượng tiền lưu hành dư thừa thành ra tiền mất giá.

- Nghẽn mạch máu mà không được thông tim thì chết hoặc tê liệt một phần cơ thể. Giả sử các ngân hàng tư nhân thua lỗ kẹt vốn không cho vay mượn thì NHTƯ phải bơm tiền cho các ngân hàng tư nhân tiếp tục hoạt động nhằm ổn định thị trường tránh hoảng loạn.

- Lãi suất cao khiến kinh tế nguội chậm tăng trưởng. Lãi suất thấp khiến kinh tế nóng sinh lạm phát. NHTƯ phải nhắm đến mức lãi suất tự nhiên (natural interest rate[17]) phù hợp với tốc độ tăng trưởng tự nhiên.

NHTƯ cần phải độc lập để điều chỉnh lãi suất và lượng tiền lưu hành nhằm giúp kinh tế tăng trưởng một cách tự nhiên mà không trông cậy nơi chính quyền ép ăn hay bắt nhịn đói, bởi vì quyền hạn của chính quyền càng to thì lạm dụng và sai lầm càng nghiêm trọng.

Ban giám đốc NHTƯ Mỹ tuy do Tổng Thống và Quốc Hội bổ nhiệm nhưng hoạt động độc lập đối với chính quyền (gồm Hành Pháp và Lập Pháp). NHTƯ điều hành chính sách tiền tệ (monetary policy) trong khi Hành Pháp và Lập Pháp quyết định ngân sách (fiscal policy) và thuế khóa (tax policy.) Ngân sách và thuế khóa do những chính trị gia được bầu lên nên quyết định của chính quyền mang màu sắc chính trị (political decisions) phản ánh lập trường phe nhóm (thí dụ cánh hữu đòi giảm thuế và giảm chi tiêu công để hỗ trợ doanh nghiệp, còn cánh tả đòi tăng thuế và tăng chi tiêu công nhằm hỗ trợ cho dân nghèo) nên thường xuyên bị một phe đối lập chống đối, dẫn đến thương thảo, tương nhượng, kết cục rườm rà và chậm lụt. Ngược lại NHTƯ do nhóm chuyên gia kinh tế độc lập quyết định mà không chịu áp lực của các mùa bầu cử, nên trên nguyên tắc NHTƯ mang tính vô tư nhằm đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế kịp thời và hữu hiệu.

Để so sánh nếu chính quyền có bàn tay hữu hình thì NHTƯ có bàn tay Midas, phỏng theo sự tích của vua Midas sờ mó ra vàng vì NHTƯ bấm chuột ra tiền.

Trái với NHTƯ Mỹ, NHTƯ của Trung Quốc, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ v.v…không độc lập vì là cánh tay phải của nhà nước sai bảo thi hành chính sách tiền tệ.

Trở lại với Hoa Kỳ, Thị Trường Tự Do (free market), Giá Trị Biên Tế (Marginalism) và thuyết Tiền Tệ (Monetarism) là ba cơ sở lý luận của Tư Bản Mỹ từ 1980-2020:

- Thị trường có tự do thì mỗi người mới vì lợi ích riêng tư mà hăng hái làm việc, tạo ra sản phẩm và trao đổi hàng hóa.

- Giá Trị Biên Tế cho thấy trong thị trường tự do mỗi người có quyền chọn lựa trao đổi hàng hóa hoặc lao động với giá cả phải chăng mà không hề bị ép buộc. Chênh lệch giàu nghèo do nơi mỗi cá nhân tạo ra giá trị nhiều hay ít cho xã hội chớ không có bóc lột, cho nên "ham giàu là tốt" (greed is good[18]) vì càng giàu càng tạo ra nhiều giá trị.

- Thuyết Tiền Tệ phân tích vai trò quan trọng của NHTƯ điều chỉnh lãi suất và lượng tiền lưu hành giúp kinh tế tăng trưởng điều hòa trong khi chính quyền can thiệp càng ít càng tốt.

Cho nên trong kinh tế có 4 bàn tay:

1. Bàn tay vô hình trong thị trường tự do (Adam Smith)
2. Bàn tay sắt trong kinh tế chỉ huy (Marx-Lênin)
3. Bàn tay hữu hình của nhà nước (John M. Keynes)
4. Bàn tay Midas của NHTƯ bấm chuột ra tiền (Milton Friedman)

SÁCH ĐỌC THÊM:

1. Samuelson Friedman: The Battle Over the Free Market (tác giả Nicholas Wapshott)
2. The Entrepreneurial State: Debunking Public vs. Private Sector Myths (tác giả Mariana Mazzucato)

CHƯƠNG 3: NHÀ NƯỚC TRONG TƯ BẢN MỸ

Nhắc lại chương 2, trong tư bản thị trường phải được tự do để mỗi người vì lợi ích riêng tư mà hăng hái làm việc, tạo thành sản phẩm và trao đổi hàng hóa. Mỗi người đều có quyền mua bán hàng hóa hoặc lao động với giá cả hợp lý mà không thể bị ép buộc, cho nên chênh lệch giàu nghèo do nơi mỗi cá nhân tạo ra giá trị nhiều hay ít cho xã hội chớ không có bóc lột.

Nền tư bản Mỹ cho dù được gọi là “laissez faire” - tức nhà nước thả lỏng để bàn tay vô hình điều chỉnh thị trường tự do được phát triển, nhưng kể từ sau các cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929, Chiến Tranh Thế Giới Thứ Hai, Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2008 và Đại Dịch Vũ Hán bàn tay hữu hình của nhà nước can thiệp vào kinh tế ngày càng nhiều dưới 3 hình thức:

- Thuế má (tax policy): thuế lợi tức, thuế tiêu thụ,…
- Ngân sách (fiscal policy): chi phí quốc phòng, an sinh xã hội, các gói kích cầu…
- Luật lệ và giám sát (regulations): luật thương mại, luật lao động, các quy định giám sát ngân hàng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường…

Thuế và giám sát có thể tăng hay giảm tùy theo chính quyền Dân Chủ hoặc Cộng Hoà, riêng ngân sách cứ tăng lên đều đặn cho dù đảng phái nào nắm quyền cũng vậy. Chi tiêu công (government outlays) chiếm 1/3 GDP năm 2021 còn nợ công lên đến 134% GDP tháng 12/2022. Ngân sách nhà nước bao trùm từ quốc phòng cho đến mạng lưới an sinh xã hội (trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp người nghèo, lương hưu trí…), đầu tư xây cất hạ tầng (1200 tỷ USD năm 2021), một gói kích cung to lớn (Trump giảm thuế 1.47 ngàn tỷ USD năm 2017) và hai gói kích cầu khổng lồ trong Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2008 (939 tỷ USD) và Đại Dịch Vũ Hán 2020-21 (3400 tỷ USD).

NHÀ NƯỚC TRONG LỊCH SỬ KINH TẾ HOA KỲ

Lịch sử kinh tế Hoa Kỳ cũng giống như 4 chu kỳ của quả lắc đồng hồ bắt đầu từ phải (kinh tế tự do) sang trái (nhà nước can thiệp) trở lại phải (kinh tế tân tự do) rồi sang trái (nhà nước tái can thiệp):

1. Kinh tế tự do, hay Nhà nước thả lỏng thị trường (Laissez Faire): từ Lập Quốc 1976 cho đến Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929.
    - Chính quyền Hoa Kỳ buông lỏng để bàn tay vô hình điều chỉnh thị trường tự do theo quan điểm của kinh tế gia Adam Smith.
2. Nhà nước can thiệp vào thị trường (Government Intervention): từ thập niên 1930 cho đến cuối thập niên 1970.
    - Sau Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929 nhà nước can thiệp để (1) giám sát những sai phạm của thị trường, và (2) kích cầu nhằm thúc đẩy nền kinh tế phục hồi, theo quan điểm của kinh tế gia John M. Keynes. Sang đến thập niên 1960 nhà nước bành trướng từ mạng lưới an sinh xã hội (safety net) thời Franklin D. Roosevelt trở thành nhà nước phúc lợi (welfare state) thời Lyndon B. Johnson.

3. Kinh tế tân tự do (neoliberalism), hay Nhà nước thu hẹp: từ thập niên 1980 cho đến Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2008.
    - Chi tiêu công đè nặng dẫn đến lạm phát phi mã trong những năm cuối thập niên 1970 và đầu 1980. Từ đó nước Mỹ thu hẹp vai trò của nhà nước (Reagan), thúc đẩy tự do mậu dịch toàn cầu (Clinton), đồng thời chú trọng vai trò độc lập của NHTƯ điều chỉnh lãi suất và lượng tiền lưu hành để chống lạm phát và tạo công ăn việc làm, theo quan điểm của kinh tế gia Milton Friedman.

4. Nhà nước tái can thiệp vào thị trường: từ sau Đại Khủng

Hoảng Tài Chính 2008 cho đến nay.

- Nhà nước lại can thiệp vào thị trường trong Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2008 và Đại Dịch Vũ Hán. Nhiều người cho rằng nhà nước quá đà vì nợ công tăng lên đến mức kỷ lục, và nhà nước lạm quyền vì dùng chính sách kinh tế để kiến trúc xã hội (social engineering, như ngân sách và thuế má nhằm tạo bình đẳng giàu nghèo và màu da, chính sách công nghiệp quốc gia, công nghiệp xanh, v.v…)

Nói chung là thị trường thả lỏng sinh sai phạm khiến nhà nước phải can thiệp nhưng rồi lại lạm quyền và phí phạm. Phần dưới đây tìm hiểu về từng thời kỳ nói trên.

1. NHÀ NƯỚC BUÔNG LỎNG THỊ TRƯỜNG, HAY KINH TẾ TỰ DO (LAISSEZ FAIRE): 1776-1929

Nước Mỹ ra đời vào năm 1776 cùng năm với Adam Smith cho ra đời sách Luận Bàn về Của Cải của Các Quốc Gia (The Wealth Of Nations)[19]. Adam Smith chủ trương thị trường phải tự do thì mọi người mới vì tư lợi mà hăng hái làm việc, tạo ra của cải và trao đổi hàng hóa khiến quốc gia trở nên thịnh vượng. Nhà nước chỉ có vai trò hạn hẹp để giữ gìn trật tự (chống gian lận, đầu cơ, ăn cướp…) mà không can thiệp vào sự vận hành của thị trường tự do.

Quan điểm về thị trường tự do và quyền tự do cá nhân (liberalism) của Adam Smith phù hợp với tâm hồn của người di dân lập quốc ở Tân Thế Giới. Hoa Kỳ là mảnh đất của những kẻ trốn chạy nạn đàn áp ở châu Âu. Nước Mỹ vừa giành độc lập từ vương quốc Anh[20] cho nên dân chúng Hoa Kỳ mang tinh thần tự lập đi khai phá những chân trời mới. Nhà nước trung ương dựng lên chỉ nhằm bảo vệ an ninh lãnh thổ và thi hành luật pháp mà không được quấy nhiễu dân chúng tự do làm ăn. Bài nhạc nổi tiếng The Star-Spangled Banner với lời ca bất hủ “the land of the free and the home of the brave” (mảnh đất của tự do, mái nhà của lòng can đảm) thể hiện tính tự hào và độc lập đó.

Bản Tuyên Ngôn Độc Lập long trọng tuyên bố “Mọi người sinh ra đều có quyền Sống, Tự Do và mưu cầu Hạnh Phúc” – duy chỉ có điều “mọi người sinh ra” lại không gồm đám nô lệ da đen mà sau này trở thành vết thương nhức nhối trong xã hội Hoa Kỳ cho đến ngày hôm nay.

Nền kinh tế Mỹ tăng vọt kể từ sau khi nội chiến chấm dứt vào năm 1865. Đường xe lửa xuyên Mỹ nối liền năm 1869 thương mại Đông và Tây Hoa Kỳ. Kênh đào Panama mở ra năm 1914 tạo cơ hội vận chuyển hàng hóa nhanh chóng giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Hoa Kỳ trở nên cường quốc có quyền lợi trên cả hai đại dương (two-ocean power.)

Nền tư bản Âu-Mỹ nói chung tiến lên giai đoạn cực thịnh vào cuối thế kỷ 19 song song với hai trào lưu công nghiệp hóa và đô thị hóa. Đến cuối thế kỷ 19 Thời Đại Vàng Mã (Gilded Age 1860-1896) ở Mỹ chứng kiến cảnh giàu sang hào nhoáng bên cạnh các bất công sâu sắc cùng khoảng cách giàu nghèo tăng vọt trong xã hội. Nước Mỹ có 24 ông Trùm (robber barons) trong các ngành dầu hỏa (Rockefeller), đường sắt (Stanford), luyện kim (Carnegie), tài chính ngân hàng (J.P. Morgan)… vừa thao túng nền kinh tế lại khuynh đảo quyền lực chính trị[21].

Đây cũng chính là lúc Karl Marx cho ra đời quyển Tư Bản Luận (1867) ở Âu Châu tố cáo tư bản bóc lột thợ thuyền và kêu gọi cách mạng chuyên chính vô sản.

Tiếp theo những bất công của Thời Kỳ Vàng Mã là Giai Đoạn Cấp Tiến (Progressive Era, 1896-1920) trong đó nền báo chí tự do Hoa Kỳ (tên gọi Muckraker) phơi trần các cấu kết giữa chính quyền và tư bản nhằm thúc giục quần chúng xuống đường đòi tổ chức công đoàn và cải tổ luật lao động. Năm 1922 cuộc cách mạng Xô Viết thành công ở Nga lôi cuốn giới trí thức cấp tiến tả khuynh và phong trào công nhân đấu tranh ở Mỹ. Cho dù Marx không xuất hiện trực tiếp tại Mỹ nhưng bóng dáng của Marx đè nặng lên xã hội Hoa Kỳ thúc giục chính quyền thực hiện nhiều cải cách kinh tế, lao động và khởi đầu cho kỷ nguyên nhà nước can thiệp vào thị trường tự do.

2. NHÀ NƯỚC CAN THIỆP VÀO THỊ TRƯỜNG: 1930-1980

Nền kinh tế Hoa Kỳ tăng mạnh từ sau khi Chiến Thứ Nhất 1914-1919 mang đến tâm lý hồ hởi và nạn đầu cơ khiến thị trường chứng khoán sụp đổ vào ngày Thứ Hai Đen (Black Monday) dẫn đến cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929 . Ngược lại bên Âu Châu dân Đức uất ức với những điều kiện nghiệt ngã do phe thắng trận Anh-Pháp áp đặt trong Hòa Ước Versailles 1919; nạn lạm phát phi mã 1923 ở Đức giúp phong trào Phát Xít trỗi dậy mà sau này dẫn đến Thế Chiến Thứ Hai.

Marx-Lenin phê bình chủ nghĩa tư bản chứa đầy những mâu thuẫn nên đang giãy chết. Năm 1936 nhiều người cho rằng John M. Keynes đã cứu vớt chủ nghĩa tư bản khi ông viết quyển Lý Thuyết Tổng Quát về Công Ăn Việc Làm, Lãi Suất và Tiền Tệ để lập luận rằng thị trường không phải lúc nào cũng tự điều chỉnh mà cần đến nhà nước can thiệp để ổn định nền kinh tế, tạo công ăn việc làm và tránh bạo loạn xã hội vốn sẽ dẫn đến cách mạng, độc tài, phát xít, cộng sản hay chiến tranh. Keynes nhận xét trong khủng hoảng đầu tư và tiêu thụ tư nhân sụt giảm nên chi tiêu nhà nước phải tăng theo chu kỳ đảo khi chi tiêu tư nhân thiếu hụt (countercyclical fiscal policies) nhằm bù đắp cho khoảng trống chi tiêu giúp kinh tế phục hồi.

Nạn thất nghiệp tăng vọt ở Mỹ lên đến 15% vào đầu thập niên 1930. Năm 1932 Tổng Thống Franklin D. Roosevelt đắc cử ban hành chính sách New Deal (1933-1939)[22] gồm:

- nhà nước đầu tư xây cất hạ tầng tạo công ăn việc làm;
- nhà nước chi tiêu vào mạng lưới an sinh xã hội (safety net) trợ cấp thất nghiệp và lương hưu trí;
- nhà nước giám sát hệ thống ngân hàng (Glass-Steagall Act) dự trữ đủ vốn và không cho vay bừa bãi;
- nhà nước cải tổ luật lao động và công đoàn;
- nhà nước tăng thuế nhà giàu để chi tiêu trợ cấp xã hội.

Chi tiêu công và vai trò của nhà nước tăng vọt. Tư bản và cánh tự do chống đối cho rằng bàn tay nhà nước can thiệp (government intervention) rồi sẽ lạm quyền (government overreach), chuyên quyền (despotism), bóp méo thị trường tự do (market distortion) và xâm phạm đến quyền tự do cá nhân , tức là con đường trá hình đi đến xã hội chủ nghĩa.

Ngân sách nhà nước nhảy vọt trong Thế Chiến Thứ Hai 1939-1945. Sau khi hòa bình chính quyền chi tiêu tài trợ hàng triệu quân nhân giải ngũ trở về đời sống dân sự (GI Bill). Năm 1956 nước Mỹ đầu tư xây cất hệ thống xa lộ liên bang (interstate highway system) thúc đẩy kinh tế phát triển.

Nền kinh tế Mỹ đứng đầu và chiếm 40% GDP toàn thế giới vào năm 1960. Tổng Thống Lyndon B. Johnson thuộc đảng Dân Chủ muốn tiếp nối sự nghiệp của Franklin D. Roosevelt nên phát động Cuộc Chiến Chống Nghèo Đói (War Against Poverty,1964) nhằm xóa bỏ bất công và kỳ thị chủng tộc. Đây cũng là thời điểm của phong trào Dân Quyền (Civil Rights) và lúc mà nước Mỹ sa lầy vào chiến tranh Việt Nam.

Johnson khuyếch trương mạng lưới xã hội (safety net, hỗ trợ thất nghiệp và lương hưu trí dưới thời Roosevelt) trở thành nhà nước phúc lợi (welfare state, bao gồm trợ cấp nhà nghèo (welfare), trợ cấp nhà ở (housing), trợ cấp thực phẩm (food stamp), trợ cấp y tế (medicare). Mạng lưới an sinh của Roosevelt nhằm nâng đỡ lúc té ngã trong khi nhà nước phúc lợi của Johnson trở thành chế độ bao cấp. Chính sách nhà nước bao cấp bị tố cáo như chính quyền lạm quyền dùng chiêu bài bình đẳng xã hội để thò tay can thiệp bóp nghẹt thị trường tự do và quyền tự do cá nhân mà tiến lên xã hội chủ nghĩa.

3. NHÀ NƯỚC THU HẸP, HAY KINH TẾ TÂN TỰ DO (NEOLIBERALISM): 1980-2008

Chiến tranh Việt Nam và Cuộc Chiến Chống Nghèo Đói vô cùng tốn

kém khiến ngân sách nước Mỹ thâm thủng nặng nề. Đồng đô-la lúc đó đổi 35 USD ra 1 lượng vàng, các nước Âu Châu sợ Mỹ cạn kho đòi rút vàng về nước. Năm 1971 Tổng Thống Richard M. Nixon tuyên bố Mỹ tạm ngưng neo giá trị USD vào vàng (từ bỏ kim bản vị). Nhà nước Hoa Kỳ từ đó rộng tay in tiền tiêu xài. Lượng tiền tăng nhanh, đến năm 1973 lại thêm gặp khủng hoảng dầu hỏa khiến giá cả nhảy vọt. Lạm phát tăng lên đến 15% năm 1980 (so với 1.25% năm 2021.)

Năm 1979 Thống Đốc Ngân Hàng Paul Vocker siết chặt lượng tiền lưu hành bằng cách tăng lãi suất chỉ đạo lên 20% (so với 0.25% năm 2021) để kiềm chế lạm phát. Tuy lạm phát bị đánh gục nhưng giá đắt phải trả là nạn thất nghiệp lên đến 10% và kinh tế suy thoái đầu thập niên 1980.

Năm 1981 Tổng Thống Ronald Reagan nhậm chức với chủ trương thu hẹp vai trò của nhà nước nhằm giải phóng tư nhân và thị trường tự do không còn bị bóng dáng nhà nước đè nặng. Reagan tuyên bố “Government is not the solution to our problem, government is the problem” (Nhà nước không phải giúp giải quyết vấn nạn kinh tế bởi vì nhà nước chính là nguyên nhân (dịch thoát ý))

Chủ trương của John M. Keynes về bàn tay hữu hình của nhà nước can thiệp vào kinh tế lu mờ nhường chỗ cho Milton Friedman. Friedman thuộc cánh tự do (libertarian) chống đối quyền lực của nhà nước áp đặt lên trên tự do cá nhân. Friedman cho rằng nhà nước không nên can thiệp, thay vào đó trao nhiệm vụ cho một Ngân Hàng Trung Ương (NHTƯ) độc lập điều chỉnh lượng tiền lưu hành – cũng giống như cung cấp máu huyết điều hòa trong cơ thể - rồi để thị trường tự chấn chỉnh và tăng trưởng.

Nhạc công (maestro) nổi tiếng nhất trong giai đoạn này là Thống Đốc NHTƯ Alan Greenspan điều chỉnh lãi suất chỉ đạo. Thị trường chứng khoán canh me cặp-táp của Greenspan mỗi tháng đi họp, dày cộm thì cổ phiếu hạ giá vì chứa nhiều hồ sơ nhiều chuyện lo bàn, còn mỏng thì tăng giá do chẳng có gì đáng nói.

4. NHÀ NƯỚC TÁI CAN THIỆP VÀO THỊ TRƯỜNG: 2007 CHO ĐẾN NAY

Từ năm 2007-2020 nước Mỹ bị 2 cú sốc nặng nề nên cầu cứu cả John M. Keynes và Milton Friedman khiến can thiệp của nhà nước (Hành Pháp, Lập Pháp) và NHTƯ đều tăng vọt.

Cú sốc thứ nhất do thị trường đầu cơ địa ốc dẫn đến Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-2008.

- Hành Pháp và Lập Pháp dùng ngân sách (fiscal policy) tung ra các gói hỗ trợ (TARP 2008, 700 tỷ USD) và kích cầu (ARRA 2009, 831 tỷ USD).
- NHTƯ dùng chính sách tiền tệ (monetary policy) bơm tiền (Quantitative Easing) và giữ lãi suất thấp.
- Sau đó Trump đẩy gói kích cung 2017 bằng cách giảm thuế 1500 tỷ USD.

Cú sốc thứ nhì với Đại Dịch Vũ Hán năm 2020:

- Hành Pháp dùng ngân sách tung ra 2 gói kích cầu khổng lồ (Trump 2200 tỷ USD năm 2020; Biden 1900 tỷ USD năm 2021);
- NHTƯ tiếp tục bơm tiền và giữ lãi suất thấp.

Chính quyền Biden đầu tư 1500 tỷ USD xây cất hạ tầng và công nghiệp xanh; 52 tỷ USD hỗ trợ sản xuất chip điện toán ở Hoa Kỳ (CHIPS Act).

Nợ công nước Mỹ tăng vọt. Năng suất không tăng mà GDP tăng do nhà nước bơm tiền. Dân chúng không cần đi làm vẫn tiền dư rủng rỉnh. Lạm phát theo đó tăng vọt lên đến 9% năm 2020 khiến NHTƯ phải đổi hướng tăng lãi suất để siết chặt túi tiền (money tightening). Do hậu quả của chính sách tiền tệ cần đến 12-18 tháng mới thấy nên nhiều kinh tế gia dự đoán nền kinh tế Mỹ sẽ suy thoái vào năm 2023.

Vai trò trên sân khấu của Milton Friedman không thay đổi (NHTƯ điều chỉnh lãi suất và lượng tiền lưu hành) nhưng của John M. Keynes ngày càng lấn áp với bàn tay can thiệp của nhà nước không những để

hỗ trợ nền kinh tế mà còn lạm quyền dùng ngân sách và thuế khóa thò dọc cải tạo xã hội (bình đẳng màu da, giàu nghèo, đánh thuế nhà giàu…) theo kiểu xã hội chủ nghĩa. Nhà nước in nợ công, NHTƯ in tiền mua nợ công cho nhà nước vay nên tính độc lập của NHTƯ đang bị đe dọa.

Kinh tế gia Mazzucato khuyến khích mở rộng vai trò nhà nước can thiệp trở thành nhà nước kinh doanh (entrepreneurial state) thay vì chỉ để cho tư nhân kinh doanh. Bà viện dẫn kinh nghiệm thành công của nhà nước Hoa Kỳ đầu tư khai sáng mạng Internet, công nghiệp máy tính điện toán và hệ thống định vị toàn cầu GPS. Bà viện rút tỉa bài học của hai nền kinh tế nhảy vọt là Trung Quốc và Việt Nam(!) để thúc đẩy chính quyền Mỹ đầu tư vào một Kế Hoạch Công Nghiệp Quốc Gia (National Industrial Policy) và công nghiệp xanh.

Kinh tế gia cánh tả Paul Krugman thúc giục Biden đánh thuế cao và tiêu xài nhiều hơn nửa để bảo vệ môi trường và tạo bình đẳng giàu nghèo. Mỹ nợ ngập đầu nên đẻ ra một lý thuyết mới thịnh hành trong phe cấp tiến là Thuyết Tân Tiền Tệ (MMT, hay Modern Monetary Theory) lập luận nhà nước đừng lo nợ tăng, vì Mỹ mượn nợ bằng USD nên Mỹ in USD trả nợ. Thế giới không lo Mỹ quỵt nợ.

Mỹ chê Tàu dởm. Tàu cười Mỹ khùng.

***

SÁCH ĐỌC THÊM:

1. The Rise and Fall of the Neo-Liberal Order (tác giả Gary Gerstle)
2. The Value of Everything (tác giả Mariana Mazzucato)
3. Ages of American Capitalism (tác giả Jonathan Levy)

CHƯƠNG 4: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG HOA KỲ

NHTƯ Mỹ là một cơ quan hành chính độc lập đối với nhà nước (nhà nước hiểu nơi đây gồm Hành Pháp và Lập Pháp Hoa Kỳ). Tuy nhân sự trong Ban Quản Trị NHTƯ (Federal Reserve Board of Governors) do Tổng Thống đề cử và Thượng Viện bỏ phiếu nhưng các quyết định về tiền tệ của NHTƯ không cần thông qua Tổng Thống hay Quốc Hội[23]. Lý do vì Hành Pháp và Lập Pháp gồm những chính trị gia thuộc các đảng phái được dân chúng bầu lên theo mỗi nhiệm kỳ cho nên mối bận tâm chính của các chính trị gia này là tái đắc cử. Vì vậy NHTƯ cần độc lập để không bị chính quyền tạo áp lực nhằm mang đến lợi thế chính trị ngắn hạn cho phe phái (như bơm tiền thúc đẩy tăng trưởng trước mùa bầu cử) mà để lại hậu hoạn lâu dài cho nền kinh tế.

NHTƯ quản lý chính sách tiền tệ (monetary policy) trong khi Hành Pháp và Lập Pháp quyết định về tài chính (fiscal policy). Chính sách tiền tệ bao gồm lượng tiền lưu hành và lãi suất chỉ đạo. Tài chính gồm ngân sách (chi tiêu nhà nước) và thuế má (thu nhập nhà nước).

Vì tiền trong thị trường cũng giống như máu trong cơ thể (tức là nghẽn mạch máu mà không cấp cứu thì chết ngay) nên chính sách của NHTƯ do chỉ 7 thành viên trong Ban Quản Trị quyết định nhằm đáp ứng với nhu cầu cấp thời của nền kinh tế. Bù lại vì các quyết định của NHTƯ về lượng tiền lưu hành và lãi suất ảnh hưởng trước tiên đến các ngân hàng thương mại rồi sau đó mới tới phiên doanh nghiệp và người tiêu dùng nên chính sách tiền tệ mất khoảng 18 tháng mới thấy hết mọi hậu quả. Thí dụ NHTƯ tăng lãi suất chỉ đạo; ngân hàng thương mại theo đó tăng phân lời cho vay; doanh nghiệp khó mượn tiền nên không đầu tư thuê mướn thêm người; dân chúng khó vay tiền tiêu dùng nên hàng hóa bán không chạy; kết quả là hãng xưởng phải sa thải nhân viên. Chu kỳ này mất khoảng 12-18 tháng mới thấy hết nhân quả.

NHTƯ Mỹ ra đời vào năm 1913 đóng vai trò Ngân Hàng Mẹ cho các Ngân Hàng Con (Bank of banks). NHTƯ còn được gọi là Người Cho

Vay Cuối Cùng (Lender of the Last Resort) khi các ngân hàng con gặp lúc khẩn cấp hết đường xoay sở đành chạy về Ngân Hàng Mẹ mượn tiền.

Giả sử các ngân hàng thương mại (commercial banks) làm ăn thua lỗ bị hụt vốn; dân chúng sợ mất tiền ký thác hùa nhau đến rút tiền (bank run); các ngân hàng con cạn tiền mặt nên hoảng hốt tạm đóng cửa để trốn hoàn trả tiền ký thác cho dân; nhiều ngân hàng con thủ vốn không dám cho vay nợ mới; doanh nghiệp không mượn được tiền nên ngừng trả lương, trả nợ hay đầu tư. Để tránh những biến động kinh tế và xã hội như trên thì NHTƯ phải cho vay tái cấp vốn cho các ngân hàng thương mại được tiếp tục sinh hoạt bình thường mà không phải đóng cửa[24], nhờ đó thị trường tạm ổn định cho đến khi sổ sách ngân hàng được bình ổn.

Năm 1977 Quốc Hội Hoa Kỳ ủy nhiệm cho NHTƯ hai trọng trách (dual mandate) gồm bình ổn giá cả (price stability, tức chống lạm phát) và tạo tối đa công ăn việc làm (maximum employment.) NHTƯ thực hiện hai mục tiêu này bằng cách (1) điều chỉnh lượng tiền lưu hành và (2) tăng hay giảm lãi suất chỉ đạo, cũng giống như tài xế bơm xăng cho xe chạy nhanh (kinh tế tăng trưởng) hay đạp thắng cho xe chậm lại (kinh tế hạ nhiệt) như sau:

a. Tăng lượng tiền lưu hành và hạ lãi suất: hay là NHTƯ nới lỏng túi tiền (money loosening) khiến tiền dễ tìm (easy money) thành ra tiền rẻ (cheap money) thúc đẩy tăng trưởng. Doanh nghiệp và tư nhân vay mượn dễ dàng do phân lời thấp nên thương mại phát triển nhưng sinh ra lạm phát.

b. Giảm lượng tiền lưu hành và tăng lãi suất: hay là NHTƯ siết chặt túi tiền (money tightening) để kinh tế hạ nhiệt. Doanh nghiệp và tư nhân vay mượn khó khăn do phân lời cao khiến thương mại chậm lụt, dù tránh lạm phát nhưng dẫn đến suy thoái.

Trong ngắn hạn muốn chống lạm phát phải hạ nhiệt dẫn đến suy thoái và thất nghiệp, tức là hai mục tiêu bình ổn giá cả và tạo công ăn việc tương phản lẫn nhau.

Trong dài hạn giá cả phải bình ổn mới giúp doanh nghiệp tiên liệu để thuê mướn nhân viên cho nên hai mục tiêu nói trên bổ túc lẫn nhau.

Hai mục tiêu bình ổn giá cả (chống lạm phát) và tạo công ăn việc làm (chống suy thoái) cũng giống như hai đầu của cán cân: nới lỏng túi tiền thúc đẩy kinh tế tăng trưởng tạo ra nhu cầu thuê mướn nhân viên nhưng rồi đẩy giá cả tăng nhanh; siết chặt túi tiền ngừa lạm phát thì kinh tế nguội lạnh nên dân chúng mất việc. Cái khó của NHTƯ là cân bằng cho đúng mức giữa hai chính sách nới lỏng hay siết chặt túi tiền. Do chọn lựa của NHTƯ mất 12-18 tháng mới thấy hậu quả nên công việc này cực kỳ khó khăn (nhất là khi có quá nhiều "thợ bàn" trên báo chí và trong dư luận). Kết quả NHTƯ dù gồm những kinh tế gia thượng thặng nhưng vẫn thường sai nhiều hơn đúng.

1. ***BƠM TIỀN VÀO THỊ TRƯỜNG HAY RÚT TIỀN RA KHỎI THỊ TRƯỜNG***

NHTƯ kiểm soát lượng tiền lưu hành bằng cách ấn định mức dự trữ (reserve) của các ngân hàng thương mại ký thác với NHTƯ cho nên còn được gọi là Quỹ Dự Trữ Liên Bang hay Federal Reserve, tức là the Fed.

Vì ngân hàng không thể dùng quỹ dự trữ cho vay nên tăng dự trữ tức giảm lượng tiền lưu hành (rút tiền ra khỏi thị trường), còn hạ dự trữ tức tăng lượng tiền cho vay vào thị trường (bơm tiền vào thị trường). NHTƯ dùng quỹ dự trữ để tái cấp vốn cho những ngân hàng làm ăn thua lỗ không bị phá sản và có thêm thời gian hồi phục.

Dự trữ trong quỹ càng cao thì các ngân hàng tư càng an toàn vì đủ vốn đối phó với tình huống bất ngờ. NHTƯ dự đoán trường hợp thị trường rơi xuống 30%, 40%, 50%...thì mỗi ngân hàng tư cần bao

nhiêu tiền dự trữ để cầm cự (gọi là stress test.) Dự trữ càng nhiều thì ngân hàng càng vững, nhưng bù lại các ngân hàng tư đều không muốn tiền nằm chết trong quỹ dự trữ thay vì cho vay kiếm lời. Cho nên NHTƯ phải cân nhắc giữa tính an toàn và mức lời lỗ của các ngân hàng thương mại và nhu cầu vay mượn của thị trường.

Cách thứ nhì để NHTƯ bơm tiền vào thị trường là in bạc. Khi cần rút tiền ra khỏI thị trường NHTƯ quy định các ngân hàng thương mại tăng dự trữ. Các ngân hàng tư này dùng tiền dự trữ để mua nợ công kiếm ít lời (quỹ dự trữ không thể đầu tư cho vay nhưng được đầu tư mua nợ công) vì nợ công nước Mỹ được xem an toàn không khác gì tiền mặt[25] . Khi cần bơm tiền vào thị trường NHTƯ in bạc[26] mua lại nợ công của các ngân hàng tư để những ngân hàng này có thêm tiền mặt cho vay ngoài thị trường. Đây gọi là kích hoạt định lượng (quantitative easing), hay nôm na là bơm tiền (như bơm xăng cho cổ xe kinh tế chạy nhanh.)

Khi kinh tế quá nóng (lạm phát) thì NHTƯ rút tiền ra khỏi thị trường để hạ nhiệt bằng cách bán ra nợ công thu vào tiền mặt.

2. *TĂNG HAY GIẢM LÃI SUẤT*

Có hai loại lãi suất: ngắn hạn và dài hạn. Lúc cần vay mượn chỉ trong vài ngày hay vài tháng dựa vào lãi suất ngắn hạn, còn mượn tiền mua xe (5 năm) hay mua nhà (30 năm) dùng lãi suất dài hạn.

Lãi suất ngắn hạn ít rủi ro hơn lãi suất dài hạn. Lý do trong ngắn hạn dễ thấy trước các biến động, còn trong dài hạn khó lòng tiên liệu chính xác được sẽ có khủng hoảng, lạm phát hay suy thoái. Lỡ cho vay dài hạn nhưng lỡ 5, 10 năm sau tiền mất giá thu về không bằng vốn bỏ ra thì chủ nợ phá sản. Cho nên chủ nợ cho vay dài hạn phải đắn đo suy tính thận trọng, kết quả là thị trường trái phiếu (mua bán nợ) phản ảnh nền kinh tế chính xác hơn là thị trường cổ phiếu (sàn chứng khoán trồi sụt bất thường theo tin đồn và tâm lý đám đông.)

Trên nguyên tắc NHTƯ trực tiếp điều chỉnh lãi suất ngắn hạn bằng lãi

suất chỉ đạo (lãi trần), còn lãi suất dài hạn do thị trường (thay vì NHTƯ) quyết định. Trên thực tế NHTƯ chi phối lên cả lãi suất ngắn hạn lẫn dài hạn.

NHTƯ dùng lãi suất chỉ đạo (lãi trần) để điều chỉnh lãi suất ngắn hạn. Các ngân hàng tư thường chỉ giữ tiền mặt đủ để vay trả hàng ngày cho thân chủ đến rút tiền hay mượn tiền ngắn hạn (trả lương nhân viên v.v...) Nhu cầu tiền mặt mỗi ngày lên xuống trồi sụt chút đỉnh nên ngân hàng tư nào thiếu tiền mặt sẽ mượn tiền qua đêm (overnight loan) từ các ngân hàng bạn với lãi suất ngắn hạn, rồi sau đó sẽ thanh toán nhanh chóng trong vài ngày hay vài tháng. Ngân hàng tư có thể vay mượn với NHTƯ theo lãi suất chỉ đạo, hoặc vay mượn ngân hàng bạn nếu phân lời thấp hơn một chút. Cho nên lãi suất chỉ đạo là mức trần của các loại lãi suất ngắn hạn.

NHTƯ chi phối lãi suất dài hạn (nợ xe, nợ nhà, v.v…) bằng cách mua vào hay bán ra các loại nợ dài hạn của các ngân hàng tư nhân. Khi NHTƯ mua vào sẽ khiến nợ dài hạn dễ bán nên phân lời xuống thấp để dễ cho vay, tức là tăng lượng nợ trên thị thị trường. Còn nếu NHTƯ bán ra sẽ bớt người mua khiến phân lời lên cao, tức là giảm lượng nợ. Như vậy NHTƯ bơm tiền ra mua nợ hay bán nợ để rút tiền về sẽ khiến lãi suất của nợ dài hạn tăng hay giảm. Cho đến khi NHTƯ ngừng mua bán thì lãi suất dài hạn mới thật sự do thị trường quyết định. Như vậy NHTƯ bơm tiền hay rút tiền là một thí dụ NHTƯ mó máy thò tay can thiệp bẻ cong các quyết định của thị trường tự do.

3. *BÀN TAY MIDAS CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG*

Ngày xưa có vua Midas sờ ra vàng. Ngày nay có NHTƯ bấm chuột ra tiền.

Kinh tế gia Milton Friedman thuộc phái tiền tệ chủ trương NHTƯ chỉ tăng lượng tiền lưu hành 3-5% mỗi năm nhưng không điều chỉnh lãi suất bởi vì đây chẳng khác gì bàn tay hữu hình của nhà nước can thiệp vào thị trường.

Tại sao tăng lượng tiền lưu hành 3-5% mỗi năm? Giả sử một nền kinh tế sản xuất 100 chiếc xe trị giá $100 mỗi chiếc nên cần lượng tiền lưu hành $10000 để mua bán xe. Nếu kinh tế tăng trưởng 5% nên sản xuất 105 chiếc xe thì phải tăng lượng tiền lưu hành thành $10500 để bình ổn giá cả ở mức $100 mỗi chiếc. Còn giả sử NHTƯ bơm tiền nhiều hay ít tiền so với mức tăng trưởng tự nhiên của nền kinh tế sẽ dẫn đến lạm phát (tiền mất giá) hay suy thoái (không đủ lượng tiền lưu hành cho sinh hoạt thương mại).

Nếu kinh tế ở mức tăng trưởng tự nhiên thì lãi suất cũng đạt đến phân lời tự nhiên (natural interest rate), tức là lúc người cho vay và kẻ mượn tiền đạt đến thỏa thuận vay mượn trên thị trường mà không cần đến NHTƯ quy định lãi suất . Bàn tay Midas của NHTƯ khi mò mẫm vào lãi suất sẽ sinh ra hậu hoạn.

Trong thực tế NHTƯ Mỹ tuy chịu ảnh hưởng của Milton Friedman nhưng lại điều chỉnh lãi suất lẫn lượng tiền lưu hành vì cả hai đều là công cụ quan trọng để quản lý nền kinh tế, cũng giống như bác tài lái xe vừa bơm xăng vừa nhả thắng.

Milton Friedman chứng minh NHTƯ khi siết chặt túi tiền đã dẫn đến cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế 1929-33 vì doanh nghiệp không thể vay mượn để khuyếch trương và phục hồi.

Ngược lại NHTƯ thả lỏng túi tiền từ 2001 đã bơm lên bong bóng địa ốc (dân chúng đua nhau mua nhà vì dễ mượn tiền với phân lời thấp) dẫn đến cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08.

Nhà nước khi kích cầu trao tiền trực tiếp cho doanh nghiệp và dân chúng bằng những cách như giảm thuế (nhà nước hạn chế móc túi tiền dân) hay tăng tiền thất nghiệp (nhà nước bỏ thêm tiền vào túi dân). Ngược lại NHTƯ khi nới lỏng túi tiền lại không trực tiếp gửi tiền đến dân chúng mà thông qua các ngân hàng thương mại rồi mới đến tư nhân vay mượn. Do chỉ có nhà giàu mới vay mượn được ngân hàng để đầu tư hay kinh doanh trong khi người nghèo và thất nghiệp khó mượn tiền ngân hàng, cho nên hậu quả là chính sách tiền rẻ của

NHTƯ đào sâu khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

Trong 14 năm kể từ sau Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007 cho đến nay chính sách tiền rẻ của NHTƯ bơm giá nhà và cổ phiếu tăng lên vùn vụt thành ra lạm phát tài sản (asset inflation.) Ngược lại lương bổng tăng chậm. Cho nên chính sách tiền rẻ ưu đãi nhà giàu nhiều của cải (nhà đất và cổ phiếu) mà thiệt thòi cho giới lao động. Chính sách tiền rẻ chỉ kích thích nền kinh tế tăng trưởng một khoảng thời gian (nhờ giá trị tài sản tăng) rồi khựng lại (do không tạo thêm công ăn việc làm.)

Vì USD là đơn vị tiền dự trữ quốc tế (reserve currency) dùng rộng rãi trong mậu dịch toàn cầu nên nhiều quyết định của NHTƯ Mỹ ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới. Chính sách nới lỏng túi tiền của NHTƯ làm USD mất giá so với các loại tiền khác, ngược lại NHTƯ siết chặt túi tiền lại khiến USD tăng giá. Các nước đang phát triển mượn nợ bằng USD nên khó khăn trả nợ nếu USD tăng giá; ngược lại cũng chính những nước này dễ bán hàng cho Mỹ khi USD tăng giá. Cho nên mỗi lần NHTƯ Mỹ thay đổi chính sách từ tiền rẻ sang siết chặt túi tiền gây nhiều xáo trộn vì nhiều nước sợ vỡ nợ. Chính sách tiền rẻ cũng giống như cho con nít ăn kẹo (giá nhà và cổ phiếu tăng, lãi suất thấp dễ mượn nợ) lâu ngày sinh hư răng, đến khi cấm ăn kẹo (siết chặt túi tiền) thị trường giãy nãy (taper tantrum) như con nít vì giá nhà, giá chứng khoán sụt mà lại khó mượn nợ mới trả nợ củ.

Vì lý do trên nên NHTƯ Mỹ còn bị gọi là NHTƯ Thế Giới (Central Bank to the World). Các quyết định của NHTƯ Mỹ phải đắn đo xem ảnh hưởng đến những nước khác như thế nào vì sợ tác động ngược dội về Mỹ. Nhiều người Mỹ phản đối cho rằng NHTƯ Mỹ nay “làm dâu trăm họ” thay vì chú tâm vào Mỹ trước nhất với 2 nhiệm vụ do Quốc Hội ủy nhiệm là bình ổn giá cả và tạo công ăn việc làm tối đa trong nước.

Do quyền hạn vô cùng rộng lớn nên tính độc lập và phi chính trị của NHTƯ thường bị tấn công từ nhiều phía.

Cánh bảo thủ chất vấn tại sao NHTƯ không do dân bầu mà có quyền hạn quyết định ảnh hưởng đến đời sống thiết thực của toàn thể dân Mỹ?

Phe cấp tiến đòi hỏi quyền lực rộng lớn của NHTƯ không thể làm ngơ (color blind) mà phải dùng để thu hẹp bất công xã hội như nâng đỡ người da đen và dân thiểu số; thu hẹp hố sâu giàu nghèo; và khuyến khích đầu tư vào công nghệ xanh chống biến đổi khí hậu.

Nguy hiểm nơi NHTƯ trở thành một vũ khí chính trị phe phái thay vì chỉ chú tâm kinh tế.

Bàn tay Midas của NHTƯ tuy "nhẹ tay" hơn bàn tay hữu hình của nhà nước nhưng vẫn bẻ cong (distort) thị trường tự do. Vì kiểm soát túi tiền nên quyền lực của NHTƯ rất rộng lớn. Giới đầu tư Mỹ có câu "Don't fight the Fed" (Đừng chống cự lại NHTƯ) - ngụ ý khi NHTƯ thi hành chính sách tiền rẻ (easy money) thì giá cổ phiếu tăng, còn khi NHTƯ siết chặt túi tiền thì giá chứng khoán giảm nên người đầu tư đừng tài khôn đoán ngược lại mà cháy túi!

***

Một khía cạnh đáng được quan tâm là sức mạnh của Hoa Kỳ đặt trên 3 nền tảng gồm kinh tế, quân sự và vai trò của đồng đô-la. Ngày nay kinh tế nước Mỹ không còn vượt trội so với giai đoạn sau Thế Chiến Thứ Hai nhưng quân sự và vai trò của USD vẫn thiết yếu cho toàn thế giới. Cho nên nhiều chuyên viên cho rằng nhiệm vụ của NHTƯ Mỹ không chỉ giới hạn trong mục tiêu ổn định hệ thống ngân hàng Hoa Kỳ mà phải cân nhắc ổn định hệ thống tài chính toàn cầu.

Sau khi Mỹ phong tỏa quỹ dự trữ bằng USD của Nga trong chiến tranh Ukraine 2022 thì nhiều chuyên viên nhận xét vai trò của NHTƯ Mỹ nay quan trọng không kém Toà Nhà Năm Gốc trong các tranh chấp địa chính trị toàn cầu.

***

Sách đọc thêm:

1. Fed Up: An Insider's Take on Why the Federal Reserve is Bad for America (tác giả Danielle DiMartino Booth).
2. The Bankers' New Clothes: What's Wrong with Banking and What to Do about It (tác giả Anat Admati)
3. The Alchemists: Three Central Bankers and a World on Fire (tác giả Neil Irwin)

CHƯƠNG 5: KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO TRONG NƯỚC MỸ

Trong tư bản thị trường phải có tự do thì dân chúng mới hăng hái làm việc, tạo ra của cải và trao đổi hàng hóa để tất cả mọi người được hưởng lợi ích từ giá trị lao động của mỗi người.

Nhưng thị trường chỉ tự do khi sân chơi bình đẳng (level playing field.) Thị trường nếu để tự do lại là nơi lừa đảo, bong bóng, mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé.

Mỹ là nước tư bản nên dân chúng chấp nhận giàu nghèo khác biệt. Người Mỹ tán thưởng những ai từ bàn tay trắng làm nên sự nghiệp khổng lồ bằng công sức và trí tuệ như Bill Gates, Jeff Bezos hay Elon Musk. Theo thuyết giá trị biên tế (marginal value theory) thì giàu nghèo do nơi mỗi cá nhân tạo ra giá trị nhiều hay ít cho xã hội mà không có bóc lột.

Tuy không bóc lột nhưng có bất công. Tiền của đi đôi với quyền lực. Cá lớn nuốt cá bé, liệu những khối tài sản khổng lồ của có sẽ làm chênh lệch sân chơi hay không?

Tiền của mang đến cơ hội (opportunities), thí dụ con nhà giàu nhiều cơ hội học hành và tiến thân hơn con nhà nghèo. Cơ hội chênh lệch không chỉ giữa giàu nghèo mà còn đối với màu da, giới tính,v.v…Cơ hội không đồng đều có khiến sân chơi bất bình đẳng hay không?

Mỗi người sinh ra đều bình đẳng. Nhưng tài sản tích lũy từ đời này sang đời khác có tạo thành hai giai tầng giàu nghèo cách biệt khiến sân chơi trở nên bất bình đẳng hay không?

Nhà nước có phải can thiệp cho sân chơi bình đẳng để thị trường mới có tự do hay không? Hay công bằng xã hội chỉ là chiêu bài để nhà nước can thiệp và bẻ cong thị trường tự do, rồi sau đó tước đoạt của cải và quyền tự do cá nhân?

Chương 5 phân tích về khoảng cách giàu nghèo, chương 6 tìm hiểu về cơ hội đồng đều trong nước Mỹ.

1. *KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO DO HAI TRÀO LƯU ĐIỆN TOÁN HÓA VÀ TOÀN CẦU HÓA*

Mục tiêu của tư bản là hữu hiệu quá sản xuất thay vì công bằng xã hội. Marx phê bình tư bản dùng vốn để nâng cao năng suất (vốn đầu tư vào máy móc) mà hạ thấp giá trị lao động (lương bổng thấp vì máy móc thay thế công nhân.)

Từ đầu thập niên 1990 cho đến nay doanh nghiệp Âu-Mỹ đầu tư vốn ồ ạt vào điện toán hóa và toàn cầu hoá để hữu hiệu hóa dây chuyền sản xuất, đồng thời cắt giảm chi phí trả cho lao động khiến sân chơi trở nên chênh lệch giữa vốn (capital) và lao động (labour) như Marx đã phân tích.

1. Điện toán hoá: cuộc cách mạng điện toán từ thập niên 1990 gây nhiều xáo trộn xã hội không kém gì cuộc cách mạng công nghiệp trong thế kỷ 18. Công ăn việc làm của giới công nhân sản xuất và thành phần trung lưu cấp thấp (thư ký, nhân viên ngân hàng…) bị thay thế (dislocated) bởi máy móc điện toán. Doanh nghiệp từ đó cắt giảm thuê mướn nhân viên. Thu nhập của giới chủ cùng thành phần trung lưu trí thức tăng vọt tạo ra nhu cầu tiêu thụ và công ăn việc làm mới trong các ngành dịch vụ (service industry) và đầu tư (nhà đất, chứng khoán) để thay thế cho sản xuất (manufacturing industry) nhưng lương bổng trong dịch vụ (nhà hàng, khách sạn, du lịch, tài xế…) kém ổn định, không cao bằng mà cũng không được nhiều quyền lợi như bảo hiểm sức khỏe và hưu trí so với các hãng xưởng trước đây. Cho nên dù GDP vẫn tăng trưởng, doanh nghiệp lời kỷ lục, thất nghiệp không cao nhưng mức thu hoạch của 50% dân chúng ở tầng dưới cùng trong xã hội không tăng.

Nhà nước tìm cách giảm thiểu xáo trộn xã hội bằng trợ cấp thất nghiệp và đầu tư huấn luyện chuyên môn mới cho những người bị mất việc. Chính quyền Mỹ chi tiêu rất nhiều cho các chương trình dạy nghề nhưng không thành công do người lao động lớn tuổi khó thích

ứng với thời đại điện toán. Hậu quả khiến nhiều người thất nghiệp không cần đi tìm việc làm mà ở nhà nhận trợ cấp xã hội. Vấn nạn này sinh ra một tầng lớp bất mãn ăn không ngồi rồi, lạm dụng trợ cấp do thiếu động lực đi làm việc.

Một đề nghị thu hút nhiều ủng hộ là thay vì bằng cấp 4 năm đại học nhà nước khuyến khích các chương trình dạy nghề (apprenticeship hay vocational education) bắt đầu từ trung học cho đến 2 năm đại học – theo mô hình nước Đức.

Trong tương lai 10-30 năm trí tuệ nhân tạo sẽ thay thế nhiều công việc trong các ngành nghề từ lao động (lái máy bay hay xe vận tải,…) cho đến thành phần trung lưu trí thức (kế toán, luật sư, bác sĩ,…) nên sẽ một lần nữa làm đảo lộn cán cân giữa vốn (đầu tư vào tự động hóa và trí tuệ nhân tạo) cùng lao động (học vấn và nghề nghiệp chuyên môn.)

2. Toàn cầu hóa: Bức Màn Sắt sụp đổ giúp cho trào lưu toàn cầu hóa tăng trưởng theo nhịp độ chóng mặt. Các tập đoàn đa quốc gia bỏ vốn đầu tư di dời hãng xưởng sản xuất từ Tây Phương sang Trung Quốc và Đông Á để sử dụng nguồn nhân công rẻ cùng các quy định kinh doanh và môi trường lỏng lẻo. Kết quả nhiều công ăn việc làm trong ngành sản xuất ở Hoa Kỳ bị đánh mất, mà phần lớn tập trung vào thành phần công nhân sống trong vòng đai han rỉ (rust belt) ở các tiểu bang nội địa.

2. *KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO DO ĐỊA LÝ*

Một hiện tượng xảy ra trên khắp thế giới dù ở Mỹ, Tàu, Ấn Độ, Việt Nam hay Úc là giá sinh hoạt tại các thành phố duyên hải đắt đỏ hơn rất nhiều so với nội địa, lý do vì vùng ven biển thuận tiện cho mậu dịch toàn cầu hơn là trong đất liền (90% hàng hóa trên thế giới chuyên chở bằng đường biển.)

Các thành phố ven biển là nơi tập trung của di dân, những hãng xưởng điện toán, các đại học danh tiếng và thành phần tinh hoa ưu tú

nên trở thành những trung tâm văn hóa cấp tiến (liberals). Ngược lại dân chúng sống trong nội địa vẫn giữ tính bảo thủ (conservatives.) Do cách biệt quá xa về giá nhà, giá sinh hoạt và cơ hội tìm việc làm nên dân Mỹ ít dọn nhà từ nội địa ra duyên hải (trái với Trung Quốc và Việt Nam khi thanh niên dưới quê chọn lên thành thị sống kham khổ nhưng với đồng lương khá hơn công việc đồng áng, lý do vì ở hai nước này không có mạng lưới an sinh xã hội đầy đủ như Mỹ nên "khi đói thì đầu gối phải bò".) Kết quả dân chúng Hoa Kỳ ngày nay thiếu tính lưu động (mobility) so với thời lập quốc khi từng đoàn người di dân đi khai phá vùng đất mới[27] . Khoảng cách giữa hai vùng duyên hải và đất liền không chỉ về kinh tế mà gồm cả cách sống và văn hóa, dẫn đến hai khuynh hướng chính trị đối lập giữa các tiểu bang ven biển bầu cho đảng Dân Chủ cấp tiến còn các tiểu bang nội địa bỏ phiếu cho đảng Cộng Hòa bảo thủ.

3. *KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO DO TƯ HỮU TÀI SẢN*

Lao động đẻ ra tiền (lương bổng), nhưng tiền cũng đẻ ra tiền (lợi nhuận). Tiền nơi đây bao gồm tài sản và của cải.

Người Việt thường nói nhà giàu (nhiều tiền của) ngày càng giàu, trong khi làm công ăn lương (lao động) được đồng nào ăn hết đồng nấy nên suốt đời vẫn nghèo. Lý do vì sức lao động tùy thuộc từng cá nhân nên không thể tích lũy, trái lại của cải có thể tích tụ rồi trở thành gia tài thừa hưởng từ đời này sang đời khác. Tài sản tích lũy sinh lợi nhuận nhanh chóng hơn sức lao động. Thí dụ giá nhà và chứng khoán mỗi năm tăng 10% trong khi lương bổng chỉ tăng 4% cho nên người nào vừa có công ăn việc làm lẫn của cải (lại thêm được thừa hưởng gia tài) tất nhiên phát tài nhanh hơn là người chỉ trông cậy vào sức lao động của mình[28] .

Chữ dùng tiếng Anh trong kinh tế gọi người sống nhờ vào tài sản là "rent seeker," dịch thoát sang tiếng Việt là thành phần địa chủ sống bằng tiền thuê mướn đất đai trên sức lao động của tá điền. Nghĩa rộng theo Mác-Xít lại là giới chủ bỏ vốn (capital) để hút máu mủ từ

công sức lao động của giới thợ. Nhìn cách khác, lao động bình đẳng vì do công sức của từng cá nhân, trong khi tài sản tích lũy dẫn đến bất công. Những ai sở hữu nhiều nhà đất, chứng khoán hay cơ sở kinh doanh gọi là tư bản, còn ít là tiểu tư sản.

Ngược lại phe giá trị tiện ích (marginal value theory) lập luận cả vốn lẫn lao động đều cùng nhau góp phần tạo ra giá trị cho xã hội, thí dụ tư bản bỏ vốn đầu tư làm tăng năng suất lao động nên vốn mang lại giá trị. Tư bản đầu tư vốn tức không thụ hưởng tiện ích ngày hôm nay mà để dành cho ngày mai nên lợi nhuận trên vốn không thể bị lên án là bóc lột lao động.

Cộng sản cho rằng bất bình đẳng giàu nghèo do bất công. Tư bản cho rằng bất bình đẳng giàu nghèo không hẳn là bất công. Khác biệt nơi bình đẳng (equality) và công bằng (equity hay fairness.) Nhà nước cộng sản xây dựng một xã hội bình đẳng. Nhà nước tư bản giữ cho sân chơi phải bình đẳng (level playing field) nhưng không phải là xã hội bình đẳng.

Nhưng dù lý luận xuôi ngược như thế nào thì thực tế là nhà giàu ngày càng giàu. Tài sản trở thành gia tài tích lũy lâu ngày sẽ sinh thành hai giai cấp giàu nghèo khác biệt theo kiểu “Con vua thì lại làm vua, chú sãi ở chùa lại quét lá đa.” Giai cấp lại là kẻ thù của dân chủ lẫn tư bản vì cả hai đều cần đến sự công bằng. Cho nên dân chủ, tư bản hay cộng sản đều đồng ý một điểm là lên án giai cấp!

Thay vì tranh luận có bóc lột hay không kinh tế gia nổi tiếng Thomas Piketty đảo ngược cách nhìn trong quyển Vốn Tư Bản Ở Thế Kỷ Thứ 21 (Capital In The Twenty First Century) với lập luận rằng trong một xã hội tư hữu tài sản được tích lũy qua các thế hệ (gia tài.) Vì tiền của (và thế lực) đẻ ra tiền của (và thế lực) nên trải qua một thời gian nảy trội một giai cấp giàu vượt hơn hẳn số đông còn lại.

Dùng thí dụ ở Việt Nam cho dễ hiểu trong thế kỷ thứ 21 tài sản tích lũy nhanh chóng như thế nào. Trước đây một điền chủ có 10 người con đến khi chết đất đai chia manh mún ra thành 10 mảnh nhỏ nên

gia tài không để lại bao nhiêu. Nhưng nay một cặp vợ chồng khá giả ở Sài-Gòn có 2 căn nhà (chồng vợ mỗi người 1 căn) và 2 người con, đến khi họ chết mỗi người con hưởng gia tài 1 căn nhà trị giá trên 500 ngàn USD. Giả dụ một thanh niên từ dưới quê lên thành phố làm việc thật giỏi nhưng với mức lương 10 ngàn USD một năm phải mất 50 năm không ăn xài mới mua được 1 căn nhà – lương bổng dù tăng nhưng giá nhà còn nhảy vọt nhanh hơn! Thanh niên Sài-Gòn lại có điều kiện đi du học lấy bằng cấp giá trị ở Mỹ trong khi thanh niên ở dưới quê chỉ có mãnh bằng kém hơn ở Việt Nam, cho nên người dưới quê không bao giờ bắt kịp người thành phố. Nhìn chung của cải, quyền lực và cơ hội thăng tiến ngày càng tập trung vào giới tinh hoa thành phố.

Một nghiên cứu của giáo sư Walter Scheidel[29] thuộc đại học Stanford cho thấy trong lịch sử chỉ có 4 cách để thu hẹp khoảng cách giàu nghèo: (1) đại dịch đen vào thế kỷ 14 giết chết 40% dân chúng khiến lương bổng tăng vọt vì thiếu người lao động (2) chiến tranh thế giới lần thứ hai hủy hoại hàng loạt tài sản nhưng nhờ đó nên sân chơi trở nên bình đẳng từ 1945-1980 (3) cách mạng Bôn-Sơ-Vít cướp đoạt tài sản nhà giàu chia cho nhà nghèo (4) quốc gia suy thoái theo kiểu ngày tàn của đế quốc La Mã hay thời mạt Hán!

Nói cách khác, xã hội trở nên khô cằn thiếu sinh động một khi của cải và quyền lực tập trung vào một giới - cũng giống như trong rừng già các cổ thụ bén rễ giết chết cây non. Phải đợi đến cháy rừng hay thác lũ đào xới đất đai thì rừng mới non trẻ trở lại.

Chẳng ai ham muốn chữa bệnh bằng bốn liều thuốc độc nói trên! Cho nên cánh cấp tiến chủ trương thay vì để mặc cho quy luật tự nhiên đào xới thì nhà nước phải hàng ngày dùng bàn tay hữu hình chăm sóc nhổ cỏ dại, lấp đất lồi lõm để tạo sân chơi bình đẳng trước khi chênh lệch giàu nghèo sinh thành giai cấp, bất công và bạo loạn xã hội. Nhà nước phải can thiệp bằng những biện pháp như đánh thuế tài sản (wealth tax) và thuế gia tài (estate tax) nhằm ngăn chặn sự hình thành của giai tầng trong xã hội.

Trái lại nhiều người Mỹ trong đó có tỷ phú Warren Buffett quan niệm họ sẽ hiến dâng đa số của cải cho các tổ chức từ thiện do họ chọn lựa nhằm góp phần tạo ra sân chơi bình đẳng cho những kẻ kém may mắn (underprivileged) thay vì để tiền cho nhà nước thu thuế và…xài bậy.

Nhà nước thường lạm dụng quyền lực. Đối với phái tự do và bảo thủ thì động cơ thúc đẩy con người hăng hái làm việc chính là vì tư lợi để tạo ra của cải cho mình và cho dòng họ. Nay nhà nước đòi đánh thuế 1/2 tài sản tức là cướp của - nhất là khi nhà nước hô hào đánh thuế nhà giàu để rồi giới trung lưu cũng lãnh búa tạ sưu cao thuế nặng nuôi cho đám lười biếng không chịu đi làm!

4. *CHÍNH SÁCH BUÔNG LỎNG KINH TẾ KHIẾN SÂN CHƠI BẤT BÌNH ĐẲNG*

Nền kinh tế Mỹ từ thời Tổng Thống Ronald Reagan (1981) cho đến Donald Trump (2020) được gọi là “laissez faire” tức là nhà nước buông lỏng thị trường được tự do sinh hoạt. Nhà nước vừa bớt các quy định giám sát lại giảm thuế để thúc đẩy đầu tư tư nhân mà thu hẹp chi tiêu công.

Cánh cấp tiến lên án nhà nước giám sát lỏng lẻo khiến giới tài chính ngân hàng ham lời làm ăn cẩu thả dẫn đến trận Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08, hậu quả khiến hàng triệu dân chúng Mỹ mất nhà và thất nghiệp, trong khi các chủ ngân hàng đã không ở tù lại còn được hưởng những bổng lộc (bonus) khổng lồ. Như vậy nhà giàu có quyền thế bẻ cong thị trường khiến sân chơi không bình đẳng.

Cánh cấp tiến lên án chính sách cắt giảm thuế má giúp đỡ nhà giàu và doanh nghiệp hưởng trước, phần còn lại rơi rớt mới đến dân chúng (trickle down economy). Chính sách giảm thuế khiến những người giàu nhất nước Mỹ như đại tỷ phú Warren Buffett trả mức thuế thấp hơn là thư ký của ông; các đại công ty như Apple hay Microsoft lợi dụng những thiên đường thuế vụ khiến nhà nước thất thu hàng

chục trăm tỷ USD. Thu nhập của giám đốc các công ty lớn ở Mỹ vào năm 2018 nhiều gấp 256 lần nhân viên, cho đến năm 2020 tăng lên 351 lương nhân viên (so với Đức 136, Nhật 16) khiến hố sâu giàu nghèo tăng vọt một cách bất công.

Cánh cấp tiến từ thời Biden (2021) cho rằng nhà nước phải mạnh tay can thiệp để giám sát, tăng thuế và tăng đầu tư công nhằm hạn chế khoảng cách giàu nghèo giúp cho sân chơi bình đẳng.

5. *CHÍNH SÁCH TIỀN RẺ CỦA NHTƯ LÀM TĂNG KHOẢNG CÁCH GIÀU NGHÈO*

Từ sau cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08 NHTƯ bơm tiền và hạ lãi suất. Tiền từ NHTƯ không trực tiếp đến tay quần chúng mà thông qua hệ thống ngân hàng thương mại trung gian cho tư nhân vay với phân lời thấp (trái với các gói kích cầu của chính quyền có thể gửi tiền trực tiếp đến cho các gia đình nghèo và người thất nghiệp.)

Chính sách tiền rẻ (cheap money) của NHTƯ thúc đẩy các ngân hàng thương mại cho doanh nghiệp mượn tiền đầu tư, tư nhân vay tiền tiêu thụ khiến giá địa ốc và cổ phiếu tăng vọt. Nhờ vậy những ai sở hữu nhà đất và chứng khoán giàu thêm nhanh chóng trong khi lương bổng tăng chậm chạp khiến khoảng cách giàu nghèo ngày càng sâu đậm.

6. *HẬU QUẢ CỦA HỐ SÂU GIÀU NGHÈO*

Phe bảo thủ quan niệm nhà nước cắt giảm giám sát, thuế má và lãi suất nhằm thúc đẩy tư nhân đầu tư (kinh tế trọng cung, hay supply-side economy.)

Trong thực tế tiền của tích lũy lại thúc đẩy bong bóng đầu cơ.

Phe cấp tiến chủ trương tiền của chia đồng đều ra cho mọi người để thúc đẩy tiêu thụ; nhu cầu sản xuất từ đó tăng theo giúp tạo công ăn việc làm và kinh tế tăng trưởng (kinh tế trọng cầu, hay demand-side

economy.)

Thí dụ 100 tỷ USD tập trung vào 10 nhà giàu nhất, mỗi nhà mua 10 chiếc xe Roll Royces thượng hạng giá 10 triệu USD mỗi chiếc cũng chỉ tốn 1 tỷ USD. Tổng cộng 100 chiếc Rolls Royce tạo ra 10 ngàn công ăn việc làm. Còn dư 99 tỷ USD đầu tư 90%, đầu cơ 10% để thao túng (manipulation) thị trường sinh thành bong bóng.

Còn nếu 100 tỷ USD chia đều ra cho 100 ngàn gia đình thì mỗi nhà có 1 triệu USD. Nếu mỗi nhà mua 2 chiếc Toyota tốn 50 ngàn USD thì sẽ bán được 200 ngàn chiếc Toyota và tạo 2 triệu công ăn việc làm. Còn lại cho mỗi gia đình là 950 ngàn USD sẽ chia đều đầu tư giúp thị trường tăng trưởng cân đối hơn.

Tuy khó chứng minh quan hệ nhân quả (causation) giữa khoảng cách giàu nghèo và khủng hoảng kinh tế nhưng có nhận xét là khoảng cách giàu nghèo ở Mỹ tăng vọt vào đầu thế kỷ 20 dẫn đến Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929. Hố sâu giàu nghèo lại tăng vọt vào đầu thế kỷ 21 ngang hàng với đầu thế kỷ 20 sau đó là cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08.

Cho nên hố sâu giàu nghèo không chỉ đe dọa sự ổn định của nền kinh tế mà còn dẫn đến xáo trộn chính trị và xã hội.

***

SÁCH ĐỌC THÊM

1. Capital in the Twenty-First Century (tác giả Thomas Piketty)
2. The Great Leveler: Violence and the History of Inequality from the Stone Age to the Twenty-First Century (tác giả Walter Scheidel)
3. The Other Half of Macroeconomics and the Fate of Globalization (tác giả Richard Kuo)

CHƯƠNG 6: GIÀU NGHÈO VÀ CƠ HỘI

Mỹ là nước tư bản, ai cũng muốn giàu hơn người khác nên không đòi hỏi giàu nghèo giống nhau. Tuy nhiên dân Mỹ muốn có sự công bằng (fairness) để mỗi người được cơ hội đồng đều (equal opportunities) khi bắt đầu cuộc chơi, cho dù kết quả thành bại khác nhau là do may mắn, tài năng và nỗ lực của từng cá nhân thay vì nhờ vào thế lực, quan hệ hay giai cấp.

Nước Mỹ không thiếu trường hợp của những tỷ phú như Elon Musk, Jeff Bezos hay Bill Gates làm nên sự nghiệp từ hai bàn tay trắng sinh viên. Cộng đồng gốc Việt là một thí dụ thành công của các di dân khi đến Hoa Kỳ chưa đầy 50 năm nhưng đã đóng góp nhiều nhân tài và cho sự thịnh vượng của nước Mỹ. Ngược lại nhiều người da đen đến Mỹ từ ngày lập quốc nhưng nay vẫn sống trong các ổ chuột nghèo khó và nhiều tội ác. Hoa Kỳ tuy là vùng đất của cơ hội nhưng cũng chứa đầy dẫy bất công.

Sân chơi chênh lệch ở Mỹ không những do khoảng cách giàu nghèo mà còn bắt đầu từ lịch sử nô lệ, cho dù từ ngày lập quốc bản Tuyên Ngôn Độc Lập đã long trọng tuyên bố “Mọi người sinh ra (tức là trắng hay đen, nam hay nữ, v.v…) đều có quyền bình đẳng như nhau.” Đến đầu thập niên 1960 phong trào Dân Quyền (Civil Rights) nổi lên rầm rộ với kết quả dẫn đến 3 đạo luật chống kỳ thị và bất công gồm: (1) Equal Employment Opportunity, tức luật pháp bảo đảm Cơ Hội Đồng Đều trong công ăn việc làm; (2) Affirmative Action, tức luật pháp cho phép ưu tiên phụ nữ, người da đen và dân thiểu số vốn bị đối xử phân biệt trong quá khứ; (3) chương trình trợ cấp welfare và học bổng Pell Grant tài trợ nhà nghèo (phần đông là người da đen.) Nhiều gia đình tỵ nạn gốc Việt khi đến Mỹ được hưởng lây các chính sách này nên mới thành công cho đến ngày hôm nay, nhưng mặt trái gian lận welfare trở thành một thói xấu phổ biến trong cộng đồng gốc Việt.

Tính đến năm 2014 (tức là 50 năm sau Cuộc Chiến Chống Nghèo Đói 1964) nước Mỹ ước lượng chi tiêu 22 ngàn tỷ USD vào trợ cấp xã hội. Dù vậy kết quả khoảng cách giàu nghèo không giảm lại còn tăng ở Mỹ! Cánh hữu đòi xét lại tính hữu hiệu của các chương trình an sinh

xã hội vô cùng đắt đỏ, trong khi cánh tả cho rằng nhà nước can thiệp vẫn chưa đủ mà còn phải làm nhiều hơn nửa để tạo ra sân chơi bình đẳng.

Chính sách ưu đãi phụ nữ, người da đen và dân thiểu số (Affirmative Action) bị thưa kiện lên tòa án do kỳ thị ngược đối phái nam và người da trắng. Riêng sinh viên thiểu số gốc Á cũng đệ đơn lên Tòa Án Tối Cao rằng các trường đại học danh tiếng (elite universities như Harvard) ưu tiên nhận sinh viên da đen tức là kỳ thị sinh viên gốc Á khiến họ bị thiệt thòi mất chỗ.

Cho dù cánh tả phân biệt giữa Cơ Hội Đồng Đều (Equal Opportunity) không phải Kết Quả Đồng Đều (Equal Outcome) nhưng cánh hữu phản đối cho rằng đây chỉ ngụy biện cho xã hội chủ nghĩa trá hình vì cơ hội chỉ đến đồng đều khi nhà nước khiến mọi người đều nghèo giống nhau (egalitarian).

Nói cách khác, nhà nước áp đặt bình đẳng (equity) sẽ dẫn đến bất công (unfair). Công bằng (fairness) phải dựa trên tài năng (meritocracy) thay vì do nhà nước quy định bình đẳng (equality.)

Nhưng tài năng cần có cơ hội mới phát huy. Bình đẳng cơ hội chỉ đến khi không có khoảng cách giàu nghèo trong bước ban đầu. Xóa bỏ giàu nghèo lại chính là độc tài xã hội chủ nghĩa.

Các tranh luận lòng vòng kiểu này không có câu trả lời dứt khoát để mọi người hài lòng, nhưng cho thấy khoảng cách giữa nhà nước can thiệp (government intervention) dẫn đến nhà nước lạm quyền (government overreach), lộng quyền (despotism), chuyên quyền (autocracy) rồi nhà nước xã hội chủ nghĩa (socialism) rất mong manh.

CHƯƠNG 7: TIỀN

Bàn về kinh tế không thể không nhắc đến tiền. Tiền không mua được hạnh phúc nhưng không có tiền khó tìm ra hạnh phúc. Tiền mua tiên nhưng biến con người thành nô lệ đồng tiền. Con nít lên 3 đã biết dùng tiền để mua bánh kẹo thế mà các kinh tế gia nay vẫn còn tranh luận về tiền.

(Hỏi tiền là cái chi chi, thế gian ai cũng lo đi kiếm tiền!)

Tiền có 4 chức năng:

1. Thước đo giá trị: hàng tốt nhiều tiền, hàng xấu ít tiền.
2. Phương tiện trao đổi: mua bán bằng tiền, chuyển tiền, đổi tiền.
3. Tích lũy tài sản: để dành tiền.

Một chức năng thứ tư nhưng ít được nhắc đến là tiền đẻ ra tín dụng. Thí dụ ngân hàng thay vì cho vay tiền mặt lại cung cấp tín dụng để tư nhân mua nhà hay doanh nghiệp đầu tư, cho nên tín dụng trở thành huyết mạch vì là nguồn vốn (capital) trong hệ thống tư bản (capitalism). Tín dụng dễ dãi bơm lên bong bóng; tín dụng bừa bải sinh ra nợ xấu; tín dụng khan hiếm khiến nguồn vốn cạn kiệ và kinh tế không phát triển. Tương quan giữa tiền, tín dụng và nền kinh tế là một đề tài phức tạp mà Kinh Tế Dễ Hiểu xin ngừng nơi đây.

Trở lại với 3 chức năng đầu tiên USD được sử dụng trong cả 3 chức năng nói trên. Ngược lại tiền ảo Bitcoin chỉ dùng để đầu cơ tích lũy thay vì mua bán hàng hóa do giá trị trồi sụt bất thường. Đồng VND có giai đoạn chỉ dùng trong giao dịch hàng ngày thay vì tích lũy tài sản bởi vì dân chúng sợ nhà nước đổi tiền hay do VNĐ bay hơi mất giá.

Tiền không thụ động mà có sức sống sinh động vì:

(1) Tiền đẻ ra tiền: tiền của sinh sôi nảy nở giúp nhà giàu ngày càng nhanh chóng giàu thêm, trong khi dùng sức lao động mà không giữ tiền suốt đời tay làm hàm nhai.

(2) Tiền chạy đi kiếm lời: nước chảy vào đất thấp mà tránh đất cao thì

tiền biết kiếm lời mà tránh lỗ. Nước đọng ao tù cũng giống như tiền chết (tiền không chạy) nên bốc hơi cạn dần. Nước tuông vào chỗ trũng sinh ra lũ lụt thì tiền trào vào thị trường sẽ bơm lên bong bóng đầu cơ.

(3) Tiền tìm chốn an toàn: gửi tiết kiệm vào ngân hàng an toàn nhưng lời ít. Đầu tư vào chứng khoán lãi nhiều nhưng lắm rủi ro. Nhiều nước gửi tiền cho Mỹ vì xem Hoa Kỳ là chốn an toàn nhất để chọn mặt gửi vàng (Mỹ mượn tiền bằng USD nên in USD trả không bao giờ bị quỵt nợ.)

Hiện có 4 loại tiền: tiền nhà nước (fiat money), tiền điện toán phi nhà nước (như Bitcoin), tiền điện toán nhà nước (Central Bank Digital Currency hay CBDC) và tiền điện toán ổn định (stablecoin).

1. ***TIỀN NHÀ NƯỚC (FIAT MONEY)***

Mỹ in USD, Việt Nam in VND (tương đương với tư nhân in giấy nợ IOU hay là I Owe You.) Tiền nhà nước in ra chỉ là tờ giấy bạc nhưng có giá trị mua bán nhờ vào sự bảo đảm của chính quyền. Khi nào thị trường hết tin cậy nhà nước tức tiền mất giá. Thí dụ ở Việt Nam có lúc dân chúng "chê" tiền Bác Hồ mà chỉ muốn giữ USD, tức là dân Việt tin tưởng ông Washington hơn tin Bác!

Nhà nước độc quyền in tiền nên nếu nhà nước lạm quyền in tiền sẽ khiến tiền mất giá (lạm phát.) Nhà nước thao túng đồng tiền (currency manipulation) nhằm giữ giá trị đồng nội tệ thấp so với ngoại tệ hòng hỗ trợ xuất khẩu.

Tiền mất giá khiến giá cả leo thang, cho nên lạm phát là một thứ thuế tiêu thụ đánh lên mọi mặt hàng tiêu thụ khiến đời sống dân chúng trở nên chật vật. Do nhà giàu chỉ tiêu thụ một phần trong thu nhập trong khi nhà nghèo có bao nhiêu tiền xài bấy nhiêu nên lạm phát thiệt hại cho dân nghèo nhiều hơn giới giàu.

Lạm phát khiến nợ bốc hơi (do tiền mất giá) giúp người đi vay hưởng lợi mà kẻ cho vay thiệt thòi. Nhà nước dùng lạm phát để trả nợ vì tiền mất giá khiến nợ công cạn dần. Đây chẳng qua chỉ là một hình thức nhà nước gián tiếp tăng thuế tiêu thụ trên dân chúng để trả nợ cho nhà nước.

Lạm phát cao dẫn đến nhiều xáo trộn chính trị và xã hội nên sẽ có một chương bàn về lạm phát.

Mỹ là chúa nợ, nhưng dù Hoa Kỳ ồ ạt in tiền và ấn hành nợ công để bù đắp cho thâm thủng ngân sách và mậu dịch tuy nhiên trên thế giới chưa ai "chê" USD. Cho nên USD vẫn có giá, các nước tích lũy và dùng USD trong mậu dịch toàn cầu nên tiếp tục cho Mỹ vay mượn nợ bằng USD. Quỹ dự trữ ngoại tệ của các nước thường gồm USD, Euro, Yen…nhưng cho đến nay Euro, Yen, NDT (Nhân Dân Tệ), vàng, bitcoin,v.v...vẫn chưa thay thế được USD. Không phải vì các nước không biết Hoa Kỳ nợ ngập đầu và in bạc thẳng tay, nhưng trong đám mù kẻ chột làm vua: đồng Euro lung lay, đồng Yen còn yếu, đồng NDT bị Bắc Kinh thao túng nên chỉ có Mỹ ngu mới rộng rãi in nhiều USD (tức là in thêm nợ) cho thế giới dễ dàng vay mượn.

Khi mậu dịch toàn cầu tăng trưởng thì nhu cầu cần thêm USD để trao đổi hàng hoá theo đó tăng nhanh. Cho nên nhiều nước thu mua USD để tích lũy dùng mua bán với nước thứ ba.

Nạn nhà nước in bạc khiến tiền mất giá có thể được ngăn ngừa bằng cách cột giá trị đồng bạc vào vàng, tức là kim bản vị. Thí dụ có thời gian Hoa Kỳ bảo đảm 35 USD đổi ra một lượng vàng. Do lượng vàng tồn kho có hạn nên Mỹ không thể tùy tiện in thêm USD. Ưu điểm nơi nhà nước không lạm dụng in tiền nhiều hơn lượng vàng trong kho. Khuyết điểm nơi nhà nước bị trói tay không dễ dàng tăng lượng tiền lưu hành để kích thích tăng trưởng. Giả sử hệ thống ngân hàng gặp khủng hoảng dân chúng gửi tiền hốt hoảng đến đòi ngân hàng đổi tiền ra vàng cho an tâm. Nhà nước và ngân hàng cạn vàng dự trữ, mà nhà nước cũng không thể in bạc tái cấp vốn cho ngân hàng nên phải (1) tạm đóng cửa ngân hàng (bank holiday) để dân chúng không thể

rút tiết kiệm, và (2) nâng lãi suất để khuyến khích dân chúng gửi tiền thay vì rút tiền. Chính những biện pháp này đã dẫn đến cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929 vì thị trường thiếu tiền như nghẽn mạch máu, dù chỉ trong khoảnh khắc cũng đủ tác hại đến toàn bộ cơ thể và nền kinh tế giống như thiếu máu chỉ trong vài phút là hư não bộ và bại xụi tay chân.

Hoa Kỳ nay thả nổi đồng USD thay vì cột vào vàng. Giá trị đồng USD cao hay thấp do thị trường định đoạt. Thí dụ Mỹ nhập siêu (lẽ ra) USD xuống giá, Việt Nam xuất siêu (lẽ ra) VND tăng giá - nếu Việt Nam không thao túng ngoại tệ. Ưu điểm khi USD không còn cột vào vàng nhà nước không bị trói tay nên nhanh chóng tăng hay giảm lượng tiền lưu hành để đáp ứng nhu cầu kinh tế. Khuyết điểm vì nhà nước độc quyền in tiền nên lạm quyền in thêm tiền sinh ra lạm phát.

Nhiều nước neo đồng nội tệ vào USD, thí dụ Việt Nam cột VND dao động khoảng 23 ngàn so với USD. USD tăng giá thì VNĐ lên giá so với Euro, Yen; USD giảm giá thì VNĐ thụt giá so với các loại tiền khác. Lý do vì USD là đơn vị tiền mậu dịch quốc tế nên xuất cảng hay nhập cảng đa số dùng USD tiện lợi cho việc thanh toán. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam nên thay vì thả nổi VND Việt Nam cột VND giá thấp (so với USD) nhằm hỗ trợ xuất cảng. Nhưng bù lại khi USD sụt giá thì hàng hóa do Việt Nam nhập cảng (bằng USD) như máy móc, thực phẩm và dầu hỏa trở nên đắt đỏ. KTDH sẽ còn trở lại với chính sách thao túng ngoại tệ này trong phần sau.

2. *TIỀN ĐIỆN TOÁN PHI NHÀ NƯỚC (NHƯ BITCOIN)*

Vì nhà nước độc quyền in tiền nên nhà nước lạm quyền in thêm nhiều tiền sinh ra lạm phát.

Nếu một người trộn lẫn 5% chì vào vàng sẽ bị bắt giam về tội gian thương. Nhà nước in tờ 100 đồng nhưng giá trị mua bán chỉ là 95 đồng thì gọi là chú phỉnh (hay chính phủ.)

Do nhà nước bất công nên một nhân vật bí ẩn siêu phàm (chỉ qua tên gọi Satoshi Nakamoto mà không biết mặt) phát minh ra bitcoin, tức một loại tiền điện toán không lệ thuộc vào nhà nước. Vàng phải khai thác từ lòng đất thì bitcoin cũng phải dùng máy điện toán để đào bới trong không gian ảo (bitcoin mining). Hàng chục, trăm triệu máy điện toán trên toàn thế giới tham gia đào tìm bitcoin nên cứ mỗi 10 phút thì chỉ một máy điện toán nào may mắn nhất tìm ra một bitcoin mới. Do khan hiếm nên giá trị của bitcoin bởi thị trường định đoạt, bù lại số lượng bitcoin và giao dịch bằng bitcoin do các máy điện toán kiểm soát mà không qua nhà nước hay ngân hàng. Do không có hệ thống máy chủ nên hàng chục triệu máy điện toán toàn cầu tham gia vào bitcoin đều bình đẳng ngang hàng (egalitarian) trong mỗi quyết định. Mỗi giao dịch bằng bitcoin đều cột vào chuỗi mã số (digital ledger hay blockchain) và phải được 51% trong tổng số hàng chục triệu máy điện toán toàn cầu chứng nhận thì mới có giá trị. Cho nên ai muốn lường gạt phải biết cách che mắt hàng chục triệu máy điện toán này. Bitcoin được cánh tự do (libertarian) và phe vô chính phủ (anarchist), những người có máu bài bạc, giới buôn lậu và chuyển tiền lậu ưa chuộng vì không bị nhà nước lường gạt (in tiền) và theo dõi.

3. *TIỀN ĐIỆN TOÁN NHÀ NƯỚC (CBDC hay Central Bank Digital Currency)*

Nhà nước áp dụng kỹ thuật số của Bitcoin vào tiền nhà nước (fiat currency) vì những lợi ích vô cùng to lớn. Kết quả là loại tiền Điện Toán do Ngân Hàng Trung Ương ấn hành, hay CBDC. CBDC được Mỹ, EU, Trung Quốc[30] và nhiều nước nỗ lực nghiên cứu do tiềm năng mở ra một kỷ nguyên và những cơ hội mới chưa thể hình dung trong hiện tại.

Vì CBDC là tiền điện toán nên nhà nước anh cả (Big Brother Government của George Orwell) có thể theo dõi kiểm soát túi tiền của từng cá nhân! Riêng đối với Trung Quốc và khối Euro thì CBDC còn nằm trong chiến lược kinh tế toàn cầu để mở ra cơ hội phá vỡ vòng kiềm tỏa của USD. Mậu dịch toàn cầu thanh toán bằng USD phải qua

hệ thống máy chủ SWIFT liên kết hàng chục ngàn ngân hàng trên thế giới trong đó các ngân hàng Mỹ (do chính quyền Hoa Kỳ thanh tra) chiếm phần trụ cột, nên trong tương lai nếu thanh toán thẳng qua CBDC-NDT hay CBDC-Euro trên mạng Internet tất nhiên thoát khỏi sự quản lý của nhà nước Mỹ.

Ở Mỹ dân chúng giao dịch dùng tiền điện toán (digital cash) qua thẻ tín dụng, Apple Pay, hay Venmo thay vì tiền mặt (cash). Các loại tiền điện toán này đều thông qua trung gian của hệ thống ngân hàng thương mại. Ngược lại CBDC ấn hành trực tiếp từ Ngân Hàng Trung Ương đến dân chúng mà không qua các ngân hàng tư - cho nên có câu hỏi là vai trò của ngân hàng thương mại sẽ thay đổi như thế nào nếu dùng CBDC? Một thí dụ là muốn kích cầu thì nhà nước gởi thẳng CBDC vào trương mục của từng người dân, thay vì gửi ngân phiếu đến rút tiền từ các ngân hàng thương mại như hiện nay. Vì CBDC còn nằm trong phạm vi nghiên cứu nên Kinh Tế Dễ Hiểu chưa hiểu các tác dụng của CBDC, xin tạm ngừng nơi đây!

Trung Quốc hiện dẫn đầu thế giới về tiền điện toán (digital cash) với hai đại công ty Ant Financial (công ty con thuộc Alibaba) và WeChat cung cấp các dịch vụ tiền điện toán đến với hàng tỷ người dân Tàu. Ant và WeChat đều là mạng xã hội nên trữ liệu dữ kiện của cá nhân, cửa hàng hay doanh nghiệp; lại là cửa ngõ giao dịch (khách hàng mua bán chỉ cần trình ứng dụng Ant hay WeChat trong điện thoại cầm tay để khấu trừ vào tài khoản trên mạng); vừa là ứng dụng ngân hàng thương mại cho tiểu thương và cá nhân vay mượn cực kỳ nhanh chóng so với hệ thống ngân hàng thương mại truyền thống. Hai công ty Ant và WeChat cho vay mà không cần xét điểm tín dụng (credit score) nhờ trí tuệ nhân tạo theo dõi biết trước từng cá nhân hay doanh hiệu được tin tưởng nhiều hay ít do khách hàng khen hay chê qua các lời nhắn trên mạng xã hội. Ant và WeChat thêm lợi thế phục vụ dân chúng ở các vùng nông thôn hẻo lánh vốn không có chi nhánh ngân hàng truyền thống, nhưng nay ai cũng dùng điện thoại cầm tay nên có thể kết nối vào hệ thống tài chính toàn quốc. Ant và WeChat hiện giống như VISA bên Mỹ tức làm trung gian cho ngân hàng thương mại nhà nước (bên Tàu không có ngân hàng thương mại tư

nhân) nhưng hai siêu đại công ty này đủ lớn để tự lực (hay hợp tác với các siêu đại công ty tài chính Mỹ như Vanguard và Black Rock) nhằm cung cấp nhiều dịch vụ đầu tư đến với hàng trăm triệu dân Tàu qua điện thoại cầm tay, từ đó góp vốn cho doanh nghiệp vay mượn mà không qua hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước. Vào tháng 10-2020 Jack Ma (Ant) đã thẳng thừng chê bai lề lối làm ăn chậm lụt và quan liêu của hệ thống ngân hàng thương mại Trung Quốc.

Chính vì tiềm năng quá lớn của Ant và WeChat nên cả Jack Ma (Ant) lẫn Pony Ma (WeChat) sau đó bị Bắc Kinh bịt miệng nhằm kiểm soát không cho thách thức quyền lực nhà nước. Nói cách khác, Bắc Kinh không thể chấp nhận khu vực tư nhân lấn áp khu vực nhà nước nhất là trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

4. *TIỀN ĐIỆN TOÁN ỔN ĐỊNH (STABLECOIN)*

Giá trị Bitcoin trồi sụt hàng ngày nên không thể dùng để mua bán hàng hóa. Nhiều nước như Trung Quốc hay Nga cấm đoán Bitcoin vì xem đây là phương tiện đầu cơ hay chuyển tiền lậu mà không qua kiểm soát của nhà nước.

Công ty Facebook đề nghị một loại tiền điện toán ổn định tên gọi Libra. Libra dựa trên một giỏ ngoại tệ gồm USD, NDT, Euro, Yen, etc…để giá trị được ổn định (so với Bitcoin), lại không lệ thuộc riêng tư vào nhà nước Mỹ hay Tàu. Libra tiện lợi trong giao dịch quốc tế vì là một loại tiền điện toán ổn định (stablecoin).

Ý niệm về một loại tiền điện toán quốc tế thay thế USD, NDT, Euro… trong thương mại toàn cầu mà không qua hệ thống ngân hàng nhà nước gây nhiều chấn động, nhất là khi loại tiền này do một công ty tư nhân như Facebook kiểm soát. Cho đến nay không một chính quyền nào mặn mà với Libra hay các loại tiền điện toán ổn định khác. Nhưng trong tương lai của thế kỷ thứ 21 có thể rồi sẽ đến một loại tiền điện toán quốc tế tương tợ với Libra một khi thứ hạng nhất nhì của hai nền kinh tế Mỹ-Tàu thay ngôi đổi vị.

5. *THUYẾT TÂN TIỀN TỆ (MODERN MONEY THEORY hay MMT)*

Nếu Bitcoin sinh ra từ không gian ảo hư vô thì tại sao nhà nước không thể khuấy nước thành hồ in thêm tiền? Nhà nước độc quyền in tiền nên in thêm bao nhiêu tiền mới đủ?

Thuyết Tân Tiền Tệ cho rằng tiền là một loại tài nguyên quốc gia không khác gì quặng mỏ, của cải và sức lao động của dân chúng. Nhà nước có trách nhiệm khai thác loại tài nguyên này để tạo công ăn việc làm cho người dân. Theo MMT, in tiền không phải là ma thuật tài chính mà trái lại chính quyền phải tận dụng lợi thế của USD để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chẳng khác Saudi Arabia khai thác lợi thế dầu hỏa thì Mỹ phải khai thác lợi thế USD. Nhà nước chỉ ngừng in tiền khi lạm phát tăng. Nhà nước rút lại số tiền đã in ra bằng cách tăng thuế.

Nhà nước in tiền hoặc là in nợ. Mỹ vay nợ bằng USD nên Mỹ in USD trả nợ mà không sợ quỵt nợ[31]. Việt Nam vay nợ bằng USD nên Việt Nam vỡ nợ nếu không đủ USD trả nợ. Nói tóm lại, khi lạm phát thấp và thị trường còn cho Mỹ vay nợ USD thì Mỹ có trách nhiệm tiếp tục in tiền và mượn nợ USD để thúc đẩy kinh tế và tạo công ăn việc làm trong nước.

Lập luận lạ lùng này tuy gặp nhiều chống đối nhưng trong thực tế từ năm 2020 cho đến tháng 02-2022 cả hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ đều áp dụng MMT in tiền ào ạt để cứu cấp kinh tế qua đại dịch Vũ Hán. Trump in 3 ngàn tỷ USD, Biden in 2 ngàn tỷ USD, NHTƯ Mỹ in thêm 4 ngàn tỷ USD tổng cộng 9 ngàn tỷ USD. Nhờ bơm tiền như bơm máu nên nước Mỹ phục hồi nhanh chóng (GDP tăng trưởng 5.7% năm 2021) nay bị cao huyết áp (lạm phát 2022) do kinh tế quá nóng. Có rất nhiều tranh cãi cho rằng 9 ngàn tỷ USD bơm vào 21 ngàn tỷ USD GDP là quá đáng (kích cầu gần 30% GDP khi suy thoái do đại dịch Vũ Hán chỉ 5-7% GDP) - nhất là 2 ngàn tỷ cuối cùng của Biden là phí phạm - chỗ nên dẫn đến lạm phát 9.5% vào giữa năm 2022.

MMT rất phức tạp nên KTDH khuyến khích người đọc muốn tìm hiểu thêm hãy tự tìm đọc sách báo về MMT[32].

Câu hỏi còn lại là tại sao Mỹ vừa in tiền lại thêm một núi nợ khổng lồ mà thế giới vẫn chịu cho Mỹ mượn tiền?

6. *THẶNG DƯ TIẾT KIỆM TOÀN CẦU (GLOBAL SAVINGS GLUT)*

Cựu Tổng Thống Đốc NHTƯ Mỹ Ben Bernanke phân tích các nước cho Mỹ vay mượn vì thế giới bị ngập lụt tiền tiết kiệm mà không có chỗ gửi tiền! Lập luận lòng vòng như sau:

- Các nước xuất siêu (Việt Nam, Trung Quốc,…) không chịu chi tiêu đủ để thúc đẩy tiêu thụ nội địa. Thay vì chia tiền lời đến dân chúng thì chính quyền tích trữ USD vào các quỹ ngoại hối. Do đó thặng dư mậu dịch trở thành thặng dư tiết kiệm (surplus savings.)
- Các nước xuất khẩu thặng dư tiết kiệm (export surplus savings) bằng cách mua nợ công nước Mỹ. Tiền thế giới tuôn vào Hoa Kỳ sinh ra thặng dư đầu tư ở Mỹ.
- Thặng dư đầu tư ở Mỹ sinh bong bóng địa ốc và khủng hoảng tài chính ở Hoa Kỳ 2007.
- Thặng dư cho vay đẻ ra núi nợ khổng lồ ở Mỹ.

Những nước xuất siêu gồm:

- Các bán hàng hoá cho Mỹ như Trung Quốc, Việt Nam, Nam Hàn,....
- Các nước sản xuất dầu hỏa như Saudi Arabia, Nga, Na-Uy v.v…

Trung Quốc và Việt Nam xuất siêu nhưng thay vì đầu tư thặng dư mậu dịch vào an sinh xã hội lại thao túng tiền tệ để tích trữ các quỹ dự trữ ngoại hối khổng lồ. Mạng lưới an sinh xã hội kém nên dân Tàu, Việt phải để dành tiền phòng lúc ốm đau, thất nghiệp hay giáo dục con cái. Vì mức tiết kiệm quá cao nên ở Tàu và Việt Nam bơm lên bong bóng địa ốc, ngoài ra vẫn còn dư tiền mang ra nước ngoài đầu

tư hay cho vay. Nhiều nước cần vay như Argentina hay Ai-Cập nhưng kinh tế không vững sợ vỡ nợ. Cho Mỹ vay không lo bị quỵt nợ vì Mỹ in USD trả nợ .

Dễ vay nợ không hẳn là điều tốt, thí dụ như các cậu thanh niên 20 tuổi dễ mượn tiền mua xe xịn không cần biết đến ngày mai.

Khi Mỹ thúc đẩy nền kinh tế (hay tiêu xài hoang phí) mà thuế thu vào không đủ thì Mỹ in thêm tiền hoặc mượn thêm tiền. Nước Mỹ vay bằng USD nên có thể in USD để trả. Như vậy thiếu hụt ngân sách (deficit) cũng không sao vì Mỹ cứ tùy tiện mượn thêm tiền bù vào khoảng trống mà không bao giờ lo quỵt nợ - cho đến khi USD in ra nhiều quá mất giá khiến không nước nào còn muốn cho Mỹ vay. Nhưng hàng chục năm nay Mỹ mượn tiền ào ạt mà USD không mất giá (chưa ai “chê” USD) nên vẫn còn nhiều nước cho vay mượn với lãi suất gần âm (tức chịu lỗ cho vay) thì Mỹ cứ mượn thêm tiền để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng rồi nếu lạm phát thì nợ sẽ theo đó bốc hơi cạn dần.

Cái lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, cho nên các lý luận kinh tế đôi khi nghe ngược đời và ngụy biện. Chuyện tiền bạc còn dài dài nhưng xin để dành cho những chương sau.

SÁCH ĐỌC THÊM

1. The Deficit Myth (tác giả Stephanie Kelton)
5. Modern Monetary Theory (tác giả L. Randall)

CHƯƠNG 8: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH HOA KỲ

Người Mỹ ví von so sánh nền kinh tế với 2 khu phố:

1. Main street tức khu phố dân cư sinh hoạt với những nhu cầu thiết thực hàng ngày như giá cả và công ăn việc làm.

2. Wall street tức khu phố tài chính gồm ngân hàng, chứng khoán, đầu tư nhà đất, bảo hiểm v.v...

Phố dân là cơ bắp của nền kinh tế trong đó dân chúng tạo ra của cải và tiêu dùng. Phố Wall cung cấp tiền bạc vốn liếng cho đầu tư và tiêu thụ, cũng giống như trái tim bơm máu vào cơ thể. Máu huyết điều hoà thì cơ thể tăng trưởng khỏe mạnh. Nhưng đôi khi lực sĩ bắp thịt nở nang mà bất ngờ đứt mạch máu vẫn lăn đùng ra chết! Cho nên giữa hai khu phố không phải lúc nào cũng sinh hoạt thuận chiều với nhau.

Thí dụ nền kinh tế (phố dân) đang vững mạnh nhưng trổi lên bong bóng mượn nợ đầu cơ. Đến khi bóng nổ vì nợ xấu khiến nhiều ngân hàng (phố Wall) phải đóng cửa. Nguồn tiền cạn kiệt, doanh nghiệp khó vay mượn kinh doanh đành sa thải nhân viên. Như vậy phố dân dù đang an cư lạc nghiệp nhưng vẫn bị vạ lây từ phố Wall.

Trường hợp năm 2021 trong đại dịch Vũ Hán, nhiều người mất việc (phố dân suy thoái) nhưng giá địa ốc và chứng khoán tăng vọt (phố Wall tăng trưởng). Thử hỏi dân chúng không đi làm thì tiền đâu mua nhà? Lý do vì NHTƯ giữ lãi suất thấp thúc giục nhiều người mượn tiền mua nhà khiến giá địa ốc tăng. Do phân lời thấp nên tiền gửi tiết kiệm vào ngân hàng không sinh lãi, thay vào đó tiền tuôn vào đầu tư mua cổ phiếu khiến thị trường chứng khoán nhảy vọt. Cho nên phố Wall giàu thêm trong lúc phố dân khốn đốn. Thành phần có tài sản, sở hữu nhà đất (63% dân chúng ở Mỹ) và chứng khoán (52% dân chúng) giàu thêm trong khủng hoảng trong khi dân lao động sống bằng tiền lương ngày thêm vất vã.

Trong thị trường tài chính có hai khái niệm thường được nhắc đến

gồm:

1. Financial Liberalization: giải phóng, hay cởi trói tài chính.

2. Financial Repression: trói buộc tài chính.

Đây là hai khái niệm rộng nên Kinh Tế Dễ Hiểu xin dùng thí dụ giúp người đọc hình dung sơ lược.

1. ***GIẢI PHÓNG TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC***

Cởi trói tài chính xảy ra khi ngành tài chính trong nước được sinh hoạt tự do thoát khỏi những can thiệp của nhà nước. Thí dụ phân lời cao hay thấp là do nơi thị trường quyết định thay vì do nhà nước hay NHTƯ chỉ đạo. Nhà nước lại nới lỏng các quy định và giám sát (financial deregulation) để khuyến khích các công ty tài chính phát huy sáng kiến đầu tư mới cho dân chúng. Tuy nhiều cơ hội làm giàu nhưng cũng nhiều cơ hội thua lỗ mất vốn!

Thí dụ tiền mua nhà là tiền chết không sinh lời cho đến khi bán nhà. Nhưng nếu thế chấp căn nhà đang ở để vay nợ mới dùng vào đầu tư hay tiêu thụ thì tiền chết trở thành tiền sống lưu chuyển trong thị trường và thúc đẩy tăng trưởng. Nhà nước cởi trói ngành tài chính bằng cách tháo gỡ các quy định cho phép ngân hàng dễ dãi cho vay nợ mới với phân lời thấp nhằm bơm vốn vào thị trường.

Giả sử mượn tiền mua nhà với thời hạn 30 năm. Ngân hàng chết vốn do vốn và lãi mất 30 năm mới thu về. Ngược lại nếu nhà nước cởi trói quy định cho phép ngân hàng bán nợ củ (mortgage securitization) để gây vốn mới sẽ mang đến 2 lợi ích:

- Ngân hàng bán nợ địa ốc nên giới kinh doanh dù ở nơi nào trên thế giới (thí dụ đại gia Trung Đông, Việt Nam) đều có thể mua nợ để đầu tư vào các thị trường địa ốc nóng hổi cho dù là ở Cali, Vancouver, Sydney... Ngành địa ốc được toàn cầu hóa nên bốc hỏa nhờ vốn không chỉ giới hạn trong

khu vực dân cư lân cận (trước đây chỉ có người Cali mua nhà Cali) mà vốn đến từ khắp mọi nơi thế giới (chủ dầu hỏa Trung Đông đầu tư vào địa ốc Cali bằng cách mua nợ địa ốc từ ngân hàng.)

- Ngân hàng bán nợ cũ gây thành vốn mới cho vay mua nhà. Nguồn vốn được tái sinh (recycled) giúp thêm nhiều người mua nhà khiến thị trường địa ốc và nền kinh tế tăng trưởng.

Ngược lại thí dụ cởi trói tài chính nói trên lại có nhiều khuyết điểm:

- Nhiều người thế chấp căn nhà đang ở để vay nợ mới (refinance) nhưng thay vì đầu tư lại tiêu xài phung phí, đến khi nợ trả không nổi thành ra mất nhà.

- Ngân hàng trở thành trạm trung chuyển cho vay rồi bán nợ nên ngân hàng không còn là chủ nợ sợ bị quỵt nợ. Vì không lo mất vốn nên ngân hàng sinh cẩu thả trong việc thanh lọc người mượn tiền. Ngân hàng tham lời nên thúc đẩy cho vay rồi bán nợ càng nhanh càng tốt. Ngân hàng lúc cho vay thiếu thận trọng, giới đầu tư quốc tế mua nợ nhưng ở xa nên không nắm rõ tình hình nhà đất địa phương. Tình trạng này lâu ngày dẫn đến bong bóng nợ xấu vì có nhiều người luồn lách kẽ hở để đầu cơ vào thị trường địa ốc đang tăng trưởng.

- Giả sử ngân hàng cho vay tổng cộng 10 tỷ USD địa ốc. Ngân hàng chia ra 10 gói nợ trị giá 1 tỷ USD mỗi gói để bán cho 10 nhà đầu tư A[33]. Những nhà đầu tư A lại sang nợ bán cho các nhà đầu tư B. Nợ chuyền tay qua lại vài lần như vậy nên không còn biết ai là chủ nợ, mà cũng không ai biết sở hữu nợ xấu hay tốt.

Những khuyết điểm nói trên góp phần dẫn đến bong bóng địa ốc và cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08 mà sau đó các ngân hàng không gánh chịu trách nhiệm trực tiếp (chủ ngân hàng không bị ở tù

mà còn hưởng thêm bổng lộc trong khi các ngân hàng được nhà nước tái cấp vốn) trong lúc dân chúng mất nhà thì ráng chịu! Cho nên giới cấp tiến phê bình là không thể cởi trói ngành tài chính sinh hoạt tự do mà cần được nhà nước quản lý chặt chẽ nhằm ngăn ngừa các sai phạm của ngân hàng dẫn đến tác hại rộng lớn lan ra toàn bộ nền kinh tế.

Cởi trói tài chính còn đi đôi với đại chúng hóa đầu tư (democratization of finance), tức là tạo cơ hội đầu tư mở rộng đồng đều với giá thấp để mọi người trong thời đại Internet có thể dễ dàng tham gia.

Trước đây chỉ giới "trong nghề" mới tiếp cận những thông tin "hành lang." Nay tin tức tràn ngập và lan truyền nhanh chóng trên Twitter, Reddit giúp giới đầu tư nhỏ lẻ không bị thiệt thòi so với các chuyên viên tài chính. Tuy tin thật hay giả khó phân biệt nhưng sân chơi rộng mở cho đại chúng. Thị trường tài chính ở Mỹ không những chi phối bởi các đại gia mà còn thêm đám đông quần chúng thông đồng trên mạng xã hội để thao túng giá cả. Đến lúc chị Tư bán hột vịt lộn ở chợ Gò Vấp nóng ruột theo dõi thông tin bitcoin trên điện thoại di động thì…lo rút chạy cho nhanh!

Phí giao dịch (trading fee) cho mỗi lần mua bán chứng khoán ở Mỹ 30 năm trước là 30 USD, nay không tốn một đồng xu. Thị trường tài chính nhờ phí thấp nên được đại chúng hóa cho cả giới đầu tư dù đại gia hay nhỏ lẻ. Nhưng do không trả phí giao dịch thành ra nhiều người đâm ra nghiện chơi stock như đi casino. Thị trường thay vì khuyến khích thận trọng đầu tư lại tạo cơ hội đánh bạc đỏ đen!

Một cuộc cách mạng tài chính (financial revolution) hiện đang diễn ra nhờ vào công nghệ tài chính điện toán (financial technology, gọi tắt là fintech.) Dân chúng ở rừng núi hay thôn quê trước nay không tiếp cận được với các dịch vụ tài chính vì ngân hàng không mở chi nhánh ở những vùng xa xôi hẻo lánh. Nhưng nay mọi người đều dùng điện thoại thông minh nên trong tương lai gần các hãng Fintech sẽ cho phép mở trương mục và giao dịch qua điện thoại ở bất cứ mọi nơi. Một công ty Fintech theo dõi thương vụ của bà Tư bán hủ tiếu ở Cà

Mau, nhờ khách hàng trả tiền qua điện thoại thông minh (thay vì tiền mặt) nên biết hủ tiếu bà bán rất chạy. Công ty Fintech lại dùng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence hay AI) để theo dõi lượng khách khen chê trên mạng xã hội. Từ đó công ty Fintech sẽ tự động đề nghị cho bà Tư mượn tiền khuếch trương thành cửa tiệm thay vì suốt đời buôn bán hàng rong.

Câu chuyện này không phải giả tưởng vì Alibaba và Wechat là hai công ty hiện dẫn đầu thế giới trong các thương vụ tài chính điện toán - một trường hợp điển hình ăn mày bên Tàu nay nhận tiền qua điện thoại thông minh do dân chúng không mang tiền mặt (Hồng Thất Công thế kỷ thứ 21 trang bị điện thoại Huawei thay thế Đả Cẩu Bổng.) Fintech còn thêm rất nhiều ứng dụng khác, như đi đôi với việc cho người nghèo vay để làm ăn nhỏ lẻ (microlending) sẽ giải phóng ngành tài chính nhằm phát huy một cuộc cách mạng tiền tệ làm thay đổi bộ mặt nhân loại từ thành thị cho đến thôn quê.

2. *GIẢI PHÓNG TÀI CHÍNH NGOÀI NƯỚC*

Trong Chiến Tranh Lạnh tư bản Tây Phương không thể đầu tư sang khối cộng sản để bóc lột công nhân sống trong thiên đường xã hội chủ nghĩa (!) Nay bức màn sắt sụp đổ thì mọi quốc gia đều được khuyến khích mở cửa giải phóng tài chính giúp vốn đầu tư tự do lưu thông giữa các nước theo trào lưu toàn cầu hóa.

Có 2 loại vốn nước ngoài:

- Vốn đầu tư trực tiếp (FDI, hay Foreign Direct Investment) do nước ngoài bỏ tiền xây cất hạ tầng và nhà máy, theo đó tạo công ăn việc làm và nâng cao trình độ kỹ thuật của nước nhận FDI. Như vậy FDI có lợi cho tăng trưởng kinh tế của nước nhận đầu tư.

(Nên lưu ý trường hợp của kế hoạch Vành Đai Con Đường của Trung Quốc là vốn cho vay thay vì vốn đầu tư. Vì là tiền cho vay nên Bắc Kinh mới dẫn dụ các con nợ nước ngoài vào những

công trình đầu tư hào nhoáng nhưng kém hiệu quả để rồi sau đó Bắc Kinh mới siết nợ.)

- Vốn đầu tư gián tiếp vào các thị trường tài chính như trái phiếu, cổ phiếu và địa ốc. Dòng vốn này lưu động nên dễ dàng ra vào một quốc gia nếu ngành tài chính được giải phóng. Vốn đầu tư gián tiếp thường bơm lên bong bóng nợ, bong bóng chứng khoán và địa ốc (khu nhà ở, chung cư, khu du lịch, sân golf…) Đến khi bóng nổ giới đầu tư nước ngoài lại tháo vốn bỏ chạy như các trường hợp khủng hoảng Mễ Tây Cơ 1994, Đông Á 1998, Nga và Đông Âu 2000, Nam Mỹ 2002 và Nam Âu 2010.

Nước tìm chỗ trũng đổ vào thì dòng vốn lưu động cũng biết chạy vòng quanh thế giới kiếm lời. Nước tràn sinh lụt lội rồi nước rút thì ngành tài chính đổ vào sinh bong bóng lại tháo chạy. Thị trường nhà đất ở Nhật sụp vào đầu thập niên 1990 nên dòng vốn lưu động thoái lui sang Đông Nam Á và Đông Âu đuổi theo các con rồng sắp cất cánh. Tới phiên bóng nổ ở Đông Nam Á và Đông Âu vào cuối thập niên 1990 dòng vốn lưu động tháo chạy sang Mỹ và Nam Âu bơm lên bong bóng địa ốc cho đến khi bóng nổ ở Mỹ vào năm 2007 và tại Nam Âu vào năm 2010 .

Nhờ cởi trói tài chính nên dòng vốn lưu động di chuyển dễ dàng qua lại giữa các quốc gia khiến khủng hoảng tài chính lây lan nhanh như dịch cúm Tàu do tâm lý hoảng loạn của giới đầu tư. Năm 1997 giới đầu cơ tiền tệ (currency speculators) tấn công đồng Baht Thái Lan khi nền kinh tế nước này lộ rõ các khối nợ xấu. Tin dữ đồn nhanh khiến giới đầu tư quốc tế hoảng hốt đua nhau tháo chạy ra khỏi Thái Lan rồi đến những nước lân cận như Indonesia, Philippines, đến Nam Hàn, Đài Loan khiến toàn vùng Đông Á bị vạ lây - người Mỹ gọi là drive by shooting, tức là đứng gần nên ăn đạn lãng xẹt. Năm 2007 giới tư bản thua lỗ trong thị trường địa ốc ở Mỹ. Các ngân hàng Âu Châu hoảng sợ tháo vốn dây chuyền ra khỏi thị trường nhà đất Nam Âu dẫn đến cuộc khủng hoảng Euro 2010[34].

Vốn từ đâu nhiều đến mức sinh ngập lụt như vậy? Có hai nguyên nhân được đưa ra:

- Giải thích thứ nhất là thế giới hiện đang ngập lụt tiền tiết kiệm (global savings gluts). Các nước Âu-Mỹ-Nhật đông người sắp hồi hưu nên để dành tiền trong những quỹ hưu trí khổng lồ. Các nước bán dầu như OPEC, Nga và Na Uy tồn trữ những khoảng thặng dư kếch sù trong những năm giá dầu tăng vọt. Cán cân mậu dịch chênh lệch và tình trạng thao túng ngoại tệ giúp các nước Đông Á như Nam Hàn, Trung Quốc, Việt Nam…tích lũy những khoảng dự trữ USD dồi dào. Sau cùng là tình trạng giàu nghèo chênh lệch trên thế giới: nhà nghèo có bao nhiêu tiền xài hết trong khi nhà giàu xài không kịp nên dư vốn đầu tư; nhờ chuyển tiền dễ dàng nên đại gia Mỹ, Nga, Tàu, Việt, Ấn…mua nhà đất ở Cali, Vancouver, Sydney, Singapore, Sài Gòn, Thượng Hải, Hồng Kông, Mumbai,…bơm lên bong bóng địa ốc ở khắp các thành phố lớn và khu du lịch trên toàn thế giới!

- Giải thích thứ hai do NHTƯ Âu-Mỹ-Nhật bơm tiền và hạ lãi suất. Tiền gửi ngân hàng không có lời nên tiền chạy đi kiếm lời vào nhà đất và chứng khoán. Tiền còn chạy sang các nước chậm tiến cho vay với phân lời cao để bù đắp cho rủi ro. Bong bóng tài sản ở Mỹ (asset inflation) và bong bóng nợ ở các nước đang mở mang có nguy cơ nổ một khi NHTƯ tăng lãi suất để ngăn ngừa lạm phát.

IMF trước đây khuyến khích dòng vốn lưu động nay đâm ra dè dặt vì nguồn tiền này dễ sinh ra bong bóng và khủng hoảng.

3. ***TRÓI BUỘC TÀI CHÍNH***

Trói buộc tài chính (financial repression) trái ngược với cởi trói tài chính (financial liberalization). Một phương thức để kiểm soát dòng vốn (capital control) là Tàu ngăn chặn trong nước không được đổi NDT sang USD để tháo vốn bỏ chạy ra nước ngoài.

Một cách khác để trói buộc tiền tệ là cột giá đồng bạc nhằm thao túng hối đoái (currency manipulation.) Thí dụ Việt Nam xuất siêu so với Hoa Kỳ lẽ ra VND tăng giá so với USD. Mỹ đổi USD sang VND để mua hàng Việt, lẻ ra USD mất giá so với VND. Tuy nhiên Việt Nam thao túng ngoại tệ bằng cách thu mua USD tích lũy trong quỹ dự trữ. USD bị khan hiếm (một cách giả tạo) ngoài thị trường nên không mất giá (so với VND). Điều này cũng giống như Việt Nam đắp đập chứa nước thượng nguồn khiến hạ nguồn bị hạn hán.

Thao túng tiền tệ với nước ngoài lại liên hệ chặt chẽ đến trói buộc tài chính trong nước. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng lẽ ra đời sống nhân công[35] được nâng cao. Tuy nhiên giá trị lao động (gồm lương bổng và quyền lợi công nhân) ở Trung Quốc chỉ chiếm khoảng 50% GDP trong khi giá trị lao động ở Mỹ chiếm 70% GDP, tức là 20% GDP không đến với dân chúng mà bị nhà nước và doanh nghiệp ăn chặn. (Hệ lụy là tư bản Tây Phương dọn hãng xưởng sang Trung Quốc, Việt Nam vì giá lao động ở Âu-Mỹ quá cao!)

Do chế độ an sinh xã hội yếu kém nên dân chúng Trung Quốc phải tăng tiết kiệm phòng khi bệnh hoạn, già yếu hay để trả tiền con cái ăn học. Giá nhà Trung Quốc vừa cao ngất ngưỡng lại tăng liên tục trong 30 năm nên giới trẻ phải dành dụm đầu tư mua nhà (có nhà mới cưới vợ!) Bắc Kinh quy định lãi suất tiết kiệm ngân hàng thấp nhằm hút dòng vốn từ dân chúng cho các công ty quốc doanh và tư bản thân hữu vay mượn với phân lời hạ (công ty nhà nước vay ngân hàng với phân lời 2% thấp hơn doanh nghiệp tư nhân.) Nhà nước cột lãi suất thấp để thu vào tiết kiệm rẻ trong dân chúng nhằm hỗ trợ cho công ty quốc doanh và tư bản thân hữu vay mượn[36], tức là chính sách bắt nhà nghèo tài trợ nhà giàu.

Bắc Kinh trói buộc ngành tài chính bằng cách cho ngân hàng nhà nước Trung Quốc độc quyền trong nước trong khi hạn chế ngân hàng và công ty nước ngoài xâm nhập thị trường. Dân chúng không có chọn lựa đầu tư nào khác hơn là gửi tiền cho ngân hàng với phân lời

thấp.

Nhà nước Trung Quốc kiểm soát dòng vốn nhằm ngăn cản lượng tiền USD thoát ra ngoại quốc, nhờ vậy chặn được các đại gia trong nước tháo vốn bỏ chạy ra nước ngoài vào năm 2016. Đây cũng là một phương cách trói buộc tiền tệ không cho vốn tự do lưu thông giữa các nước.

Không riêng gì Trung Quốc mà các nước Tây Phương cũng đều có chính sách ép buộc tiền tệ. Do NHTƯ Mỹ kìm giữ lãi suất thấp nên giới đầu tư bắt buộc phải kiếm lời bằng cách đổ tiền vào thị trường địa ốc và chứng khoán khiến giá nhà và cổ phiếu bay bổng cho dù thất nghiệp cao trong mùa dịch Vũ Hán. Chính sách của NHTƯ bóp méo (distort) sự vận hành của thị trường tự do, bơm lên hai bong bóng khổng lồ mà NHTƯ trong năm 2022-23 đang đu dây tìm cách cách xì hơi (tapering) thay vì đợi bong bóng nổ!

SÁCH ĐỌC THÊM

1. Crashed: How a Decade of Financial Crises Changed the World (tác giả Adam Tooze.)

CHƯƠNG 9: BONG BÓNG TÀI CHÍNH VÀ KHỦNG HOẢNG NGÂN HÀNG

Khủng hoảng kinh tế thường do một trong hai nguyên nhân: (1) sản xuất hàng hoá bị giảm sút, hay (2) bong bóng tài chính và khủng hoảng ngân hàng. Sản xuất có thể bị đình trệ do chiến tranh, thiên tai (hạn hán, bão lụt, dịch bệnh,v.v…) khiến dây chuyền sản xuất gặp trở ngại, hãng xưởng bị tàn phá, mùa màng thất thu, giao thương gián đoạn. Mức cung không đáp ứng mức cầu dẫn đến tình trạng khan hiếm, tâm lý hoảng hốt và nạn đầu cơ.

Trái lại bong bóng tài chính bắt đầu từ tâm lý phấn khởi của quần chúng đổ tiền vào một cơ hội đầu tư mới khi có thay đổi lớn trong xã hội như tiến bộ về kỹ thuật. Vài thí dụ điển hình như:

- Mỹ vượt trội Anh trở thành nền kinh tế hàng đầu thế giới vào cuối thế kỷ 19. Thế Chiến Thứ Nhất kết thúc dẫn đến Thập Niên Hồ Hởi 1920 (The Roaring 20’s) khi đó giới đầu tư hăng hái đổ tiền vào thị trường chứng khoán mà hậu quả dẫn đến ngày Thứ Hai Đen (Black Monday) và cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929.

- Tiếp theo sự xuất hiện của 5 con rồng châu Á các nhà đầu tư quốc tế tuôn tiền vào Thái Lan với hy vọng đón trước con rồng thứ 6 sắp vươn lên, nhưng lại châm ngòi cho cuộc Khủng Hoảng Tài Chính Đông-Á 1998.

- Tâm lý phấn khởi với công nghệ internet kết nối mạng lưới toàn cầu vào đầu thế kỷ 21 bơm lên Bong Bóng Chấm Cơm (dot.com bubble) sau đó nổ tung vào năm 2002.

- Sau khi Bức Màn Sắt sụp đổ Hoa Kỳ dẫn đầu trào lưu giải phóng tài chính (financial liberalization) toàn cầu. Nước Mỹ thu hút dòng vốn trong và ngoài nước đổ vào thị trường tài chính và địa ốc, để rồi dẫn đến cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính (Great Financial Crisis) 2007-08.

- Tiếp theo sự ra đời của khối tiền tệ Euro, các ngân hàng Đức và Bắc Âu hăng hái đầu tư bơm lên bong bóng địa ốc ở Nam Âu sinh ra khủng hoảng đồng Euro năm 2010-12.

Ngành sản xuất tuy không là nguyên nhân khởi nguồn khủng hoảng tài chính nhưng vẫn bị tổn thất nặng nề. Thí dụ bắt đầu từ khủng hoảng tài chính: hàng hoá bán không chạy; hãng xưởng khó vay mượn ngân hàng nên đành đóng cửa dẫn đến nạn thất nghiệp. Lý do vì tiền giống như máu huyết còn doanh nghiệp giống như cơ bắp: một lực sĩ đang khỏe mạnh nhưng bất ngờ đứt mạch máu vẫn lăn đùng ra chết.

Khủng hoảng tài chính thường dính líu đến nợ xấu, chứng khoán và thị trường địa ốc. Kinh Tế Dễ Hiểu có vài nhận xét dưới đây về khủng hoảng tài chính:

1. Các cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế Toàn Cầu 1929, Khủng Hoảng Tài Chính Đông Á 1998, Đại Khủng Hoảng Tài Chính ở Mỹ 2007 và Khủng Hoảng Euro 2010 dẫn đến nhiều chấn động kinh tế, chính trị và xã hội mà hậu quả kéo dài hàng chục năm sau. Đại Khủng Hoảng 1929 dọn đường cho Thế Chiến Thứ Hai; Khủng Hoảng Tài Chính Đông-Á 1998 làm sụp đổ các nhà độc tài ở Phi, Nam Dương, Nam Hàn và Đài Loan; Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007 tạo cơ hội cho Trung Quốc trỗi dậy, đồng thời mang đến nhiều xáo trộn chính trị ở Hoa Kỳ mà hậu quả là Donald Trump đắc cử Tổng Thống năm 2016 và sự phân hóa trong nước Mỹ cho đến ngày hôm nay.

2. Trong các nền kinh tế mở (open economy) khủng hoảng tài chính thường lây lan nhanh chóng và nguy hiểm. Năm 1929 Đại Khủng Hoảng bắt đầu ở Mỹ sau đó lan rộng ra toàn thế giới. Năm 1998 Khủng Hoảng Tài Chính Đông-Á bắt nguồn từ Thái Lan rồi tràn qua Nam Dương, Phi, Nam Hàn, Đài Loan, tiếp đến sang Đông Âu, Nga và Nam Mỹ. Năm 2007

Đại Khủng Hoảng Tài Chính ở Mỹ, năm 2010 Khủng Hoảng Euro bên Âu Châu, năm 2017 khủng hoảng nợ và địa ốc tại Trung Quốc đều có nguồn gốc liên hệ với nhau.

3. Trái lại cũng trong kinh tế mở nhưng Bong Bóng Chấm Cơm 2002 ở Mỹ không lây lan, hậu quả tuy sâu mà không rộng, lý do vì đầu tư giới hạn trong công nghệ điện toán. Nhìn chung bong bóng nào dính líu đến ngành tài chính ngân hàng thường lây lan và tác hại rộng lớn, trong khi nếu chỉ giới hạn trong một khu vực kinh tế (như lĩnh vực điện toán) mà không dính líu đến vay mượn ngân hàng thì dù sâu nhưng không rộng.

4. Sau Khủng Hoảng Tài Chính Đông Á 1998 các nước Á Châu phục hồi nhanh chóng nhờ đồng tiền bị mất giá nên giúp cho xuất khẩu hàng hóa sang Tây Phương.

5. Thị trường tài chính khép kín của Trung Quốc tuy không chịu tác động dây chuyền từ các ngân hàng Âu-Mỹ trong hai cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007 và Khủng Hoảng Euro 2010 nhưng nền kinh tế Tàu vẫn chậm lại do xuất khẩu hàng hóa sang Âu-Mỹ sụt giảm. Bắc Kinh tung ra gói kích cầu khổng lồ 13% GDP để hỗ trợ nền kinh tế, nhưng chính sách này dẫn đến các khoảng nợ xấu và khủng hoảng địa ốc từ 2016 cho đến nay.

Xin nhắc lại khủng hoảng tài chính nào không liên quan đến vay mượn ngân hàng thường ít lây lan và phục hồi nhanh chóng. Thí dụ Bong Bóng Chấm Cơm 2002 thiệt hại cho những nhà đầu tư dùng tiền túi mua bán chứng khoán bị lỗ lả mà không ảnh hưởng đến ngân hàng. Khủng hoảng loại này cũng giống như các vụ trứng cút hay đuôi thằn lằn ở Việt Nam, tức là những ai ham lời chạy theo bong bóng đến khi thua lỗ chỉ chịu một mình chớ không thiệt hại đến người xung quanh.

Các cuộc khủng hoảng liên hệ đến vay mượn giới tài chính ngân hàng

thường kéo dài rất lâu vì cả hai bên cho vay và thiếu nợ đều phải trải qua quá trình giải quyết nợ (deleveraging) trước khi tiền đầu tư xuất hiện trở lại, hậu quả khiến nền kinh tế phải trì trệ trong một thời gian khá lâu. Thí dụ người mượn tiền mua nhà dù nhà mất giá thua lỗ vẫn phải tiếp tục trả nợ ngân hàng trong 30 năm (người Mỹ gọi là under the water, tức là nợ ngập tới mũi); còn lỡ mất nhà thì chịu điểm tín dụng đen mất 7 năm nên không thể vay mượn ngân hàng mua xe,…. Doanh nghiệp còn thiếu nợ không ai cho vay thêm nợ đầu tư khuyếch trương. Vòng xoáy cung cầu nói trên kéo dài cho đến khi nợ nần vay trả trả vay xong xuôi mới hòng tăng trưởng trở lại.

Do nhiều nước cởi trói tài chính nên dòng vốn lưu động lúc tuông ồ ạt vào một quốc gia đến khi tháo chạy trở ra nước ngoài cũng rất nhanh - so với dòng vốn FDI đầu tư trực tiếp xây cất hàng xưởng hay hạ tầng không dễ gì rút ra vào. Tình trạng tư bản nước ngoài thoái vốn dễ khiến đồng bạc nội địa bị tấn công (currency attack). Nếu quốc gia không đủ ngoại tệ chống đỡ không cho đồng nội tệ phá giá thì đồng nội tệ sẽ thủng đáy.

Vì nguồn tiền ra vào nhanh chóng nên khủng hoảng tài chính trong một lĩnh vực hay một quốc gia còn khiến nhiều lĩnh vực hay những quốc gia lân cận ăn đạn lãng xẹt - người Mỹ gọi là drive-by shooting. Thí dụ ở Mỹ năm 2007 ngân hàng cho vay quá nhiều nợ xấu nhà đất đâm hoảng sợ thủ vốn mà không dám cho các doanh nghiệp mạnh vay mượn khiến nhiều công ty như hãng Ford (ngành xe hơi không liên can gì đến địa ốc) chới với do không đủ tiền mặt trả lương công nhân hay trả hóa đơn hàng tháng. Tại Đông Nam Á năm 1998 giới đầu tư rút tiền ra khỏi Thái Lan ảnh hưởng đến các nước lân cận như Nam Dương, Phi chỉ vì những nước này ở gần lãnh đạn. Tại Nam Âu năm 2010 giới ngân hàng thoái vốn ra khỏi Hy Lạp lây truyền sang Ý và Tây Ban Nha bên cạnh. Ở Nam Mỹ mỗi lần Brazil hay Argentina gặp khủng hoảng đều là dấu hiệu báo trước toàn khu vực Nam Mỹ sẽ bị khốn đốn. Do đó khủng hoảng tài chính ở một quốc gia dễ lan rộng thành khủng hoảng toàn khu vực.

Khủng hoảng tài chính khiến dân chúng sợ ngân hàng phá sản nên

xếp hàng dài rút tiền tiết kiệm - tiếng Anh gọi là bank run. Nhà nước đôi khi phải tạm đóng cửa ngân hàng trong một vài ngày - gọi là bank holiday - để bơm tiền tái cấp vốn giúp ngân hàng có thời giờ chấn chỉnh sổ sách và trấn an quần chúng.

Lấy thí dụ có 1000 người gửi tiền cho ngân hàng. Hàng ngày trung bình có 100 người đến rút tiền nên ngân hàng chỉ dự trữ một khoảng tiền an toàn dư cho trường hợp 150 người rút tiền, phần còn lại cho vay kiếm lời. Ngân hàng là chủ nợ nên nợ chính là tài sản của ngân hàng (bank asset). Giả sử ngân hàng A cho vay nhiều nợ xấu, tin đồn lan nhanh khiến 400 người hoảng hốt rút tiền - tức là gấp bốn lần con số thông thường hàng ngày. Ngân hàng A cạn tiền mặt nên bán tài sản (bán nợ) để gây vốn. Nhưng nợ xấu lúc đó bán không ai mua cho nên ngân hàng A đành bán đổ tháo nợ tốt khiến nhiều tài sản tốt bị ảnh hưởng dây chuyền đâm ra mất giá ngoài thị trường. Cho dù khủng hoảng tuy bắt đầu từ nợ xấu của ngân hàng A nhưng lây lan sang nhóm tài sản tốt và những ngân hàng lân cận như B, C, D.

NHTƯ có thể quy định các ngân hàng thương mại tăng quỹ dự phòng nhằm tránh kẹt vốn, thí dụ thay vì giữ tiền mặt cho 150 người rút tiền nay tăng dự trữ lên đủ cho 500 người phòng khi đột biến. Nhưng tăng quỹ dự trữ tức giảm vốn cho vay thành ra ngân hàng bớt lời, cho nên NHTƯ phải tham khảo với các ngân hàng thương mại tìm cân bằng giữa mức lời và độ an toàn. NHTƯ Mỹ thường trắc nghiệm (stress test) các ngân hàng thương mại, thí dụ GDP giảm 3% thì liệu những ngân hàng con này có lòi ra nhiều nợ xấu[37] hay dự trữ đủ tiền mặt chống đỡ hay không?

Kinh tế gia Hyman Minsky từng nhận xét “stability breeds instability”, tức trong ổn định sinh ra mầm mống bất ổn (giống như trong Âm có Dương, trong Ngày có Đêm của Á Đông.) Ý nói khi thị trường ổn định thì giới đầu tư tăng rủi ro kiếm thêm lời bơm thành bong bóng, cho đến lúc rủi ro lên quá cao mọi người hùa nhau tháo chạy sẽ khiến bong bóng bị nổ. Đây gọi là thời khắc Minsky (Minsky moment) giống như năm 2007 vào lúc khởi đầu cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính ở Mỹ.

Nếu trước đây chính yếu chỉ có các ngân hàng thương mại cung cấp vốn vào kinh tế (cũng giống như quả tim bơm máu cho cơ thể) thì nay còn thêm hệ thống "ngân hàng ngầm" (shadow banking) không kém phần quan trọng. Ngân hàng ngầm nơi đây không hàm ý mờ ám mà trái lại gồm những nguồn vốn chính thức và khổng lồ như:

1. Các quỹ hưu trí trị giá hàng ngàn tỷ USD của dân chúng Âu-Mỹ chuẩn bị cho lúc về già.

2. Các quỹ bảo hiểm.

3. Các quỹ đầu tư tư nhân như quỹ đầu tư mạo hiểm (venture capital), quỹ hỗ tương (mutual funds), quỹ hoán đổi danh mục (exchange traded fund, hay ETF), quỹ phòng hộ (hedge funds),…

4. Các quỹ đầu tư quốc gia (sovereign investment fund, gọi tắt là SWF) của những nước bán dầu và thặng dư mậu dịch như Trung Quốc, Saudi Arabia, Nhật, Na-Uy, v.v…

Lý do gọi ngân hàng ngầm vì những nguồn vốn này không thuộc hệ thống ngân hàng thương mại nên không được Ngân Hàng Trung Ương quản lý. Tuy các quỹ hưu trí, quỹ bảo hiểm và quỹ đầu tư tư nhân đều có cơ quan nhà nước giám sát chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro cho dân chúng nhưng hậu quả vẫn là liên hệ chồng chéo giữa các ngân hàng thương mại và ngân hàng ngầm khiến thị trường tài chính trở nên cực kỳ linh động và phức tạp nên đôi khi châm ngòi cho những cuộc khủng hoảng mà không ai tiên liệu trước. Các ngân hàng thương mại lúc khủng hoảng còn được NHTƯ tái cấp vốn trong khi những ngân hàng ngầm không được NHTƯ giám sát và che chở nên tạo thành hiểm họa tiềm tàng cho nền kinh tế.

Ngân hàng thương mại giữ tiền tiết kiệm của dân chúng nên bị nhà nước và NHTƯ kiểm soát nghiêm ngặt. Hệ thống ngân hàng ngầm đến từ tiền đầu tư không bị quản lý, nên cho vay vốn nhanh, ít phiền toái và trở thành một nguồn vốn quan trọng trong thị trường. Nhưng

cũng chính vì vậy khi các ngân hàng ngầm bị khủng hoảng thì nguồn vốn bị cạn kiệt khiến thị trường bị tê liệt.

Thí dụ vào tháng 10/2022 chính quyền Anh tuyên bố sẽ giảm thuế để kích thích tăng trưởng. Nợ công nước Anh mất giá vì giới đầu tư sợ nhà nước thiếu tiền trả nợ. Các quỹ hưu trí ở Anh trước đây mua nợ công nên thua lỗ vì nợ mất giá đột ngột, tạo ra một cuộc khủng hoảng chớp nhoáng khiến NHTƯ Anh Quốc phải thông báo sẽ mua nợ công để trấn an giới đầu tư. Chính quyền Anh bị mất tín nhiệm vì sau đó hủy bỏ kế hoạch giảm thuế nhằm ổn định thị trường.

Tưởng cũng nên bàn thêm về quỹ đầu tư quốc gia. Các nước thặng dư mậu dịch (như Trung Quốc, Nhật, Việt Nam…) cùng các nước sản xuất dầu hỏa (Trung Đông, Nga, Na-Uy) cất tiền vào 2 quỹ: (a) quỹ dự trữ ngoại hối, hay Foreign Currency Reserves và (b) quỹ đầu tư quốc gia, hay SWF.

1. Quỹ dự trữ ngoại hối: mua nợ công của Âu, Mỹ, Nhật,…tuy ít lời nhưng an toàn.

2. Quỹ đầu tư quốc gia: tuy thuộc về nhà nước nhưng dùng đầu tư vào chứng khoán, nhà đất hay các khởi nghiệp (startups) với triển vọng lời nhiều so với mua nợ công của Âu, Mỹ, Nhật,…

Nói cách khác, quỹ dự trữ ngoại hối giống như tiền tiết kiệm ít lời. Tiết kiệm xong còn dư mới đến các quỹ đầu tư kiếm thêm lời.

KTDH xin ngừng bàn về các ngân hàng ngầm nơi đây vì đề tài này trở nên vô cùng phức tạp.

***

Liên quan đến lĩnh vực tài chính còn 2 vấn đề gồm (1) vai trò của NHTƯ khi bơm lên bong bóng tài sản, và (2) phong tỏa kinh tế.

1. Chính sách nới lỏng túi tiền (monetary loosening) của

NHTƯ Mỹ từ năm 2007 đến nay đã bơm lên bong bóng tài sản (asset inflation) với nguy cơ bong bóng sẽ vỡ khi NHTƯ Mỹ đổi sang thắt chặt túi tiền (money tightening) như vào năm 2022.

NHTƯ nới lỏng túi tiền bằng cách bơm tiền và hạ lãi suất khiến tiền bạc dồi dào nên tiền dễ kiếm (easy money) thành ra tiền rẻ (cheap money) rồi tiền mất giá. Tiền mất giá nên tiền bốc hơi (tức lạm phát) thành ra tiết kiệm không đủ lợi, thay vào đó giới có tiền đầu tư vào địa ốc hay chứng khoán làm bơm lên bong bóng tài sản. Đến khi lạm phát tăng cao NHTƯ phải siết chặt túi tiền có nguy cơ làm vỡ bong bóng.

Cho nên không phải chỉ có thị trường bơm bong bóng mà cả NHTƯ cũng bơm bong bóng. Bóng chưa nổ thì chính sách tiền rẻ của NHTƯ có lợi cho những người sở hữu tài sản (nhà đất, chứng khoán lên giá) mà thiệt hại cho người sống bằng sức lao động (đồng lương không tăng), tức là NHTƯ đào sâu khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

2. Phong tỏa kinh tế

Vì USD là đơn vị tiền dự trữ quốc tế nên đa số các giao dịch thương mại trên thế giới đều dùng USD và thông qua hệ thống SWIFT kết nối 11000 ngân hàng và công ty tài chính toàn cầu, trong đó Mỹ nắm vai trò chủ chốt. Chính phủ Hoa Kỳ lợi dụng ưu thế này để phong tỏa tài chính và cô lập thương mại những quốc gia thù địch như Nga, Iran, Bắc Hàn và A Phú Hãn bằng cách loại bỏ ra khỏi SWIFT.

Các nước dự trữ USD thường mua nợ công hay đầu tư vào chứng khoán nước ngoài kiếm lời. Chính quyền Hoa Kỳ có thể phong tỏa các tài khoản của đối phương như đối với Nga và A Phú Hãn.

Chính sách phong tỏa tài chính của Mỹ tuy lợi hại nhưng đặt ra nhiều

vấn đề:

- Tổng Thống Mỹ có thể đơn phương trừng phạt một nước đối thủ mà không thông qua Quốc Hội Hoa Kỳ hay cộng đồng quốc tế (Liên Hiệp Quốc) như đối với Nga và Iran.

- Hành pháp Mỹ sử dụng hoặc lạm dụng vũ khí tài chính ngày càng nhiều đối với các tranh chấp trên thế giới nên đây là một loại chiến tranh dù không tổn thất nhân mạng cho Hoa Kỳ nhưng vô cùng bất công cho nước đối phương vì đi ngược với chủ trương tự do mậu dịch mà Mỹ hô hào.

- Các quốc gia đối thủ của Mỹ gồm Trung Quốc, Nga, Iran và ngay cả những đồng minh Âu Châu đều ráo riết tìm cách loại trừ vai trò tiền dự trữ quốc tế của USD để tránh không bị Mỹ áp lực. Trong hiện tại và trung hạn chưa có giải pháp thay thế USD, nhưng trong dài hạn rồi sẽ có ngày USD đánh mất ngôi vị độc tôn trên thế giới.

Nhiều người mỉa mai cho rằng trật tự thế giới tự do (liberal world order) do Mỹ lãnh đạo từ 1945 đến nay chẳng qua chỉ là trật tự thế giới do đô-la Mỹ áp đặt (US dollar denominated world order) kể từ sau khi Bức Màn Sắt sụp đổ.

***

Để kết luận phần này Kinh Tế Dễ Hiểu xin sơ lược cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007 (GFC hay Global Financial Crisis) để cho thấy mức độ lây lan và nguy hiểm của khủng hoảng tài chính. Tầm nghiêm trọng của biến cố này chỉ kém lần Đại Khủng Hoảng Toàn Cầu 1929 (Great Depression), và ít nhiều là nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng Euro 2010 rồi khủng hoảng tài chính Trung Quốc 2017.

Đầu thế kỷ 21 Hoa Kỳ đứng trên đỉnh điểm quyền lực theo các trào lưu dân chủ hóa, toàn cầu hóa, tự do mậu dịch và cuộc cách mạng điện toán. Ngành tài chính ngân hàng ở Mỹ tưởng chừng như vững

chắc như đồng: NHTƯ dưới thời Alan Greenspan khắc phục được nạn lạm phát, trong khi chính sách cởi trói tiền tệ tạo cơ hội cho giới phù thủy tài chính (financial wizards) thi thố phù phép hô biến ra nhiều cơ hội đầu tư mới, hấp dẫn và ngoạn mục.

Năm 2004 Tổng Thống George W. Bush khuyến khích dân chúng mua nhà qua chương trình Ownership Society bằng cách nới lỏng các điều kiện để ngân hàng cho vay mua nhà. Ngân hàng hạ thấp những tiêu chuẩn vay mượn tiền như không đòi tiền đặt cọc (zero down mortgage), không thanh tra mức thu nhập của người mượn tiền hay cho vay với lãi suất nổi bắt đầu bằng số không. Nhiều gia đình không đủ khả năng mua nhà nay vẫn có cơ hội đầu tư vào thị trường địa ốc khiến giá nhà tăng vọt, cho dù mức giá này được nợ xấu bơm lên.

Do NHTƯ hạ lãi suất xuống thấp kể từ sau biến cố 9/11 nên dòng tiền phải đi tìm lợi nhuận. Kinh doanh địa ốc lời nhiều mà lại an toàn không kém nợ công nước Mỹ, lý do vì giá nhà ở Mỹ chỉ tăng mà không giảm! Do chính sách mở cửa tiền tệ nên các quỹ đầu tư và hưu trí ở Âu Châu, tiền bạc của vùng Đông Á và Trung Đông đổ tuôn vào ngành địa ốc Hoa Kỳ. Giới tài chính Mỹ có sáng kiến là thay vì chết vốn cho mượn tiền mua nhà trả góp 30 năm, nay ngân hàng bán nợ địa ốc (mortgage securitization) cho các nhà đầu tư trong hay ngoài nước. Một công hai chuyện vì (1) ngân hàng bán nợ củ gây vốn mới tiếp tục cho vay để lời nhiều, và (2) tạo cơ hội cho giới kinh tài nước ngoài đầu tư vào nhà đất ở Mỹ nhằm hấp dẫn dòng tiền quốc tế. Ngân hàng nhiều vốn cần cho vay nhanh để thúc đẩy người mua; thêm người mua đẩy giá nhà lên cao; giá địa ốc càng tăng thêm các nhà đầu tư muốn nhảy vào; nhiều nhà đầu tư thì ngân hàng lại có thêm vốn mới cho vay. Vòng xoáy dây chuyền cứ như vậy bơm lên thành bong bóng bay lên đụng nóc trời.

Ngân hàng ham lời từ cho vay dễ dàng trở thành cẩu thả, đến cả những người không đủ khả năng mua nhà vẫn được khuyến khích mượn nợ. Ngân hàng dụ dỗ thân chủ vay rồi dùng nợ làm đòn bẩy chỉ trả tiền vài tháng đợi đến lúc giá nhà tăng bán lại kiếm lời. Ngân hàng giảm thiểu rủi ro bằng cách pha trộn nợ tốt với nợ xấu thành từng gói

nợ, sau đó thái mỏng thành từng lát nợ (tranche) bán cho giới đầu tư - nợ tốt xấu trộn lẫn theo kiểu bán chả lụa thịt heo trộn thịt chuột! Vậy mà giới đầu tư vẫn tranh đua mua vì những gói nợ này được các hãng tín dụng như Moody's hay Standard&Poor's nhắm mắt cho điểm tối ưu AAA+ với lý do đơn giản là ngành địa ốc không bao giờ thua lỗ!

Thêm siêu đại công ty bảo hiểm AIG bảo đảm an toàn cho giới đầu tư bằng cách bán bảo hiểm cho các gói nợ địa ốc không sợ bị mất giá (credit default swap.) AIG tính chỉ bán để thu lời mà không lo lỗ, lý do vẫn là đầu tư vào địa ốc không bao giờ thua lỗ…

…cho đến ngày lỗ nặng trong ngành địa ốc. Giá nhà tăng cao ngất ngưỡng giảm người mua. Người đã mua nhà không đủ tiền trả hàng tháng lại không bán được nhà nên phải chịu mất nhà. Giá nhà rơi xuống thảm hại. Ngân hàng và giới đầu tư bị đe dọa phá sản bởi những gói nợ độc hại (toxic mortgages). Dù vậy Bộ Tài Chính Mỹ quyết định không cứu vớt một trong các đại ngân hàng là Lehman Brothers nhằm trừng phạt giới kinh tài phố Wall đầu tư cẩu thả. Không ngờ khi các ngân hàng còn lại sợ không còn được bao che nên hoảng hốt xét lại sổ sách của chính mình mới vỡ lẽ hầu hết ngân hàng và công ty tài chính đều ít nhiều ôm nợ độc hại. Đáng sợ nhất do nợ xấu tốt trộn lẫn rồi buôn bán chuyền tay nên rốt cục không còn biết ngân hàng nào sắp vỡ nợ vì nắm trong tay bao nhiêu nợ xấu tốt của ai! Giả sử nợ xấu địa ốc bán cho 100 nhà đầu tư, đến lúc chủ địa ốc không trả nổi nợ thì 100 nhà đầu tư này không biết làm thế nào để siết nhà trả nợ rồi chia đều cho mỗi người như thế nào!

Toàn bộ hệ thống ngân hàng sợ hụt vốn lọ thủ tiền mặt không dám cho doanh nghiệp bên ngoài vay ngắn hạn vào đầu tháng để trả lương và thanh toán hóa đơn. Hãng xưởng tê liệt phải đóng cửa hay sa thải nhân viên, hàng quán ế ẩm đành đóng cửa. Đại công ty bảo hiểm AIG gần phá sản do bảo hiểm quá nhiều gói nợ độc hại. Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ ngành địa ốc lan sang tài chính ngân hàng rồi đến bảo hiểm, cuối cùng bao phủ toàn bộ nền kinh tế.

Tin đồn Âu Châu đầu tư thua lỗ nợ địa ốc ở Mỹ khiến giới kinh tài

quốc tế hoảng hốt rút vốn USD (do giao dịch quốc tế phần lớn dùng USD) ra khỏi các ngân hàng Âu Châu. Ngân hàng Âu Châu (và Nhật) dư thừa Euro (và Yen) nhưng lại thiếu USD nên phải cầu cứu NHTƯ Hoa Kỳ mở các đường dây hoán chuyển ngoại tệ (currency swap) bơm USD vào hệ thống ngân hàng Âu-Nhật, rồi đến phiên ngân hàng Âu-Nhật bơm USD vào các ngân hàng Đông Âu, Nam Hàn, Đài Loan…để không bị kẹt vốn USD.

Giới chính trị và tài chính Âu Châu thua lỗ trong thị trường tài chính Hoa Kỳ nên chê trách Mỹ, nhưng đến khi xem lại sổ sách mới khám phá ra chính các ngân hàng Đức và Bắc Âu cũng đã cẩu thả cho Hy Lạp vay với lãi suất cực rẻ cho dù Hy Lạp tuy là thành viên Euro nhưng trước đó thuộc loại quốc gia nợ xấu triền miên (serial default.) Nhà nước Hy Lạp gian lận sổ sách trong khi bong bóng địa ốc đã bơm lên căng phòng từ năm 2000. Ngân hàng Âu Châu hoảng hốt không những ôm đầu máu tháo chạy khỏi Hy Lạp mà còn rút vốn ra khỏi 3 nước lân cận gồm Ý, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha khiến toàn vùng Nam Âu mang họa. Khối Euro từ đó rạn nứt giữa Bắc Âu (nhà giàu hà tiện) và Nam Âu (nhà nghèo làm biếng.)

Trung Quốc bị ảnh hưởng dây chuyền do nhập khẩu từ Âu-Mỹ co thắt. Tàu không bán được hàng hóa nên ngừng mua nguyên vật liệu của Úc và Nam-Mỹ khiến kinh tế Brazil và Argentina ngã nhào. Cuộc khủng hoảng tài chính lây lan ra toàn cầu chẳng khác gì vi-rút Vũ Hán.

Trung Quốc ngày nay bị chê trách mang quá nhiều nợ xấu nhưng phải công tâm nhận xét Bắc Kinh có công tung ra một gói kích cầu khổng lồ 586 tỷ USD vào năm 2007 (tương đương với 16% GDP của Trung Quốc thời bấy giờ) nhờ vậy góp phần chận đứng khủng hoảng không cho lan rộng trầm trọng thêm. Gói kích cầu này một mặt thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc tăng vọt nhưng đồng thời khiến giới tư bản đỏ đầu tư cẩu thả vào những khu phố ma dẫn đến cuộc khủng hoảng nợ và nhà đất năm 2017 ở Trung Quốc.

Khủng Hoảng Tài Chính Toàn Cầu (2007) không những mang lại khủng hoảng Euro (2010) và khủng hoảng tài chính Trung Quốc

(2017) mà còn đem đến nhiều ảnh hưởng vô cùng sâu đậm về chính trị và xã hội cho đến giờ này vẫn chưa thấy hết hậu quả: chính sách bành trướng của Trung Quốc ở biển Đông từ sau Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008; Brexit và Donald Trump 2016; trào lưu dân túy ở Đông Âu (Tiệp, Ba Lan), Nam Mỹ (Brazil, Mexico) và Ấn Độ; tâm lý bài Tây Phương ở Nga và Trung Đông.

Khủng Hoảng Tài Chính Toàn Cầu 2007 vừa bắt đầu qua khỏi thì thế giới bị nhồi thêm Đại Dịch Vũ Hán. Các gói kích cầu khổng lồ khiến kinh tế Mỹ hiện thời bốc hỏa nhưng chỉ là hiệp thứ nhì, còn sau này hậu hoạn kinh tế, chính trị và xã hội sẽ ra sao…Thiên Cơ Bất Khả Lậu.

SÁCH ĐỌC THÊM:

1. Manias, Panics, and Crashes (tác giả Charles P. Kindleberger)
2. All the Devils Are Here: The Hidden Story of the Financial Crisis (tác giả Joe Nocera)

CHƯƠNG 10: RỦI RO ĐẠO ĐỨC TRONG THỊ TRƯỜNG

Đạo đức trên thị trường không phải chỉ làm ăn lương thiện mà còn nơi đầu tư hiệu quả sẽ được thị trường tưởng thưởng, bằng ngược phải bị đào thải. Một trong các chức năng của thị trường là chọn lọc các kinh doanh sinh lời mà loại bỏ những doanh nghiệp lổ lả nhằm phân phối dòng vốn (capital allocation) một cách hợp lý, cho nên bàn tay vô hình của thị trường cần phải tự do tẩy sạch những đầu tư kém hiệu quả thì nền kinh tế mới phát triển tự do và lành mạnh.

Sách báo kinh tế Hoa Kỳ thường nhắc đến "moral hazard", tức là rủi ro đạo đức trong thị trường. Cũng giống như cháu hư tại bà, nếu bàn tay hữu hình của nhà nước can thiệp bao che cho các doanh nghiệp yếu kém – cho dù thuộc hạng "too big to fail" (quá lớn nên không thể để sụp đổ) bên Mỹ hay những tư bản thân hữu ở Trung Quốc - sẽ khiến thị trường sanh thói ỷ lại mà trở nên hư hỏng. Phần dưới đây sẽ trình bày các thí dụ về rủi ro đạo đức (1) trong tư bản Mỹ, (2) trong tư bản nhà nước ở Trung Quốc, (3) trên toàn cầu.

1. Rủi ro đạo đức trong tư bản Mỹ

Thị trường nhà đất và chứng khoán ở Mỹ tăng liên tục từ năm 2009 cho đến 2021 nhờ vào chính sách nới lỏng túi tiền (money loosening) của NHTƯ. Địa ốc và cổ phiếu lại chiếm phần lớn tài sản của giới trung lưu thành thị[38] cho nên NHTƯ không dám siết chặt túi tiền (money tightening) để xì hơi hai bong bóng địa ốc và cổ phiếu vì sợ dân chúng bất mãn. Điều này cũng giống như bệnh nhân trong cơn ngặt nghèo (Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08) được bác sĩ (NHTƯ) cấp cứu bằng cách bơm thuốc kích thích (bơm tiền và giữ lãi suất thấp), nhưng nay sanh chứng nghiện ngập (moral hazard) mà bác sĩ (NHTƯ) lạnh cẳng (cold feet) không dám cắt giảm liều thuốc độc vì sợ bệnh nhân sùi bọt mép!

Dân chúng Hoa Kỳ gửi tiết kiệm cho ngân hàng. Do lãi suất gần âm nên tiền gửi vào ngân hàng bị lỗ, giới đầu tư[39] phải chấp nhận rủi ro

mua chứng khoán kiếm lời. Tiền bơm vào thị trường cổ phiếu khiến giá chứng khoán tăng vọt. Đầu tư (investment) trở thành đầu cơ (speculation.) NHTƯ chỉ cần dọa siết chặt túi tiền cũng đủ để bong bóng chứng khoán xì hơi. Khi đó các quỹ hưu trí sụt giá, dân chúng sẽ vì thua lỗ mà dồn phiếu cho đảng đối lập trong kỳ bầu cử sắp tới - tức là điều tối kỵ mà chính trị gia nào cũng lo sợ.

Lãi suất thấp giúp nhiều người mượn tiền mua nhà khiến giá nhà tăng vọt. Ngược lại NHTƯ chỉ dọa nâng lãi suất thì thị trường địa ốc đóng băng. Giới trung lưu đau bụng khi nhà cửa mất giá nên lại sẽ bỏ phiếu cho đảng đối lập trong kỳ bầu cử tương lai.

Bằng vào NHTƯ tiếp tục mở rộng túi tiền sẽ dẫn đến lạm phát tài sản (asset inflation, tức giá nhà và địa ốc tăng cao) rồi sau đó lạm phát giá cả (tiền rẻ khiến tiền mất giá làm vật giá leo thang). Lạm phát tài sản tạo hố sâu giàu nghèo (người sở hữu tài sản phát tài trong khi dân lao động sống bằng đồng lương không bắt kịp tiền mất giá) nhưng đến lúc lạm phát giá cả ai cũng nghèo (giá hàng hóa tăng nhanh hơn mức lương), đến khi đó liều thuốc giải bệnh trở thành liều thuốc đổ bệnh.

Chính sách tiền rẻ làm tăng hố sâu giàu nghèo nên có lợi cho thành phần sở hữu tài sản (nhà đất và chứng khoán) mà thiệt thòi cho người lao động.

Chính sách tiền rẻ đào sâu khoảng cách giữa hai thế hệ người trưởng thành đã có tài sản và giới trẻ mới ra đời không đủ tiền mua nhà do giá nhà tăng vọt.

Chính sách tiền rẻ làm tăng khoảng cách giữa con cái nhà giàu thừa hưởng gia tài (gồm nhà đất và cổ phiếu), và con cái nhà nghèo chỉ có sức lao động.

Chính sách tiền rẻ làm tăng rủi ro đạo đức khi giới đầu tư liều lĩnh tin tưởng được bàn tay hữu hình của NHTƯ bao che…cho đến lúc các quy luật kinh tế trừng phạt cả nhà nước, NHTƯ và thị trường về tội hư hỏng.

Một trường hợp trong rủi ro đạo đức là too big to fail (quá lớn nên không thể sụp đổ) của các đại ngân hàng Mỹ nay không lo phá sản vì được nhà nước bao che với lý do một đại ngân hàng khi vỡ nợ có thể kéo ngã nhiều ngân hàng khác và toàn bộ nền kinh tế. Cho nên các đại ngân hàng ỷ thế làm liều, lời ăn lỗ nhà nước chịu vì phải dùng tiền thuế của dân chúng cứu cấp ngân hàng.

2. Rủi ro đạo đức trong tư bản nhà nước Trung Quốc

Nước Tàu đối mặt với một nghịch lý: kinh tế thị trường nhưng dưới sự kiểm soát của nhà nước nên sinh ra rủi ro đạo đức là Bắc Kinh không thể bị mất mặt nếu thị trường vạch trần và tẩy sạch những sai lầm của nhà nước toàn trị.

Trung Quốc không mượn tiền nước ngoài, trái lại dùng nguồn tiết kiệm của dân chúng trong nước[40] làm vốn đầu tư trong nước. Nhà nước kìm giữ lãi suất tiết kiệm ở mức thấp; dân chúng gửi tiền vào ngân hàng; ngân hàng dùng tiết kiệm cho các địa phương và công ty quốc doanh vay với giá ưu đãi nhằm xây cất hạ tầng và các ngành công nghiệp nặng (thép, than đá...) Nhờ hạ tầng tốt, cộng thêm lương bổng và quyền lợi công nhân thấp cùng với những quy định lỏng lẻo về môi trường nên Trung Quốc hấp dẫn công ty nước ngoài bỏ vốn đầu tư trực tiếp xây cất nhà máy xí nghiệp và thuê mướn công nhân. Từ đó Trung Quốc tạo ra bàn đạp nhảy vọt lên nền kinh tế đứng hàng thứ nhì trên thế giới.

Trong lần Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08 Bắc Kinh tung ra một gói kích cung khổng lồ trị giá 13% GDP thời bấy giờ. Khác với Âu-Mỹ kích cầu bằng cách gửi tiền thẳng đến dân chúng nhằm nâng đỡ mức tiêu thụ (demand-side economy), Bắc Kinh kích cung bằng cách cho phép ngân hàng nhà nước nới lỏng lượng tín dụng ưu tiên cho địa phương cùng những công ty quốc doanh vay mượn kinh doanh (supply-side economy).

Do khủng hoảng kinh tế nên sức mua của Âu-Mỹ giảm. Nhu cầu về hạ

tầng và sắt thép, xi măng, v.v…ở Trung Quốc bớt đi sau 30 năm xây cất. Tuy nhiên nhờ vào lãi suất ưu đãi nên các địa phương cùng công ty quốc doanh vẫn mượn tiền với phân lời thấp để xây cất hoang phí vào những công trình kém hiệu năng như các khu phố không người ở, phi trường và khu thương mại vắng người qua lại, tạo thành nợ xấu do tăng trưởng kém chất lượng.

Núi nợ ngân hàng ở Trung Quốc tăng vọt. Bắc Kinh nhận thức nguy hiểm nên ra lệnh cho ngân hàng trung ương giảm tín dụng và bớt cho vay. Các chính quyền địa phương và công ty quốc doanh thiếu hụt do quen thói mượn tiền giá rẻ, mà cũng không thể bỏ dỡ các công trình đang xây cất, nên quay sang dùng các ngân hàng địa phương làm trung gian phát hành những sản phẩm đầu tư làm giàu (WMP, hay Wealth Management Product) thu hút tiết kiệm trong dân chúng. WMP thoạt đầu không bị giám sát bởi Bắc Kinh bởi vì không trực thuộc hệ thống ngân hàng trung ương. WMP có phân lời cao so với lãi suất tiết kiệm ngân hàng để thu hút dân chúng gửi tiền. Các địa phương cùng công ty quốc doanh dùng WMP đầu tư vào đất đai trưng dụng của toàn dân. Đầu tư (investment) trở thành đầu cơ (speculation.) Giá địa ốc tăng vọt. Nhà cửa lại chiếm phần tài sản lớn nhất của dân chúng nên Bắc Kinh không dám giảm cắt lượng tín dụng ngân hàng để xì hơi bong bóng nhà đất, bởi vì nếu giá địa ốc sụp đổ thì uy tín của các chính quyền địa phương và công ty quốc doanh cũng ngã nhào.

Dân Tàu biết tiền gửi vào WMP mang nhiều rủi ro bị chính quyền địa phương và công ty quốc doanh ăn chân để đầu tư lãng phí nhưng vẫn ồ ạt mua WMP[41] vì:

(1) lãi suất quá hấp dẫn

(2) dân chúng tin rằng Bắc Kinh sẽ không dám để các chính quyền địa phương hay công ty quốc doanh vỡ nợ để tránh nhà nước bị mất mặt!

Rủi ro đạo đức giữa tay ba (1) Bắc Kinh, (2) các chính quyền địa phương và công ty quốc doanh, và (3) quần chúng chính là nguyên do khiến Bắc Kinh không kiểm soát được lượng tín dụng từ năm 2013

cho đến nay. Tập Cận Bình không thực hiện được mục tiêu lành mạnh hóa thị trường do lạnh cẳng thối lui mỗi lần bong bóng địa ốc hay chứng khoán xì hơi, lại thêm sợ chảy máu ngoại tệ. Nhiều chuyên gia tin rằng khủng hoảng tài chính bắt đầu từ ngành địa ốc và các núi nợ khổng lồ chồng chéo chính là mối đe dọa trực tiếp cho Trung Quốc bên cạnh nạn lão hóa và tăng trưởng chậm.

Nhưng nếu so sánh rủi ro đạo đức giữa tư bản Mỹ và tư bản nhà nước Trung Quốc thì chính sách tiền rẻ ở cả hai nước đều bơm lên hai bong bóng tài sản (gồm địa ốc và chứng khoán ở cả Mỹ lẫn Tàu), cọng thêm hai núi nợ khổng lồ. Nước nào trở thành siêu cường hạng nhất trong thế kỷ thứ 21 sẽ được quyết định bởi núi nợ nào sập trước.

3. Rủi ro đạo đức trên toàn cầu

Tính ỷ lại của thị trường trông cậy được bàn tay hữu hình của nhà nước can thiệp bao che không chỉ giới hạn trong nền kinh tế quốc gia mà còn lan rộng ra nhiều nước theo sự ra đời của IMF và trào lưu toàn cầu hoá. Một nghiên cứu cho thấy nhịp độ vỡ nợ của các quốc gia chậm tiến tăng nhanh kể từ ngày cầu cứu được với IMF. Một phần nguyên do vì IMF e sợ khủng hoảng từ một nước lây lan ra khu vực hay toàn thế giới nên IMF phải thường xuyên can thiệp giải quyết nợ xấu cho những con nợ triền miên này. Điều này cũng giống như con cái thua bài bạc về nhà vòi vĩnh đòi tiền vì biết cha mẹ không thể từ bỏ con mà cũng không muốn làm mất danh giá gia đình.

World Bank là Ngân Hàng Thế Giới, IMF là Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, nay NHTƯ Mỹ trở thành NHTƯ Thế Giới. Lý do vì USD là đơn vị tiền dự trữ quốc tế nên nhiều quyết định của NHTƯ Mỹ gây hệ lụy lan sang những nước khác. Một trường hợp rủi ro đạo đức toàn cầu liên quan đến NHTƯ Mỹ như sau:

- Từ sau cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08 NHTƯ Mỹ mở rộng túi tiền (money loosening) bơm USD và hạ lãi suất để thúc đẩy kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng.

- Do lãi suất ở Mỹ thấp nên cho vay không có lời, giới đầu tư quốc tế đổi sang cho những nước chậm tiến vay với phân lời cao.

- Năm 2013 ở Hoa Kỳ có dấu hiệu lạm phát (tiền rẻ nên mất giá) nên NHTƯ Mỹ thông báo giảm lượng tiền bơm vào thị trường. NHTƯ Hoa Kỳ siết chặt túi tiền (money tightening) để nâng lãi suất ở Mỹ.

- Lãi suất ở Mỹ tăng hút dòng tiền chảy ngược từ các nước chậm tiến trở lại Hoa Kỳ. USD lên giá khiến nhiều nước đang mở mang chới với do vay nợ bằng USD nay không đủ USD trả nợ.

- NHTƯ Mỹ e sợ các nước chậm tiến vỡ nợ sinh ra khủng hoảng toàn cầu nên phải tạm ngưng siết chặt túi tiền nhằm tái ổn định thị trường tài chính thế giới.

- Từ đó giới đầu tư nhanh chóng kết luận NHTƯ Mỹ “lạnh cẳng” (cold feet) không dám siết chặt túi tiền vì sợ khủng hoảng kinh tế. Cho nên giới đầu tư cho vay chạy theo phân lời cao mà thiếu thận trọng vì ỷ lại tin rằng sẽ được NHTƯ Mỹ bao che.

- Trái lại NHTƯ Hoa Kỳ bị giới chính trị và quần chúng Mỹ từ tả sang hữu lên án không lo cho nước Mỹ trước tiên (America First) mà bao đồng gánh vác việc thiên hạ toàn cầu .

Câu chuyện nói trên có tên gọi rất hay là “taper tantrum”, tức con nít (thị trường) được cha mẹ (NHTƯ) nuông chiều mở rộng túi tiền mua kẹo bánh. Đến khi cha mẹ siết chặt túi tiền để ép bớt (taper) ăn ngọt lại làm nư dẫy nẩy (tantrum) nín thở mặt mày tím bầm khiến cha mẹ lạnh cẳng (cold feet) chịu thua!

CHƯƠNG 12: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Nếu tiền là máu huyết trong kinh tế thị thì ngành tài chính là trái tim bơm máu. Thị trường tài chính lúc đình trệ cũng giống như tim bị nghẽn nên là nguyên nhân của nhiều cuộc khủng hoảng trầm trọng như tại Đông Á 1998, Mỹ 2007-08 và khu vực Euro 2010-12.

Nhiệm vụ của ngành tài chính nhằm mang tiết kiệm trong dân chúng trở thành dòng vốn đầu tư. Trải qua quá trình gạn lọc nếu dòng vốn dùng đầu tư vào những lĩnh vực kinh doanh tốt thì kinh tế tăng trưởng, doanh nghiệp và dân chúng được hưởng nhiều lợi ích; bằng ngược lại dòng vốn đi vào các kinh doanh kém hiệu quả thì nền kinh tế suy thoái, doanh nghiệp và dân chúng thua lỗ. Phần dưới đây sẽ tìm hiểu về ngành tài chính ở Hoa Kỳ và Trung Quốc. Nhìn chung thị trường ở Mỹ do tư nhân chủ động nên phong phú và đa dạng nhưng trải qua nhiều chu kỳ thăng trầm sôi nổi và tai hại đòi hỏi sự can thiệp của nhà nước. Trái lại ở Hoa Lục ngành tài chính do nhà nước quản lý chặt chẽ nên tương đối ổn định và đã thúc đẩy tăng trưởng vượt bậc trong suốt 30 năm, nhưng ngầm chứa đựng nhiều hiểm hoạ tiềm tàng mà không được thị trường tẩy sạch nên có nguy cơ vuột ra ngoài khả năng lèo lái của nhà nước.

Một cách tổng quát, dân chúng sau khi chi tiêu nếu còn dư tiền dùng vào 3 chỗ:

1. Tiết kiệm (savings, như gửi tiền vào ngân hàng)

2. Đầu tư (investment, như hùn hạp làm ăn, cho vay, mua chứng khoán hay nhà đất)

3. Cờ bạc (gambling, như đi casino, “chơi stock” hoặc mua bán bitcoin)

Thị trường tài chính cung cấp những dịch vụ đầu tư đến với quần chúng qua hệ thống ngân hàng và các công ty tài chính. Mỗi sản phẩm đầu tư (investment product) thích hợp cho túi tiền, lứa tuổi hay tâm lý đỏ đen của từng cá nhân. Các dịch vụ tài chính trao đổi qua

ngân hàng, trên sàn chứng khoán (stock market) hay sàn trái phiếu (bond market.)

Một người muốn kinh doanh có nhiều cách gây vốn: dùng tiền túi, đi vay nợ (trái phiếu hoặc bond) hay bán phần hùn (cổ phiếu hoặc stock.) Nếu chỉ ít vốn thì rút tiền túi, vay mượn gia đình, hốt hụi[42] hay kiếm người hùn hạp (private equity). Cần nhiều vốn thường phải vay mượn ngân hàng hay bán phần hùn.

1. Ngân Hàng

Ngân hàng là nơi dân chúng gửi tiết kiệm với phân lời thấp nhưng không sợ lỗ vốn. Khi người dân đến rút tiền thì ngân hàng phải trao ngay tiền mặt.

Giả sử 1000 người gửi tiền ngân hàng nhưng trung bình hàng ngày chỉ có từ 100-150 người đến rút tiền. Ngân hàng dự trữ một khoảng tiền an toàn dư ra chút đỉnh đủ cho 200 người rút tiền. Ngân hàng dùng phần còn lại cho dân chúng vay mua nhà, mua xe… hay doanh nghiệp mượn mở hàng quán, xây cất khu chung cư, khu công nghiệp…

Ngân hàng vì giữ tiền tiết kiệm của dân chúng nên bị nhà nước quản lý chỉ được cho vay các khoảng nợ an toàn để tránh thất thoát thua lỗ. Trường hợp ngân hàng gánh nhiều nợ xấu, dân chúng sợ mất tiền kéo nhau đến rút tiết kiệm sẽ khiến ngân hàng cạn tiền mặt gọi là bank run.

Ngân hàng mượn tiền ngắn hạn (borrow short) nhưng cho vay dài hạn (lend long): ngân hàng mượn tiết kiệm từ dân chúng vì lúc nào dân chúng đến đòi phải có tiền trả; ngược lại ngân hàng cho vay dài hạn như mua xe trả góp 5 năm, mua nhà trả góp 15, 30 năm. Giả sử lúc bình thường mỗi ngày có khoảng 10-15% dân chúng đến rút tiền thì ngân hàng dự trữ dư ra 20% là đủ. Đến lúc đột biến 40-50% dân chúng xếp hàng đòi tiền thì ngân hàng cạn bạc mặt, trong khi tiền cho vay thu vào chỗ được (nợ tốt) chỗ không (nợ xấu). Ngân hàng khi đó

buộc lòng phải bán đổ tháo tài sản (tức là bán nợ) để gây tiền mặt. Tài sản tuột giá khiến ngân hàng rơi vào nguy cơ vỡ nợ[43] !

Ngân hàng mẹ (tức NHTƯ) quy định mỗi ngân hàng con phải dự trữ an toàn tiền mặt để gặp biến cố tránh thiếu hụt. NHTƯ Hoa Kỳ thường xuyên trắc nghiệm (stress test) nếu thị trường sụt giá 10%, 20%, 30%... thì mỗi ngân hàng thương mại cần mức dự trữ bao nhiêu so với nợ. Tiền dự trữ là tiền chết (không cho vay sinh lời) cho nên các ngân hàng con mặc cả với NHTƯ để không dự trữ quá nhiều thành ra hụt vốn.

2. Công ty tài chính

Người dân tiêu xài (spending) còn dư mới đến tiết kiệm (savings), đầu tư (invest) hay cờ bạc (gambling.) Đầu tư là chấp nhận rủi ro có chừng mực, khác với đánh bạc tức đầu tư theo thói đỏ đen. Thường chỉ vài người đi casino lời khủng trong khi đa số còn lại sạch túi. Tương tự như vậy số đông "chơi" stock và bitcoin đều phỏng tay.

Ở Mỹ dân chúng đầu tư trực tiếp bằng cách chọn lựa mua cổ phiếu của từng công ty (individual stocks) hay đầu tư gián tiếp qua các sản phẩm tài chính (financial products) của những công ty tài chính (financial companies)[44]. Các công ty tài chính ấn hành những bó chứng khoán, gọi là những quỹ hỗ tương như mutual funds hay exchange traded funds (ETFs). Mỗi bó chứng khoán gồm nhiều cổ phiếu của các công ty khác nhau với giá cả lên xuống hàng ngày, nhưng lâu dần bù qua sớt nên vừa hạn chế rủi ro mà đôi khi còn lời hơn mua chứng khoán đơn lẻ. Các sản phẩm tài chính được xếp hạng từ lời nhiều (rủi nhiều) hay lời ít (rủi ít) để dân chúng chọn lựa tùy theo túi tiền, lứa tuổi hay máu đỏ đen, cũng giống như đi chợ lựa mua bó rau thơm, bó rau húng tùy theo sở thích.

Dân Mỹ còn đầu tư vào thị trường chứng khoán một cách gián tiếp qua các quỹ hưu trí (pensions, 401K, IRA). Báo chí cánh tả thổi phồng rằng địa ốc và chứng khoán là của giới giàu, nhưng trong thực tế nhà

đất và cổ phiếu nay chiếm phần lớn tài sản của các gia đình trung lưu. Cho nên đảng cầm quyền nào cũng phải quan tâm đến giá nhà và giá chứng khoán vì sợ làm bể nồi cơm của cử tri.

Các công ty tài chính có nhiều sản phẩm đầu tư hơn ngân hàng. Lý do vì ngân hàng giữ tiền tiết kiệm của dân chúng nên bị nhà nước quy định phải cho vay an toàn, trong khi các công ty tài chính chỉ cần minh bạch (transparency) mà không bị trói tay trong các lãnh vực ít rủi ro nên dễ dàng khai thác nhiều triển vọng đầu tư mới. Lời nhiều rủi nhiều hay lời ít rủi ít là chọn lựa của mỗi người đầu tư. Gửi tiết kiệm vào ngân hàng không sợ thua lỗ, còn đầu tư với công ty tài chính phải biết phân biệt thắng thua với rủi ro cao thấp.

3. Giám sát, thẩm định rủi ro, sạn lọc đầu tư và tự do thông tin.

Có 4 bộ phận giám sát thị trường tài chính ở Mỹ:

1. Nhà nước giám sát tính minh bạch và sòng phẳng của các công ty tài chính.

2. Những công ty thẩm định tài chính (Moody, Standard & Poor's và Fitch) đánh giá mức độ rủi ro nhiều hay ít của từng công ty và sản phẩm đầu tư.

3. Ngân hàng và các công ty tài chính gạn lọc giữa đầu tư tốt hay xấu.

4. Báo chí thông tin trung thực qua đó dân chúng giám sát cả nhà nước lẫn tư nhân.

Bốn bộ phận này phối hợp lại thì thị trường mới sinh hoạt lành mạnh, dòng vốn mới chảy vào các doanh nghiệp mạnh mà tránh những công ty yếu kém.

NHTƯ Mỹ giám sát các ngân hàng thương mại. SEC (Security Exchange Commission) giám sát sàn chứng khoán. Sổ sách và kế toán phải minh bạch để nhà đầu tư chọn lựa bỏ vốn. Nhà nước quy

định các quỹ hưu bổng (IRA, pension) phải đầu tư an toàn.

Ba công ty thẩm định tài chính lớn gồm Moody, S&P và Fitch đánh giá rủi ro đầu tư đối với từng công ty và các sản phẩm tài chính.

Những công ty tài chính sạn lọc giữa doanh nghiệp tốt và xấu để chọn mặt gửi vàng. Kết quả lời lổ phải công khai minh bạch để dân chúng quyết định đầu tư hay không.

Báo chí cạnh tranh đăng tải những tin tức đáng tin cậy để người đọc thu thập dữ kiện chính xác nhằm chọn lựa đầu tư. Báo phải phơi bày các sai phạm dù là của chính quyền hay tư nhân.

Ngành tài chính Hoa Kỳ gồm đủ bốn bộ phận nói trên nên được xem như điểm son của tư bản Mỹ. Các công ty tài chính nhiều sáng tạo, minh bạch nhưng không bị trói buộc bởi nhiều quy định phiền toái của nhà nước nên có thể đầu tư táo bạo vào những lĩnh vực nhiều hứa hẹn nhưng cũng lắm rủi ro. Câu nói đầu môi của giới tài chính Hoa Kỳ trước năm 2007 là “greed is good” tức tham tiền mới nỗ lực làm việc. Cộng thêm vào đó chính sách tiền tệ của NHTƯ giúp kinh tế Hoa Kỳ phát triển trong thời gian dài mà không sinh lạm phát. Giới chuyên viên quốc tế thán phục cho rằng Mỹ đã tìm ra giải pháp lèo lái nền kinh tế sinh hoạt trong quỹ đạo an toàn gọi là “goldilock”…cho đến ngày xảy ra cuộc Đại Suy Thoái 2007-08.

Kinh tế gia Hyman Minsky có câu viết nổi tiếng “Stability breeds instability” (Ổn Định sinh Bất Ổn, giống như trong Âm có Dương, trong Ngày có Đêm) tức là đang khi mọi việc yên ổn tốt đẹp thì doanh nghiệp và các nhà đầu tư sanh thói ỷ lại đi tìm rủi ro để kiếm thêm lợi tức. Rủi ro càng nhiều triển vọng càng lớn nên thị trường theo đó bơm dần bong bóng đầu tư cho đến lúc bóng căng rồi bóng nổ. Thời điểm bóng vỡ mang tên gọi khoảnh khắc Minsky (the Minsky moment.) Thị trường sau đó tái lập an toàn và ổn định nhưng rồi chỉ để bắt đầu một chu kỳ thăng trầm (boom and bust) khác. Quan điểm về chu kỳ lên xuống này trái với kinh tế cổ điển (classical economic) vốn cho rằng thị trường duy lý (rational market) nên lúc nào cũng đạt đến đến trạng

thái cân đối và ổn định.

4. Thị trường tài chính ở Trung Quốc

Thị trường tài chính ở Trung Quốc không tự do như ở Mỹ mà nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Bắc Kinh qua hệ thống ngân hàng nhà nước. Bắc Kinh quy định lãi suất tiết kiệm thấp hơn mức lạm phát để mượn tiền dân chúng với giá rẻ rồi cấp vốn ưu đãi cho địa phương, các công ty nhà nước và những tập đoàn thân hữu (công ty nhà nước mượn tiền 2 phân lời thấp hơn so với tư nhân.) Dân Tàu có 2 chọn lựa: hoặc gửi tiền ngân hàng hay mua chứng khoán đơn lẻ (individual stocks). Do thiếu thông tin minh bạch nên giá cổ phiếu đơn lẻ trồi sụt hàng ngày theo lời đồn đãi chẳng khác gì song bài casino thường là nhà cái thắng lớn còn nhà con thua đậm. Chơi stock đau tim nên nhiều người Tàu chọn gửi tiền vào ngân hàng với phân lời thấp.

Các ngân hàng cho chính quyền địa phương và những công ty quốc doanh vay với lãi suất ưu đãi, trước hết để thi hành chiến lược phát triển của Bắc Kinh, cạnh đó còn do mối liên hệ thân thiết giữa cán bộ ngân hàng và cán bộ nhà nước. Ngân hàng cho vay theo mệnh lệnh nhà nước nên không sợ mất vốn, cán bộ ngân hàng không sợ bị thanh trừng nếu thi hành mệnh lệnh cấp trên. Bắc Kinh tuy biết rõ hiểm họa của nạn tư bản bè phái cùng rủi ro đạo đức khi thị trường ỷ lại được nhà nước bao che nhưng không thể nào cải tổ ngành tài chính mà tránh khỏi đổi mới chính trị.

Bắc Kinh rút kinh nghiệm từ bài học tư bản nước ngoài thoái vốn bỏ chạy trong khủng hoảng tài chính Đông Á năm 1998. Từ đó Trung Quốc khuyến khích tư bản ngoại quốc đầu tư trực tiếp FDI để xây cất hãng xưởng, thuê mướn nhân công và chuyển giao công nghệ mà hạn chế dòng vốn lưu động cho vay từ nước ngoài. Các địa phương và công ty quốc doanh chỉ mượn tiền giá rẻ từ tiết kiệm của dân chúng trong nước để đầu tư xây cất hạ tầng thay vì mượn tiền nước ngoài. Thành phố, xa lộ, phi trường mọc lên nhanh chóng cộng với nguồn nhân công rẻ nên hấp dẫn đầu tư ngoại quốc. Dân chúng tuy

phải gửi tiền ngân hàng với phân lời thấp nhưng vẫn hài lòng do có công ăn việc làm, lương bổng tăng trong khi nhà đất, giao thông, điện nước, cầu cống đều được xây mới. Những khoảng đầu tư hoang phí và lạm dụng được khỏa lấp bởi đà tăng trưởng trên 10% mỗi năm.

Để đối phó với khủng hoảng kinh tế 2007-08 Bắc Kinh tung ra một gói kích cầu khổng lồ trị giá 4 tỷ NDT (588 triệu USD) hay 13% GDP lớn nhất thế giới thời bấy giờ. Điểm đáng nói là tiền không rút ra từ ngân sách trung ương mà do các chính quyền địa phương và ngân hàng địa phương huy động vốn. Chính quyền địa phương được thả lỏng nên qua hệ thống ngân hàng địa phương bơm lượng tín dụng tăng lên nhảy vọt, chỉ trong vòng 2 năm 2009-10 tổng số nợ tăng đến 18 tỷ NDT hay 57% GDP. Tín dụng càng dồi dào, địa phương có nhiều vốn đầu tư vượt chi tiêu tăng trưởng thì cán bộ mau lên chức.

Năm 2007-08 xuất cảng sang Tây Phương giảm, nhu cầu xây cất hạ tầng giảm nhưng tăng trưởng không giảm vì bên trong có nhiều khoảng đầu tư xấu thúc đẩy tăng trưởng. Bắc Kinh thấy dấu hiệu nguy hiểm liền hạ lệnh cắt bớt lượng tín dụng. Nhưng các địa phương không thể dừng ngay những công trình xây cất đang dang dở (cho dù là phí phạm) nên dùng hệ thống ngân hàng địa phương gây vốn mới bằng cách ấn hàng những sản phẩm làm giàu (Wealth Management Product, hay WMP) với phân lời cao hơn trương mục tiết kiệm. Dân chúng đổ tiền mua WMP. WMP không bị Bắc Kinh giám sát vì không phải tiền tiết kiệm. Lượng WMP tăng vọt trở thành dòng vốn của hệ thống tài chính ngầm (shadow banking) không bị NHTƯ kiểm soát.

Bên cạnh hệ thống ngân hàng địa phương các chính quyền địa phương còn thành lập những công ty tài chính địa phương LGFV (local government financing vehicle) để vay tiền mà không bị trung ương giám sát. LGFV mua lại “đất đai thuộc toàn dân”, thổi lên các công trình đầu tư rồi mang ra thế chất để mượn nợ mới từ ngân hàng địa phương. Giá đất tăng, nhiều gia đình mất đất bất mãn nhưng thị trường địa ốc tăng vọt. Dù không chính thức là quốc doanh nhưng dân chúng vẫn thích cho LGFV vay với phân lời cao (so với ngân hàng) vì được các chính quyền địa phương bao che.

Bắc Kinh thấy lượng nợ tăng quá nhanh nên siết chặt lượng tín dụng và giám sát các sản phẩm làm giàu. Thị trường tài chính ở Trung Quốc thiếu máu (thiếu tín dụng) nêN co thắt vào năm 2013. Bắc Kinh nhát tay sợ khủng hoảng nên tăng lượng tín dụng trở lại lên đến 293% GDP vào năm 2016[45].

NHTƯ Trung Quốc cố gắng kiểm soát lượng tín dụng kể từ năm 2016, nhưng đến năm 2020 tổng số nợ tăng lên 335% GDP[46] . Năm 2018 một LGFV bị nhà nước bỏ mặt cho vỡ nợ như bài học dạy giới đầu tư đừng quen thói ỷ lại. Nhưng thế trên đe dưới búa của Bắc Kinh là nếu để mặc cho thị trường tẩy sạch các rủi ro đạo đức thì giới kinh doanh sẽ hoảng loạn dẫn đến khủng hoảng tài chính và địa ốc. Nhà đất lại chiếm phần lớn tài sản của dân Tàu nên thị trường địa ốc sụp sẽ khiến dân chúng phẫn nộ. Còn tiếp tục bao che thì nợ xấu ngày thêm chồng chất trong khung cảnh tăng trưởng chậm lại do nạn lão hóa trong nước và thương chiến Mỹ-Trung ngoài nước, cho đến ngày mức tăng trưởng không còn đủ để bù đắp cho nợ xấu.

Ở Trung Quốc nợ phần lớn vay mượn trong nước. Trung Quốc có quỹ dự trữ ngoại tệ dồi dào nên không lo đồng NDT bị tấn công. Bắc Kinh ngăn chặn chảy máu ngoại tệ bằng cách nghiêm cấm chuyển tiền ra nước ngoài nên không sợ nạn tư bản tháo vốn bỏ chạy. Tuy nhiên nợ cho dù vay mượn từ trong hay ngoài nước vẫn là…nợ, tức là nợ xấu thì phải có bên lãnh hậu quả. Nợ xấu đến khi tràn ngập tức nước vỡ bờ thì tình trạng vỡ nợ sẽ ảnh hưởng đến các công ty và công ăn việc làm trong dân chúng, rồi sau đó lây lan sang ngành địa ốc. Dân chúng sẽ hạn chế tiêu thụ, công ty cắt giảm đầu tư tức là Trung Quốc tiến vào một chu kỳ suy trầm kéo dài để trả nợ (deleveraging.)

Nhiều nhà quan sát cho rằng khủng hoảng tài chính là hiểm họa trước mắt nhưng châm ngòi bởi các chiều hướng lâu dài như nạn lão hóa trong nước và thương chiến Mỹ-Trung ngoài nước. Xuất cảng từ Trung Quốc tăng vọt trong năm 2020-21 nhờ vào dịch Vũ Hán giúp Tàu thu vào một khoảng ngoại tệ khổng lồ che khuất nợ xấu, nhưng

nếu Bắc Kinh trước tự cô lập, nay hấp tấp mở cửa do biến thể Omicron thì hậu quả không lường trước được.

Điểm an ủi cho Tập Cận Bình vẫn là nước Mỹ Biden cũng mang một núi nợ, núi nào xập trước thì nước kia trở thành cường quốc hàng đầu trong thế kỷ thứ 21!

SÁCH ĐỌC THÊM

1. Manias, panics, and crashes : a history of financial crises (tác giả Kindleberger)
2. This Time Is Different: Eight Centuries of Financial Folly (tác giả Carmen M. Reinhart và Kenneth S. Rogoff)

CHƯƠNG 13: LẠM PHÁT VÀ GIẢM PHÁT

Kinh tế gia John M. Keynes cho biết Lenin từng nói cách hay nhất để hủy hoại hệ thống tư bản là phá giá đồng bạc. Keynes tiếp theo với nhận xét nhà nước nhờ lạm phát kéo dài để lén lút tịch thu tài sản và bần cùng hoá dân chúng (dịch thoát câu văn “Lenin is said to have declared that the best way to destroy the capitalist system was to debauch the currency. By a continuing process of inflation, governments can confiscate, secretly and unobserved, an important part of the wealth of their citizens.)

Một gian thương trộn 10% chì vào vàng rồi rao bán như vàng nguyên chất sẽ bị bỏ tù về tội lừa đảo. Nhà nước in tờ giấy bạc 100 đồng nhưng giá trị thu lại chỉ bằng 90 đồng lại gọi đây là 10% lạm phát (inflation, hay hàng hóa tăng giá do tiền mất giá.) Chú phỉnh tôi rồi chính phủ ơi!

Ngược lại giả sử người tiêu dùng thay vì mua tivi 32 inch năm nay chờ thêm 2 năm mua tivi 50 inch lớn hơn, đẹp hơn mà giá lại rẻ hơn thì gọi là giảm phát (deflation, hay hàng hóa sụt giá.)

Ai cũng ham thích mua hàng rẻ nhưng nếu mọi người cùng một lúc ngừng mua sắm tivi tủ lạnh năm nay chờ đến giá hời sang năm sẽ khiến cửa hàng ế ẩm, hãng xưởng cắt giảm sản xuất và nhân viên mất việc. Cho nên vòng xoáy giảm phát nguy hiểm không kém lạm phát.

Người Mỹ khôi hài rằng giảm phát gồm các thứ mình muốn mà không cần (tivi, tủ lạnh,…) trong khi lạm phát gồm các món mình không thể thiếu (nhà ở, thực phẩm, xăng nhớt…)

Lạm phát ảnh hưởng khác nhau đến từng quốc gia. Tại các nước giàu thực phẩm và xăng dầu chiếm 15-40% thu nhập nên dân chúng bất mãn khi giá cả leo thang. Ở các nước đang mở mang tiền chợ và xăng nhớt chiếm đến 90% lương bổng của giới lao động chạy gạo hàng ngày nên lạm phát khiến dân tình đói khổ dễ sinh thành bạo loạn xã hội và chính trị.

1. Giảm phát ở Tây Phương

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng giảm phát ở Âu-Mỹ-Nhật trước khi lạm phát bùng nổ năm 2022:

1. Nhật và nhiều nước Âu-Châu bị lão hóa. Người già bớt tiêu xài vì ít nhu cầu tiêu thụ. Lượng người mua giảm khiến hàng hóa mất giá.

2. Công nghệ điện toán phát triển làm nhu cầu thuê mướn nhân viên hạ thấp. Thí dụ nhà hàng trước đây cần 10 người chạy bàn, nay khách hàng đặt món ăn qua điện thoại cầm tay nên chỉ mướn 3 nhân viên để hạ phí tổn. Máy bay 30 năm trước cần 5 phi hành đoàn nay chỉ còn 2 viên phi công chính và phụ. Giá cả hàng hóa và dịch vụ giảm nhưng nhiều người mất việc tạo áp lực lên đồng lương lao động không tăng.

3. Toàn cầu hóa giúp Trung Quốc trở thành công xưởng quốc tế khiến quần áo, giày Nike và hàng điện toán tụt giá hàng năm. Chịu khó chờ mua hàng lỗi thời chỉ sau 1 năm để được 30-70% sale.

Giảm phát gây thiệt hại vì người lao động sợ mất việc nên không dám đòi tăng lương. Doanh nghiệp nhỏ lẻ đóng cửa do không thể chạy đua với các siêu đại công ty Walmart, Amazon…dùng vốn đè bẹp các đối thủ cạnh tranh. Trí tuệ nhân tạo đe dọa công ăn việc làm của thành phần chuyên viên trí thức.

Giảm phát lợi cho những người có đồng lương vững chắc có sức mua ngày càng tăng vì hàng hóa giảm giá.

Dân Mỹ mua sắm hàng hóa sản xuất ở Tàu, Việt cho nên ngành dịch vụ (service industry) phát triển thuê mướn nhân viên trong khi khâu sản xuất (manufacturing industry) sa thải công nhân.

Để đối phó với nạn giảm phát (deflation, còn gọi là disinflation) NHTƯ thường nới lỏng túi tiền (money loosening) bằng cách bơm tiền và hạ lãi suất. Tiền bạc dồi dào (easy money) nên dễ vay mượn, gọi là tiền rẻ (cheap money) nhằm giúp doanh nghiệp và tư nhân vay vốn đầu tư (như xây cất hãng xưởng) hay tiêu thụ (như mua nhà xe) qua đó bơm lên tăng trưởng.

Tiền rẻ thiệt hại cho người tiết kiệm vì phân lời thấp hoặc dưới mức âm. Cho nên tiền thay vì gửi vào ngân hàng an toàn nhưng lời ít phải chuyển sang đầu tư vào nhà đất và chứng khoán để lời nhiều nhưng rủi ro cao. Tiền đổ vào khiến giá địa ốc và cổ phiếu tăng vọt thành ra thổi lên bong bóng tài sản (asset inflation). Hậu quả là tiền rẻ có lợi cho người sở hữu tài sản (địa ốc, cổ phiếu tăng nhanh) hơn là giới lao động (lương bổng tăng chậm) khiến đào sâu khoảng cách giàu nghèo trong xã hội. Tiền rẻ có lợi khi đáo nợ (refinance, tức vay nợ mới phân lời thấp trả nợ cũ lãi suất cao.) Các tương quan kinh tế chằng chịt nhưng chỉ cần nhớ là tiền đẻ ra tiền nên người có tài sản ngày càng giàu, bằng chỉ trông cậy vào sức lao động và đồng lương thì suốt đời chạy gạo. Ai may mắn thừa hưởng gia tài phải biết giữ gìn mà đừng bán ăn xài cho hết!

2. Lạm phát

Lạm phát là tiền mất giá. Kinh tế gia Milton Friedman giải thích tiền nhiều, hàng ít thì giá cả phải tăng (Inflation is caused by too much money chasing too few goods)[47] . Thí dụ gặp lúc tăng trưởng, nhiều người làm ra tiền hùa nhau mua sắm khiến hàng hoá trở nên đắt đỏ. Riêng dân Mỹ trong dịch cúm Tàu ở nhà nhận trợ cấp nhiều hơn đồng lương lúc đi làm nên lắm tiền ăn sài thành ra lạm phát.

Lương bổng tăng chậm hơn lạm phát. Lương mỗi năm lên chỉ một hay hai lần trong khi tiền chợ cứ tăng hàng tuần. Cho nên một khi lạm phát đã bắt đầu thì tâm lý chạy trước lạm phát (inflation expectation) sẽ khiến lạm phát kéo dài.

Thí dụ lạm phát 5% nên công nhân đòi tăng lương 7% chuẩn bị cho

lạm phát năm tới (cho dù không ai biết trước lạm phát năm sắp tới sẽ là bao nhiêu). Tương tự như vậy, doanh nghiệp khi định giá hàng hóa cho năm sau phải cộng thêm 10% chuẩn bị cho lương bổng và vật liệu mua vào tăng vọt. Vì tâm lý thị trường chạy trước lạm phát nên giá cả tăng đồng đều và toàn bộ.

Người Mỹ có 2 cách tính lạm phát:

1. Lạm phát thực (headline inflation) tức giá cả một giỏ hàng hóa tiêu biểu trong đó bao gồm thực phẩm và xăng nhớt nên ảnh hưởng trực tiếp đến túi tiền và được mọi người chú ý theo dõi.

2. Lạm phát cơ bản (core inflation), tức lạm phát thực trừ ra thực phẩm và xăng nhớt bởi vì giá cả của hai món này có thể lên xuống thất thường do chiến tranh, mùa màng,v.v... Lạm phát cơ bản thay đổi chậm hơn lạm phát thực nên được giới kinh doanh dùng để tiên liệu giá thành và giá bán hàng hóa. Lạm phát cơ bản mỗi khi đã bén rễ rất khó ngăn chặn vòng xoáy tăng giá. Muốn thoát ra khỏi lạm phát NHTƯ phải siết chặt túi tiền đôi khi dẫn đến suy thoái và thất nghiệp mới thay đổi được chu kỳ.

Muốn chấm dứt lạm phát phải triệt hạ tâm lý chạy trước lạm phát. Nhà nước phải chấp nhận nuốt liều thuốc đắng trong khoảng thời gian dài 1-2 năm thì thị trường mới tin tưởng sự quyết tâm của chính quyền đánh gục lạm phát.

Nếu trong giảm phát NHTƯ thả lỏng túi tiền (money loosening, tức bơm tiền và hạ lãi suất) thì ngược lại lúc lạm phát NHTƯ siết chặt túi tiền (money tightening, tức giảm lượng tiền lưu hành và tăng lãi suất). Tiền khan hiếm khiến doanh nghiệp và tư nhân khó vay mượn để đầu tư hay tiêu xài nên kinh tế hạ nhiệt. Nhưng doanh nghiệp bớt đầu tư thì công nhân thất nghiệp; kinh tế hạ nhiệt không khéo thành ra suy thoái.

Mỗi lần NHTƯ thay đổi chính sách từ thả lỏng túi tiền sang thắt chặt túi tiền rất nguy hiểm. Lý do đã trình bày phần trên là tiền rẻ sinh ra bong bóng tài sản (asset inflation). Của cải của tầng lớp trung lưu lại phần lớn nằm trong nhà đất và chứng khoán. NHTƯ siết chặt tiền tệ không khéo làm nổ bong bóng tài sản tức là bể nồi cơm của giới trung lưu.

Nước Mỹ lạm phát thấp trong suốt 30 năm nhưng đến năm 2022 lạm phát tăng vọt do các khoảng kích cầu quá đáng của Biden (không đi làm mà vẫn dư tiền xài vì được nhà nước in tiền cho không!) Cánh Biden biện hộ là lạm phát sẽ ngắn hạn (transitory inflation) do đại dịch Vũ Hán khiến dây chuyền sản xuất và vận chuyển bị trở ngại (khan hiếm chip điện tử; thiếu kiện hàng cho tàu xuyên đại dương – shipping container.)

Lạm phát ở Mỹ trước đây 1-2%, nay đột biến lên 9.5% nhưng theo nhiều dự đoán trong dài hạn sẽ trở lại 2-3% tức là thấp hơn nhiều so với các nước khác. Dù vậy lạm phát vẫn nguy hiểm vì bốn chỗ:

1. Lạm phát chưa biết kéo dài bao lâu nhưng tâm lý chạy trước lạm phát đã manh nha bắt đầu (nhân viên đòi tăng lương, doanh nghiệp chuẩn bị tăng giá hàng hóa) nên có thể dẫn đến lạm phát trường kỳ.

2. NHTƯ siết chặt túi tiền để chặn đứng tâm lý chạy trước lạm phát. Biện pháp xì hơi bong bóng nhà đất và chứng khoán đe dọa làm bể nồi cơm của giới trung lưu. Còn như NHTƯ lạnh cẳng (cold feet) sợ nổ bong bóng mà tiếp tục chính sách tiền rẻ thì từ sợ lạm phát trở thành lạm phát thiệt!

3. Từ 20 năm nay lạm phát ở Mỹ xuống thấp nhờ xài hàng Tàu giá rẻ. Nếu tranh hùng Mỹ-Trung trở thành chiến tranh ý thức hệ tách rời hai khối kinh tế (decoupling) thì Mỹ sẽ bớt mua hàng rẻ từ Trung Quốc, khi đó lạm phát ở Mỹ sẽ tăng vọt bởi vì tiền nhiều, hàng ít theo giải thích của Milton Friedman (too much money chasing too few goods.)

4. Nếu độc trùng Vũ Hán tiếp tục biến thể từ Delta sang Gamma sang Omicron…khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn lâu dài sẽ khiến hàng hóa khan hiếm làm thêm lạm phát.

Lạm phát nguy hiểm cho người tiết kiệm và giới hưu trí có đồng lương cố định. Tiền cất trong túi hay trong tủ sắt mà cứ tự nhiên bốc hơi vơi dần như bị móc túi.

Lạm phát có lợi cho người mượn nợ (nợ bốc hơi nên teo nhỏ lại) mà thiệt thòi cho người cho vay (tiền thu vào không bù cho tiền mất giá). Nhà nước Mỹ lại ôm núi nợ lớn nhất thế giới nên lạm phát sẽ là một trong những cách nhà nước nhè nhẹ móc túi dân chúng trả nợ tiêu xài phung phí.

CHƯƠNG 14: THUẾ

Trên nguyên tắc nhà nước dùng thuế má và ngân sách để phục vụ lợi ích công cộng, nhưng trong thực tế nhà nước dùng thuế vào các mục tiêu chính trị nhằm tái phân phối tài sản quốc gia ưu đãi một phe nhóm mà thiệt thòi các thành phần khác trong xã hội. Thí dụ tăng thuế và tăng trợ cấp xã hội là lấy của nhà giàu phân phối cho nhà nghèo (người Mỹ gọi là transfer payment), còn giảm thuế tức ưu đãi nhà giàu với lý do khuyến khích đầu tư tạo công ăn việc làm cho dân nghèo. Một thí dụ khác nhà nước miễn thuế xe điện nhằm thúc đẩy công nghiệp xanh, và tăng thuế xăng dầu để dân chúng bớt lái xe động cơ máy nổ làm thiệt thòi đến các công ty dầu hỏa.

Mỗi chi tiêu của nhà nước đều va chạm đến quyền lợi phe nhóm nên chính sách thuế má gây ra những tranh cãi gắt gao, và thường xuyên bị thay đổi mỗi khi ngọn gió chính trị xoay chiều. Người Việt nói sưu cao thuế nặng sẽ khiến dân tình oán than thì bên Mỹ có biểu đồ Laffer Curve[48] cho thấy thuế tăng cao đến một mức nào đó thì tiền thuế thu vào lại giảm vì dân chúng chán nản không còn muốn làm việc. Hai cánh tả và hữu tranh luận gay gắt để tìm mức thuế tối ưu nằm giữa 25%-75% vừa để phục vụ quyền lợi chung mà không khiến dân tình than oán nhưng chưa bao giờ tìm được câu trả lời thỏa đáng cho mọi người.

Người Mỹ có câu “Nothing is certain but tax and death” (Không ai tránh được thuế má và tử thần). Thuế mang ý nghĩa đặc biệt ở Hoa Kỳ vì nước Mỹ thành hình do dân chúng thuộc địa nổi loạn chống nhà nước bảo hộ Anh Hoàng theo lời hiệu triệu “Taxation without representation is tyranny” (Trả thuế mà không có quyền đại diện là độc tài.) Cho nên qua mỗi kỳ bầu cử thuế vẫn luôn là đề tài tranh luận hàng đầu – nhưng không chỉ cãi cọ suông bởi vì phe phái đắc cử có thể dùng thuế má móc túi người dân và tùy tiện chi tiêu hàng ngàn tỷ USD.

Ở Mỹ có hai trường phái kinh tế gọi là trọng cung (supply-side, do đảng Cộng Hòa chủ trương và gắn liền với tên tuổi Ronald Reagan) và trọng cầu (demand-side, do đảng Dân Chủ hô hào):

- Cánh trọng cung quan niệm cắt giảm thuế để khuyến khích tư nhân đầu tư tạo thêm công ăn việc làm và thúc đẩy nền kinh tế. Đầu tư tăng giúp cung tăng khiến giá thành hạ, qua đó đời sống dân chúng được cải thiện nhờ có công ăn việc làm và hàng hóa giá rẻ.

- Phái trọng cầu tố cáo trọng cung là chính sách kinh tế nhỏ giọt (trickle down economics) cắt thuế cho nhà giàu hưởng trước rồi dư thừa mới ban ơn mưa móc rơi vãi xuống đến quần chúng. Thay vào đó cánh trọng cầu chủ trương đánh thuế nhà giàu để tái phân phối của cải xã hội nhằm nâng đỡ dân nghèo. Dân chúng có thêm tiền tiêu thụ thì cầu tăng; cầu tăng thúc đẩy cung tăng, qua đó đẩy mạnh đầu tư và phát triển.

- Một khuynh hướng khác chủ trương thay vì nhà nước thúc đẩy tư nhân đầu tư thì nay chính nhà nước đầu tư, nên được gọi là trọng cung kiểu mới (supply-side progressivism.) Quan điểm này na ná giống với chính sách công nghiệp quốc gia (national industrial policy) ở Trung Quốc, Việt Nam, Nam Hàn, Đài Loan v.v…tức là nhà nước đầu tư vốn công vào các ngành trọng điểm chiến lược như công nghệ xanh, trí tuệ nhân tạo, vi sinh học, sản xuất chip điện toán. Vì đầu tư đi liền với rủi ro nên cánh trọng cung kiểu mới chấp nhận nhà nước thua lỗ trong nhiều lĩnh vực do chỉ cần một vài thành công cũng đủ bù đắp: bằng chứng là các công nghệ Internet, chip bán dẫn (semiconductor), hệ thống định vị toàn cầu GPS đều khởi đầu từ nhà nước Mỹ đầu tư công vào lĩnh vực quốc phòng.

Thuế má đủ mọi kiểu cách nhưng vài loại thuế chính như sau:

1. Thuế lợi tức (income tax) đánh vào thu nhập theo mức lũy tiến (progressive income tax, tức làm tiền càng nhiều mức thuế càng cao) hoặc theo một tỷ lệ nhất định (một mức thuế

chung cho mọi người.) Thuế lũy tiến tuy có vẽ công bằng nhưng nếu làm tiền càng nhiều bị đánh thuế càng nặng thì chẳng ai kham khổ làm việc cực thân. Nói cách khác, mức thuế lũy tiến càng cao sẽ khiến nhiều người nản lòng không làm việc hết mình. Xã hội bình đẳng chỉ khi nào mọi người cùng nghèo đói như nhau (equity = equally poor[49].)

2. Thuế tiêu thụ (consumption tax): thay vì đánh thuế lên thu nhập thì đánh thuế vào tiêu thụ – xài nhiều thuế nhiều, xài ít thuế ít. Tuy nhiên nhà nghèo xài gần 100% thu nhập cho cơm gạo hàng ngày trong khi nhà giàu dư tiền xài không hết, kết quả người nghèo trả mức thuế nhiều hơn nhà giàu. VAT (thuế giá trị gia tăng) là một loại thuế tiêu thụ.

3. Thuế tài sản (asset tax): thuế nhà, thuế xe, v.v…

4. Thuế di sản (inheritance tax): tức là chết rồi mà vẫn còn bị đánh thuế (death tax). Một người gầy dựng gia tài của cải cho con cái thừa hưởng, nhưng nếu thuế di sản quá cao thì lúc còn sống ăn xài cho sướng dại gì đợi đến chết bị nhà nước cướp phần. Ngược lại nếu thuế gia di sản quá thấp lại sinh ra tình trạng đẳng cấp “Con vua thì lại làm vua, chú sãi ở chùa lại quét lá đa” vốn là kẻ thù của Dân Chủ và Tư Bản[50].

5. Thuế xa xỉ (luxury tax): trong khi dân tinh nghèo khó mà bỏ tiền mua Lamborghini cho thiên hạ lé mắt rất đáng bị đánh thuế xa xỉ.

6. Miễn thuế (tax deduction) hay khấu trừ thuế (tax credit) là những hình thức nhà nước khuyến khích dân chúng làm việc có lợi ích như mua nhà, sinh con, để dành tiền hưu trí…miễn bị đóng thuế

CHƯƠNG 15: TÂM LÝ THỊ TRƯỜNG

Có hai cách nhìn về thị trường tài chính.

1. Theo cách nhìn thứ nhất mọi người sinh hoạt trong thị trường đều đắn đo thận trọng để không làm thiệt hại đến lợi ích riêng tư của mình (self-interest), cho nên gọi là thị trường thuận lý (rational market). Từng quyết định cá nhân dù đúng hay sai nhưng thị trường vẫn sáng suốt nhờ vào tổng hợp các quyết định của mọi người, cho nên giá cả trên thị trường lúc nào cũng thể hiện chính xác toàn bộ những thông tin thu thập được[51]. Thị trường hiệu quả (efficient market) vì giá cả đúc kết từ nhiều ý kiến đa phương thay vì do một số thiểu số thư lại hành chánh của nhà nước đơn phương quyết định.

   Thí dụ A muốn đòi lương cao trong khi B cần việc làm nên nhận lương thấp. Mỗi công ty C, D, E lại muốn trả lương cao thấp khác nhau tùy theo nhu cầu. Thị trường lao động sau khi tổng hợp nhiều quyết định của các doanh nghiệp và người kiếm việc sẽ đi đến một mức lương chung hợp lý nhất, dựa trên dữ kiện ngay vào lúc bấy giờ là có bao nhiêu người đang tìm việc và bao nhiêu hảng xưởng cần thuê mướn nhân viên. Thị trường không cần đến nhà nước ấn định mức lương.

   Trong một thí dụ khác về giá chứng khoán: A đòi mua giá thấp trong khi B muốn bán giá cao. Sàn chứng khoán tổng hợp các giao dịch từ mọi phía để đi đến mức giá hợp lý nhất trong thời điểm vào lúc bấy giờ[52] [53]. Do đó giá cả không cần do nhà nước quy định.

Tuy nhiên thực tế lại cho thấy thị trường không phải lúc nào cũng sáng suốt, hợp lý và hiệu quả. Trái lại giá cả trên thị trường đôi khi lên xuống thất thường một cách điên rồ vô lý.

2. Cách nhìn thứ hai (khởi nguồn từ John M. Keynes) cho rằng

thị trường tài chính không phải lúc nào cũng thuận lý. Thí dụ lúc mua bán trên sàn chứng khoán anh A không muốn bị tuột tay hay trả hố nên đoán chừng chị B sẽ chạy đua trả giá cao hay thấp hơn. Nói cách khác, thị trường giống như bãi đấu thầu hay bàn xì phé nơi đó mỗi người dò chừng đối thủ sẽ đuổi theo "tố" giá bao nhiêu, nhưng rồi một khi "nóng máu" giá cả sẽ nhảy vọt thất thường phi lý. Keynes phê bình quan điểm thị trường hợp lý với nhận xét cho rằng "Đợi đến lúc thị trường chứng khoán hết điên loạn thì bạn đã cháy túi" (The stock market can remain irrational longer than you are solvent.)

Thị trường nếu hữu hiệu thì giá cả sẽ đạt đến mức tối ưu (optimal pricing) phản ảnh các tin tức đang có. Thị trường nếu không hữu hiệu tất nhiên giá cả sẽ trồi sụt thất thường. Riêng trên sàn chứng khoán hai cách nhìn nói trên chẳng những không tương phản mà còn bổ túc lẫn nhau như hai bộ mặt của một đồng tiền. Nhà đầu tư nổi tiếng Peter Lynch nhận xét "Hàng ngày giá cổ phiếu của một công ty trồi sụt thất thường như không liên hệ gì đến thành quả của công ty, nhưng đợi đến vài tháng vài năm giá cổ phiếu lại phản ảnh 100% sự thành công hay thất bại của công ty." (Often, there is no correlation between the success of a company's operations and the success of its stock over a few months or even a few years. In the long term, there is a 100 percent correlation between the success of the company and the success of its stock.) Nói cách khác trong ngắn hạn giá cả lên xuống theo tin đồn và tâm lý thị trường nên không phản ảnh được sức mạnh hay yếu của công ty, nhưng nếu kiên nhẫn chờ đến vài năm thì giá cả sẽ hợp lý vì phản ảnh 100% thành quả của công ty[5455]. Chỉ có điều dân chơi stock đã cháy túi trước vài năm!

Trở lại với kinh tế vĩ mô nếu thị trường hợp lý, hữu hiệu và sáng suốt (đồng thời dữ kiện không thay đổi) thì giá cả sẽ đạt đến mức tối ưu. Mọi người đều sẽ có công ăn việc làm với đồng lương hợp lý. Mức

cung cầu và giá cả ổn định nên không giảm phát hay lạm phát. Mọi sự can thiệp của nhà nước sẽ chỉ làm sai lệch thị trường. Nếu dữ kiện thay đổi (chiến tranh, thiên tai, một phát minh mới v.v…) giá cả dao động trồi sụt nhưng nhà nước không vì vậy mà thò tay can thiệp mà phải kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi thị trường tự điều chỉnh để trở về trạng thái cân bằng tối ưu.

Ngược lại nếu thị trường không hợp lý cũng giống như bãi đấu thầu trong đó giá cả nhảy vọt lên xuống bất thường. Nhà nước cần can thiệp để ngăn chặn hay giảm thiểu tác động không cho giá cả dao động mà dẫn đến khủng hoảng kinh tế rồi xáo trộn chính trị và xã hội.

***

Thị trường nếu thuận lý (rational market) sẽ không trải qua những giai đoạn điên rồ chạy đua bơm bong bóng rồi ôm đầu máu tháo chạy khi bóng nổ. Ngành kinh tế hành vi (behavioral economics) tìm hiểu thị trường không phải lúc nào cũng sáng suốt mà bị thúc đẩy bởi tâm lý nghìn đời của nhân loại như tham lam và hoảng sợ (greed and fear), cùng bản năng hùa theo đám đông (herd mentality). Ngành kinh tế hành vi trở nên thịnh hành kể từ sau cuộc khủng hoảng 2007-08 để giải thích tại sao các đại ngân hàng Mỹ vốn sử dụng những chuyên viên thượng thặng đào tạo từ Harvard, Columbia,…lại điên rồ đua nhau bơm lên bong bóng địa ốc và tài chính khổng lồ để rồi khi nổ bùng làm thiệt hại đến quyền lợi của công ty và bản thân chính họ[56] ?

Nguyên do thứ nhất nơi tâm lý hùa theo đám đông vốn bắt nguồn từ bản năng sinh tồn thời tiền sử lúc con người mới sống tập quần thành đàn, đến khi thấy mọi người ùa nhau tháo chạy thì phải…chạy theo mà không cần chờ đợi đắn đo tìm hiểu nguyên nhân do cháy rừng, sư tử hay thảo khấu[57] . Chính bản năng này khi áp dụng vào thị trường lại vô cùng tai hại nếu một người hùa theo đám đông mua nhà đất hay chứng khoán vào lúc giá cao ngất ngưỡng, để rồi lại hùa nhau bán tháo đổ lúc giá cả xuống thảm hại để theo đám đông ôm đầu máu bỏ chạy.

Nhà đầu tư lừng danh Warren Buffet từng chỉ bảo đừng chạy theo đám đông, trái lại "Hãy lo âu khi mọi người tham lam, tham lam khi mọi người hốt hoảng" (Fearful when others are greedy and greedy when others are fearful) tức là mua khi nhiều người bán, bán khi nhiều người mua. Cách đầu tư lề trái này gọi là contrarian investing.

Còn thêm những yếu tố tâm lý khiến thua lỗ như tánh tham lam (greed), ganh tỵ (envious) hay sợ lỡ chuyến đò (missing the boat).

Có người trể nải đầu tư sau khi giá tăng quá cao, vậy mà vẫn nhảy vào bỏ tiền với hy vọng sẽ còn thằng khờ khác trể nải hơn mình - tức là Last Fool Theory. Khôn lanh kiểu này chết sớm vì biết đâu được chính mình mới là tên khờ cuối cùng mà không biết.

Bong bóng giá cả đôi khi kéo dài khiến nhiều người đâm ra mất kiên nhẫn và tự tin. Thí dụ từ năm 2004 ở Mỹ đã nhận xét giá nhà đã tăng quá cao. Nhưng sau đó từ 2004-2007 giá cả cứ tiếp tục nhảy vọt khiến những người vốn chậm chạp và thận trọng nhất cũng thành ra sốt ruột để rồi nhảy vào mua lúc đỉnh điểm!

Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết là sống. Ông Buffet đã chỉ cho biết mà không ai chịu nghe (kể cả người viết!)

***

Một ngành học khác là Complexity Economics (Kinh Tế Phức Tạp.) Nền kinh tế không có trạng thái tĩnh vì không phải là hệ thống khép kín (closed system) mà là hệ thống mở rộng (open system.) Hệ thống mở chịu nhiều tác động từ bên ngoài như đại dịch Vũ Hán, biến đổi khí hậu, chiến tranh, các phát minh mới, kết quả bầu cử v.v…đều ảnh hưởng lên nền kinh tế.

Nói đến tính sáng tạo trong kinh tế có một khái niệm gọi là "creative destruction" (sáng tạo trong hủy diệt) của kinh tế gia Schumpeter. Thí dụ toàn cầu hoá khiến hàng hoá giá rẻ vì chuỗi cung ứng vô cùng hiệu quả nhưng lại hủy diệt hàng triệu công ăn việc làm ở Tây

Phương. Mua bán trên Amazon vô cùng tiện lợi nhưng khiến hàng chục ngàn cửa tiệm nhỏ lẻ phá sản. Uber khiến các hãng taxi chết dỡ.

Quyền lực phe nhóm một khi đã bén rễ lúc nào cũng sợ bị hủy diệt nên cố tình bóp chết sáng tạo và tiến bộ. Ngược lại một nhà nước khôn ngoan phải khuyến khích sáng tạo đồng thời nâng đỡ thành phần bị thiệt thòi bị đánh mất công ăn việc làm để họ không bị bỏ rơi (left behind) mà sinh ra bất mãn dẫn đến bạo loạn chính trị và xã hội.

CHƯƠNG 16: TRỌNG CUNG HAY TRỌNG CẦU?

Thị trường có cung và cầu nên chính sách nhà nước có thể chọn lựa giữa trọng cung (thúc đẩy sản xuất, hay là kích cung) hay trọng cầu (thúc đẩy tiêu thụ, hay là kích cầu) Nếu so sánh nền kinh tế với cánh cung tên thì trọng cầu cũng giống như kéo sợi dây cung (tiêu thụ tăng kéo theo sản xuất) còn trọng cung như đẩy sợi dây cung (sản xuất tăng đẩy theo tiêu thụ.) Do kéo sợi dây dễ hơn là đẩy sợi dây nên nhiều lập luận cho rằng trong cung hữu hiệu hơn trọng cầu. Thực tế không đơn giản như vậy.

Trong nước Mỹ đảng Cộng Hòa được trọng cung (supply-side) còn đảng Dân Chủ trọng cầu (demand-side). Trên thế giới thì Tàu trọng cung còn Mỹ trọng cầu. Chương này sẽ tìm hiểu về cả hai trường hợp nói trên.

1. Trọng Cung (đảng Cộng Hòa) và Trọng Cầu (đảng Dân Chủ) trong nước Mỹ

Trọng cung là chính sách kinh tế của đảng Cộng Hoà từ thời Tổng Thống Ronald Reagan. Phái trọng cung cho rằng cung tăng sẽ tạo công ăn việc làm đẩy mức cầu tăng theo. Đảng Cộng Hòa giảm thuế nhằm khuyến khích tư nhân đầu tư tăng gia sản xuất, vừa khiến hàng hóa hạ giá lại tạo thêm công ăn việc làm. Tiêu thụ theo đó lên cao giúp kinh tế tăng trưởng mang đến lợi ích cho mọi thành phần dân chúng. Giảm thuế còn đồng nghĩa với cắt giảm vai trò của nhà nước, tức thu hẹp khu vực công mà phát huy khu vực tư[58].

Phái trọng cầu chế nhạo đây là chính sách ban ơn mưa móc (trickle-down economics) giảm thuế cho thiểu số nhà giàu hưởng trước rồi dư thừa mới rơi vãi xuống đến quần chúng. Từ thập niên 1980 các doanh nghiệp lớn được giảm thuế nên đầu tư máy móc vừa để hữu hiệu hóa dây chuyền sản xuất lại xây cất hàng xưởng bên Tàu, Việt. Kết quả hàng hóa hạ giá nhưng công nhân Mỹ thất nghiệp. Những tập đoàn tư bản đa quốc gia sau đó dùng lợi nhuận thao túng quyền lực chính trị để trốn thuế nên phần rơi rớt còn lại chẳng bao nhiêu cho dân nghèo húp cháo. Vì sợ mất việc nên công nhân không dám đòi tăng lương.

Chính sách trọng cung bị lên lấy của nhà nghèo tài trợ cho nhà giàu (theo kiểu tá điền ngày xưa phải nhịn ăn để nộp địa tô cho điền chủ) nên là nguyên nhân khiến hố sâu giàu nghèo tăng vọt ở Hoa Kỳ kể từ thập niên 1980.

Trọng cầu là lập trường kinh tế của đảng Dân Chủ. Phái này bắt nguồn từ John M. Keynes cho rằng cầu tăng sẽ kéo cung tăng theo. Gặp khủng hoảng tư nhân cắt giảm đầu tư và tiêu thụ khiến doanh nghiệp trì trệ, công nhân mất việc. Cho nên nhà nước phải kích cầu (cho dù chấp nhận thâm thủng ngân sách) qua các khoản trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp nghèo đói và xây cất hạ tầng bù đắp khoảng trống chi tiêu tư nhân. Nhờ nhà nước kích cầu nên doanh nghiệp mới theo đó đầu tư và thuê mướn nhân viên giúp nền kinh tế tái phục hồi. Đợi đến kinh tế tăng trưởng nhà nước vừa giảm chi lại tăng thu (thuế thu vào tăng nhờ tăng trưởng) nên bù đắp được các khoảng thâm thủng ngân sách trước đây do những gói kích cầu. Chính sách này gọi là countercyclical fiscal policy - tức nhà nước tăng chi trong suy thoái và giảm chi lúc tăng trưởng.

Dùng thí dụ dễ hiểu nếu cổ xe kinh tế chết máy nhà nước phải mồi xăng kích thích máy nổ. Máy đã nổ thì nhà nước ngừng tay không bơm thêm xăng (Tuy nhiên trong thực tế bàn tay can thiệp lông lá của nhà nước một khi đã thò mò táy máy chẳng bao giờ chịu rút về.)

Chữ cầu trong trọng cầu (demand-side) gồm đầu tư công và tiêu thụ tư nhân. Chữ cung trong trọng cung (supply-side) chủ yếu vào đầu tư tư nhân.

Nhà nước trong cung vừa tăng thuế vừa tăng chi nên cánh trọng cầu bị tố cáo “tax and spend” tức nhà nước sưu cao thuế nặng tiêu xài hoang phí[59] . Chú phỉnh tôi rồi chính phủ ơi khi mập mờ đánh lận con đen giữa chi tiêu công (spending) và đầu tư công (investment): trợ cấp welfare là tiền nhà nước tiêu xài hoang phí, hay là ngân sách nhà nước đầu tư cho các gia đình nghèo có cơ hội chuẩn bị tương lai[60] ? Theo phái trọng cung thì đầu tư công thường hay lãng phí cho nên

nhà nước phải cắt giảm thuế để thúc đẩy đầu tư tư nhân, bởi vì chỉ có thị trường mới quyết định sáng suốt phân phối dòng vốn (capital allocation) vào những kinh doanh hiệu quả nhất.

Trọng cầu được nới rộng từ thời John M. Keynes cho đến nay không còn chỉ giới hạn vào nhà nước tăng chi để thúc đẩy kinh tế phục hồi sau khủng hoảng. Theo cách nhìn của phe cấp tiến trong xã hội có một số đông người nghèo không đủ cơ hội học hành tiến thân. Tiềm năng sản xuất của số người này bị phí phạm do đó họ trở thành gánh nặng kèm hãm nền kinh tế không thể phát triển trọn vẹn. Nhà nghèo ít học không được đào tạo tay nghề cao nên năng suất thấp, lương thấp thành ra ít tiêu xài khiến mức cầu giảm. Vai trò của nhà nước là đánh thuế nhà giàu nhằm nâng đỡ nhà nghèo để tạo công bằng xã hội thì mọi người mới có cơ hội phát triển đồng đều giúp cho xã hội thăng tiến – lý luận hay và xạo hết chỗ nói cổ võ cho xã hội chủ nghĩa theo kiểu Biden, Bernie Sander, Elizabeth Warren, Paul Krugman và Joseph Stiglitz, bởi vì trong xã hội lúc nào cũng có giàu nghèo trừ phi nhà nước biến mọi người cùng nghèo thì mới bình đẳng như nhau.

Equality = bình đẳng = mọi người đều nghèo

2. Tàu trọng cung. Mỹ trọng cầu.

Mỹ và Tây Âu chú trọng đến mức an sinh trong quần chúng nên trọng cầu. Tàu chú trọng đến tăng trưởng nên trọng cung.

Tàu thúc đẩy tiết kiệm (high-savings rate) nâng cao đầu tư (high-investment model) nhằm bán hàng ra nước ngoài nên gọi là trọng cung. Mỹ mượn nợ để tiêu thụ (consumption) nên gọi là trọng cầu. Vài con số tiêu biểu:

	Hoa Kỳ	Trung Quốc
Đầu tư (%GDP)	21%	44%
Tiết kiệm trong nước (%GDP)	19%	44%
Tiêu thụ tư nhân (%GDP)	69%	38%

Dân Mỹ được khuyến khích ăn xài gấp đôi dân Tàu cho nên tiết kiệm và đầu tư chỉ bằng phân nửa Trung Quốc. Tàu cung Mỹ cầu cho nên Mỹ mua hàng và thiếu nợ Tàu.

Do tiêu thụ chiếm 69% GDP nên trong các thống kê ở Mỹ tâm lý của giới tiêu thụ (consumer sentiments) được xem là quan trọng vì báo hiệu mức tăng trưởng của nền kinh tế, so ra còn quan trọng hơn cả số liệu sản xuất. Giả sử dân chúng lo sợ thất nghiệp hay không dám ra đường vì dịch cúm Tàu thì tâm lý của người tiêu dùng trở nên bi quan khiến dịch vụ mua bán và kinh tế đình trệ. Ngược lại lúc việc làm dễ kiếm và lương bổng tăng nhanh thì tâm lý của giới tiêu thụ lạc quan yêu đời tiêu xài mạnh tay đẩy nhanh tăng trưởng.

Ngược lại ở Trung Quốc các con số về sản xuất chiếm vị trí quan trọng trong dự báo mức độ tăng trưởng. Cho dù đại gia Tàu (và Việt) nay ra ngoại quốc xài tiền bảnh hơn dân Mỹ nhưng nói chung đa số các gia đình Á Đông còn nhớ cảnh nghèo khó 20 năm trước nên cần kiệm nhiều hơn người da trắng. Dân Tàu (và Việt) lại để dành tiền giúp gia đình, lo bệnh hoạn, giáo dục con cái và chuẩn bị tuổi già do mạng lưới an sinh xã hội kém. Mô hình phát triển ở Trung Quốc là giới hạn trợ cấp xã hội nhằm thúc đẩy dân chúng tiết kiệm gửi tiền vào ngân hàng nhà nước với lãi suất thấp, nhà nước sau đó dùng nguồn vốn giá rẻ cho doanh nghiệp vay mượn đầu tư với phân lời hạ. Các công ty nhà nước, tư bản thân hữu và những ngành công nghệ chủ lực được ưu đãi mượn tiền ngân hàng sinh ra thiếu minh bạch, lãng phí rồi dẫn đến khối nợ xấu khổng lồ. Nền kinh tế Trung Quốc (và Việt Nam) theo chính sách trọng cung nên nhỏ giọt (trickle-down economics) từ tư bản đỏ rơi rớt xuống đến quần chúng làm tăng hố sâu giàu nghèo cho dù mang tên Cộng Sản. Dân chúng bất mãn nên Tập Cận Bình thừa cơ dùng chiêu bài “Thịnh Vượng Chung” (Common Prosperity) để tấn công nhằm bẻ gãy ảnh hưởng của các đại tập đoàn như Alibaba và Tencent[61] .

Gặp khủng hoảng kinh tế chính quyền Mỹ kích cầu (khuyến khích tiêu thụ) còn nhà nước Trung Quốc kích cung (khuyến khích sản xuất):

- Gói kích cầu ở Mỹ do nhà nước bội chi để vừa giảm thuế lại tăng ngân sách an sinh xã hội (trợ cấp thất nghiệp, v.v…) nhằm thúc đẩy dân chúng tiêu xài tạo trớn thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư. Kết quả là nợ công của chính quyền trung ương Hoa Kỳ tăng rất nhanh.

- Gói kích cung ở Trung Quốc không dùng ngăn sách trung ương mà bằng cách nới lỏng tín dụng ngân hàng nhằm giúp cho các địa phương và doanh nghiệp dễ dàng vay mượn đầu tư vào hạ tầng, địa ốc và sản xuất hàng hoá bán ra nước ngoài. Đến lúc xuất cảng chậm lại (Âu-Mỹ bớt mua hàng do khủng hoảng kinh tế) thì tín dụng chỉ còn nước bơm vào hạ tầng và nhà đất mà sinh ra những núi nợ khổng lồ do các chính quyền địa phương vay mượn. Kết quả là nợ của các địa phương và doanh nghiệp tăng rất nhanh.

Kinh Tế Dễ Hiểu xin dành các chương kế tiếp bàn sâu hơn về mô hình kinh tế Trung Quốc.

CHƯƠNG 17: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC

Mô hình phát triển của Trung Quốc có thể được tóm tắt như sau: (1) hạn chế tiêu thụ trong nước để thúc đẩy dân chúng tiết kiệm (2) ngân hàng nhà nước thu góp tiết kiệm từ dân chúng với phân lời thấp (3) ngân hàng nhà nước hỗ trợ cho đầu tư bằng cách cho doanh nghiệp vay mượn với lãi suất thấp.

Nếu so sánh cho dễ hiểu thì mô hình này cũng giống kiểu nhà nghèo bớt tiêu xài (hạn chế tiêu thụ) để dành tiền (tăng tiết kiệm) đầu tư cho tương lai (giáo dục con cái, mở cửa hàng buôn bán). Nhưng đến khi đã hết nghèo mà vẫn giữ tính hà tiện không chịu tiêu xài sanh tánh tình tham lam vơ vét của cải hàng xóm (thặng dư mậu dịch với nước ngoài) dù trong nhà đã chứa đầy những lỉnh kỉnh thứ không cần thiết (khu phố không người ở, phi trường không máy bay là kết quả của nợ xấu do đầu tư quá đáng và kém hiệu quả trong nước).

Chính sách của Bắc Kinh đã dẫn đến khối nợ khổng lồ trong nước và tình trạng chênh lệch cán cân mậu dịch giữa Trung Quốc với đa số các nước toàn thế giới. Kinh Tế Dễ Hiểu sẽ lần lượt tìm hiểu về Tiêu Thụ, Tiết Kiệm và Đầu Tư ở Trung Quốc.

1. *TIÊU THỤ TẠI TRUNG QUỐC*

Tuy Trung Quốc đã công nghiệp hóa nhưng tiêu thụ tư nhân trong nước chỉ chiếm 40% GDP tức là rất thấp so với Âu Châu (tiêu thụ 60% GDP) và Hoa Kỳ (tiêu thụ 70% GDP). Bắc Kinh hạn chế tiêu thụ nhằm dùng tiết kiệm trong dân chúng để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư. Trung Quốc trước đây nghèo nên hạn chế tiêu thụ để gây vốn đầu tư. Nhưng nay Trung Quốc hết nghèo mà tiêu thụ vẫn thấp, tức là nước giàu mà dân không giàu, do thành quả phát triển bị nhà nước và các tập đoàn thế lực ăn chặn không cho đến trọn vẹn vào tay dân chúng.

Một lý do khiến dân Tàu (và người châu Á nói chung) ít ăn xài hơn Tây Phương là vì thành phần lớn tuổi ở Trung Quốc vẫn còn bị ám ảnh bởi cảnh nghèo khó cùng cực chỉ mới 30 năm trước đây nên tánh

tình bòn xén (hoarding.)

Bên cạnh đó là chính sách của nhà cầm quyền dùng 3 tầng áp lực để hạn chế mức tiêu thụ của người dân:

(1) chế độ ép lương
(2) mạng lưới an sinh xã hội yếu kém
(3) chính sách thao túng tiền tệ của Bắc Kinh

Công nhân Trung Quốc di cư từ thôn quê ra đô thị làm việc nhưng không được cấp phát hộ khẩu thành phố. Do tình trạng cư ngụ bán chính thức này nên công nhân không được quyền tập hợp hay tham dự công đoàn địa phương đòi tăng lương và cải thiện chế độ làm việc. Cho dù kinh tế tăng trưởng, nhiều hãng xưởng cạnh tranh thuê mướn nhân viên thúc đẩy mức lương và quyền lợi người lao động tại Hoa Lục lên cao nhưng đà tăng lương không tương xứng với nhịp độ tăng năng suất và đà phát triển nhảy vọt của GDP. Thí dụ GDP tăng 10% trong khi lương bổng chỉ tăng 7%, tức là lương không bắt kịp với GDP. Nói cách khác, nước giàu nhưng dân không giàu vì nhà nước và các tập đoàn thế lực ăn xén 3% thành quả lao động của công nhân.

Mức sai biệt giữa tiền lương và đà tăng trưởng GDP bị cắt xén trở thành lợi nhuận gây vốn cho doanh nghiệp và nhà nước dùng tái đầu tư – đúng như Karl Marx phê bình rằng tư bản (dù vàng hay đỏ) ăn chặn giá trị thặng dư lao động để làm giàu trên xương máu công nhân. Nhờ có nhiều vốn đầu tư nên xây cất hạ tầng giúp hảng xưởng mọc lên như nấm, chế độ ép lương tuy tạo công ăn việc làm cho dân Tàu nhưng đồng thời đào sâu khoảng cách giàu nghèo trong xã hội do lợi nhuận bị cắt xén vào tay nhà nước và giới chủ. Hơn thế một khi nền kinh tế Trung Quốc đã trưởng thành như hiện nay khiến nhu cầu đầu tư giảm bớt nhưng vốn vẫn thặng dư tất sinh ra nợ xấu – nhưng đây là câu chuyện ở phần Đầu Tư dưới đây.

Do chính sách một con nên người Tàu sợ đơn lẻ lúc về già phải để dành tiền lo cho tuổi về hưu. Giáo dục và y tế tốt cho các gia đình ở

những đô thị lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải và Thẩm Quyến nhưng lại không bao gồm công nhân không có hộ khẩu thành phố. Mạng lưới an sinh xã hội thiếu sót ở những vùng nông thôn khiến dân chúng phải hạn chế tiêu thụ lúc mới lập gia đình để dành tiền nuôi con và phòng khi bệnh hoạn. Thanh niên phải để dành tiền mua nhà thì mới mong cưới được vợ, khi đã lập gia đình lại tiết kiệm để mua thêm căn nhà thứ 2-3 vì giá địa ốc tăng vọt nên mọi người đua nhau bơm tiền bạc vào bong bóng địa ốc vốn đã căn phòng.

Các quy định lỏng lẻo về môi trường trước năm 2012 thể hiện sự yếu kém của mạng an sinh xã hội. Doanh nghiệp và nhà nước không chi tiêu bảo vệ không khí trong lành và nguồn nước sạch trong khi dân chúng tốn kém do mất ngày làm việc, chữa bệnh ho, suyễn, ung thư...nên sức tiêu thụ giảm sút.

Chính sách thao túng ngoại tệ khiến đồng NDT (Nhân Dân Tệ) mất giá so với USD. Trung Quốc nhập cảng xăng dầu và lương thực bằng USD nên hàng tiêu dùng trở nên đắt đỏ. Sức mua của dân Tàu bị hạn chế nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp khi giá trị đồng NDT bị cắt xén.

2. *TIẾT KIỆM TẠI TRUNG QUỐC*

Tiêu thụ tư nhân tại Trung Quốc chiếm 40% GDP trong khi ở các nước phát triển là 60% GDP còn Hoa Kỳ 70% GDP. Chênh lệch trong tiêu thụ dẫn đến thặng dư tiết kiệm (excess savings) ở Hoa Lục so với Tây Phương.

Dân Tàu không có nhiều chọn lựa đầu tư nên đa số bỏ tiền vào trương mục tiết kiệm tại ngân hàng với lãi suất thấp do nhà nước quy định. Thí dụ GDP tăng 7% nhưng tiết kiệm ngân hàng thấp chỉ 3%. Muốn lời nhiều phải đầu tư vào chứng khoán nhưng thị trường tài chính ở Trung Quốc thiếu minh bạch nên mua bán trên sàn cũng giống như đánh bài cào, thỉnh thoảng ăn lớn nhưng thường là thua to[62]. Kết quả người Tàu để dành tiền phần lớn vào trương mục tiết kiệm để lo cho gia đình và với mục tiêu mua nhà vì thị trường địa ốc

cứ tăng đều đặn trong vòng 30 năm nay (cho dù có những giai đoạn vấp ngã như năm 2014.)

Các ngân hàng nhà nước thu vào tiết kiệm rẻ sau đó cho địa phương, những công ty quốc doanh, tập đoàn thân hữu và các ngành công nghiệp mũi nhọn vay theo phân lời thấp. Nói cách khác, nhà nước đè nén tài chính tư nhân (financial repression) để thu mua tiết kiệm từ dân chúng với giá rẻ nhằm tài trợ cho doanh nghiệp và các mục tiêu tăng trưởng do Bắc Kinh đề ra, theo kiểu lấy tiền nhà nghèo nuôi nhà giàu.

Vì tiết kiệm liên quan đến góp vốn nên xin bàn thêm về phương thức gây vốn ở các địa phương. Bắc Kinh tuy đề ra chỉ tiêu tăng trưởng GDP cho cả nước nhưng lại không dùng ngân sách từ trung ương chia ra cho các địa phương thực hiện mục tiêu này. Bù lại các địa phương được rộng quyền gây vốn (nhưng không được tùy tiện tăng thuế.) Giữa các địa phương lại được khuyến khích tranh đua: nơi nào vượt chỉ tiêu tăng trưởng sẽ giữ lại nhiều lợi tức trong khi hàng ngũ cán bộ đảng viên được thăng quan tiến chức.

Rút tỉa bài học tư bản nước ngoài tháo vốn bỏ chạy khỏi Thái Lan và vùng Đông-Á năm 1998 nên Bắc Kinh quy định thêm là các địa phương không được mượn vốn nước ngoài. Bù lại các địa phương được quyền ấn hành tín dụng qua hệ thống ngân hàng địa phương, và được bán quyền sử dụng đất đai. Hai đặc quyền này là chìa khóa kho vàng để các lãnh chúa địa phương thò tay bóc hốt.

Tổng hợp các chính sách nói trên trở thành một cỗ máy tăng trưởng. Các địa phương trưng dụng đất đai “của toàn dân” sau đó bán quyền sử dụng đất cho các tập đoàn thân hữu với giá rẻ. Ngân hàng địa phương thu hút tiết kiệm với lãi suất thấp để rồi ấn hành tín dụng cho các công ty quốc doanh, tập đoàn thân hữu và những ngành công nghiệp mũi nhọn vay mượn. Các công ty quốc doanh xây cất phi trường, xa lộ…trong khi tập đoàn lợi ích mua quyền sử dụng đất và vay vốn với giá rẻ để xây cất khu đô thị, khu công nghiệp, khu nhà ở v.v… Sau đó những tập đoàn lợi ích lại cầm cố tài sản để vay mượn

tín dụng mới từ các ngân hàng địa phương. Dân chúng đổ xô mua nhà vì giá địa ốc tăng, khiến tài sản cầm cố thêm giá trị để mượn vào nợ mới. Vòng xoáy vay nợ cấn nợ để vay nợ mới dựa trên quyền lực vô tận của các lãnh chúa địa phương nên rất hữu hiệu để làm giàu đồng thời sinh ra lạm dụng.

3. *ĐẦU TƯ VÀ VỐN Ở TRUNG QUỐC*

Tiếp tục bàn về đầu tư, Trung Quốc có 2 dòng vốn: vốn FDI đầu tư trực tiếp từ nước ngoài để xây cất hãng xưởng, và dòng vốn tiết kiệm trong nước.

Dòng vốn FDI kém lưu động (một nhà máy đã được xây cất không dễ di dời) trong khi dòng vốn lưu động được dùng để cho vay nợ, mua bán nợ hay mua bán chứng khoán. Trận đại khủng hoảng tài chính Đông Á năm 1998 khởi đầu do tài phiệt quốc tế ồ ạt rút dòng vốn lưu động bằng cách bán nợ và chứng khoán, đổi ra USD để mang tiền rút khỏi Thái Lan khiến đồng Baht thủng đáy. Sau đó các đồng tiền Phi Luật Tân, Nam Dương, Nam Hàn…bị lần lượt tấn công khiến những nền kinh tế này ngã nhau dẫn đến xáo trộn nhiều chính trị và xã hội.

Bắc Kinh rút tỉa kinh nghiệm này (nhất là bài học của các chính quyền độc tài ở Đài Loan, Nam Hàn, Phi và Nam Dương bị lật đổ) nên chỉ khuyến khích vốn FDI (không lưu động) bằng cách chiêu dụ tư bản Tây Phương xây cất nhà máy để thâm nhập vào thị trường khổng lồ của Trung Quốc. Ngược lại dòng vốn lưu động dựa vào tiết kiệm trong nước để tránh tình trạng tư bản quốc tế tháo vốn như tại Thái Lan năm 1998.

Trong một thị trường tài chính mở cửa (financial liberalization) thì việc cho vay, mua bán nợ và mua bán chứng khoán đều được tự do trao đổi trên sàn giao dịch giữa các tư nhân trong và ngoài nước. Trái lại dòng vốn từ tiết kiệm ở Trung Quốc không được tự do lưu thông mà bị Bắc Kinh kiểm soát chặt chẽ. Chẳng những Bắc Kinh quy định lãi suất thấp khi dân chúng gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng, mà dòng

vốn còn được ngân hàng nhà nước ưu tiên cung cấp cho các công ty quốc doanh và những tập đoàn lợi ích vay mượn với giá rẻ. Như vậy nhà nước (thay vì thị trường) quyết định lãi suất và lựa chọn đầu tư.

Đầu tư nếu xét cho cùng chỉ nhằm 3 mục tiêu: sản xuất hàng hóa bán trong nước (tiêu thụ nội địa), bán hàng ra nước ngoài (xuất cảng) và đầu tư xây cất hạ tầng (giáo dục, y tế, đô thị, giao thông, Internet, v.v…) Do tiêu thụ nội địa bị kìm hãm ở mức 40% GDP (so với 60% ở Tây Phương và 70% bên Mỹ) nên thặng dư đầu tư bắt buộc phải đổ vào xuất cảng hay xây cất hạ tầng.

Trước năm 2008 Trung Quốc khởi đầu từ một nước chậm tiến nên cần rất nhiều các khoảng đầu tư xây cất đô thị, xa lộ, phi trường, khu công nghiệp…Nhờ mở cửa thu hút FDI từ nước ngoài, lương nhân công rẻ, hạ tầng được xây mới cùng các quy định dễ dãi về môi trường nên Trung Quốc thu hút nhiều công ty Âu-Mỹ-Nhật-Hàn-Đài Loan xây cất hãng xưởng, tạo ra công ăn việc làm để trở thành công xưởng sản xuất hàng hóa ra thế giới. Nói cách khác những khoảng đầu tư dùng tiền tiết kiệm trong nước đem lại lợi ích tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn đầu 1980-2008. Cho dù vốn thất thoát thành nợ xấu cũng được khỏa lấp bởi thặng dư mậu dịch và đà tăng trưởng kinh tế (tỷ lệ nợ xấu teo lại so với GDP phình to).

Đến năm 2008 cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính ở Hoa Kỳ và sau đó là Khủng Hoảng Euro bên Âu Châu khiến nhu cầu nhập cảng hàng hóa từ Trung Quốc giảm mạnh. Dù vậy Bắc Kinh không hạ thấp mục tiêu tăng trưởng GDP mà tung ra gói kích cung khổng lồ 13% GDP. Gọi là kích cung vì không nhằm tăng mức tiêu thụ trong nước để bù đắp cho khoảng trống tiêu thụ ở nước ngoài. Cho nên đầu tư kích cung nhưng tiêu thụ nội địa không tăng trong khi xuất cảng giảm nên tiền chỉ còn một con đường duy nhất chạy vào xây cất hạ tầng.

Nhưng đến năm 2008 nền kinh tế của Trung Quốc đã trưởng thành. Nhu cầu hạ tầng giảm dần vì các khu đô thị, xa lộ, phi trường, xe lửa cao tốc đã mọc lên như nấm. Dân số già đi khiến nhu cầu xây cất cũng giảm xuống. Cho nên một phần lớn các khoảng kích cung rơi

vào đầu tư không hiệu quả, hay là nợ xấu do xây cất khu nhà không người ở, khu thương xá không người mua, các phi trường không khách đến. Đầu tư vào nhà đất trở thành đầu cơ địa ốc.

Một yếu tố khác là khoảng kích cung 586 triệu USD năm 2008 không phải là tiền mặt do Bắc Kinh chia cho các địa phương mà chỉ là tín dụng trung ương cho phép địa phương phát hành để đầu tư. Được thoải mái ấn hành tín dụng nên cổ máy tăng trưởng của các địa phương chạy hết ga cho dù cho vay đầu tư kém hiệu quả. Đến năm 2012 Bắc Kinh nhận thấy quá nhiều nợ xấu nên hạ lệnh các ngân hàng địa phương cắt giảm tín dụng (dù không hạ thấp chỉ tiêu tăng trưởng GDP!) Những khu nhà dù không người ở hay các thương xá vắng người qua lại nhưng đang xây cất không thể bỏ dở nửa chừng, nên các địa phương "sáng kiến" cho những ngân hàng địa phương ấn hành sản phẩm làm giàu (WMP – Wealth Management Product) với phân lời cao để thu hút tiền tiết kiệm từ dân chúng. Tiền gửi vào WMP được dùng để tiếp tục cho vay xây cất hạ tầng và tăng trưởng kinh tế tại địa phương cho vượt chỉ tiêu GDP.

Do Ngân Hàng Trung Ương lúc ban đầu chỉ thanh tra nợ xấu trong các khoản tín dụng cho vay từ quỹ tiết kiệm của dân chúng, nên những khoảng tín dụng cho vay từ WMP không bị kiểm soát. Các WMP tuy phân lời cao nhưng ngắn hạn, tức là địa phương cứ phải ấn hành WMP (nợ mới) để trả nợ cũ.

Từ năm 2012-2016 nợ mới cứ bồi vào nợ cũ khiến Ngân Hàng Trung Ương hoảng sợ bắt đầu kiểm soát WMP. Bắc Kinh lại quyết định cho một vài công ty đầu tư và WMP phá sản để trừng phạt giới đầu tư. Tin xấu lan nhanh khiến thị trường tài chính và địa ốc hỗn loạn làm chảy máu ngoại tệ mất 1000 tỷ USD[63].

Bắc Kinh hoảng hốt siết chặt không cho tiền chạy ra nước ngoài, mặc khác lại ra lệnh ngân hàng trung ương tài trợ các khoảng nợ xấu để không cho WMP và các địa phương phá sản. Nói cách khác, Tập Cận Bình lạnh cẳng (cold feet) thay vì trừng phạt nợ xấu lại phải thối lui bao che các lãnh chúa địa phương để tránh xáo trộn chính trị. Từ đó

cho đến nay Ngân Hàng Trung Ương dù tiếp tục kiểm soát các ngân hàng địa phương và WMP nhưng nợ đã lên đến 300% GDP.

Năm 2014 các khu phố không người ở mọc ra như nấm nên Bắc Kinh phải chi tiền tài trợ cho dân cư các khu ổ chuột dọn vào khu phố mới. Giá nhà đất tăng vọt vì giới kinh doanh nhận thấy đây là cơ hội mua nhà giá thấp, cho dù có sinh bong bóng địa ốc nhưng trung ương sẽ cứu vớt để các địa phương và ngành địa ốc không bị sập tiệm. Chương trình tài trợ cho dân nghèo mua nhà chấm dứt vào năm 2018, nhà đất lại bắt đầu xuống giá trong khi các tập đoàn địa ốc ngày thêm ngập nợ.Tập đoàn Evergrande lớn hàng đầu ở Trung Quốc bị đe dọa bị vỡ nợ chính là thử thách lần thứ hai liệu Tập Cận Bình có dám cải tổ hệ thống tài chính hay lại chùn tay cứu vớt ngành địa ốc vì sợ khủng hoảng sẽ kéo theo xáo trộn về chính trị, xã hội và đụng chạm đến các tập đoàn lợi ích.

Dịch cúm Tàu và các gói kích cầu khổng lồ ở Mỹ bất ngờ tiếp hơi cho Bắc Kinh vì hàng Trung Quốc bán không kịp chở sang Hoa Kỳ. Xuất cảng tăng hay là khoảng bơm máu cho Trung Quốc bù đắp phần nào nợ xấu.

Vấn đề của Bắc Kinh là không thể mãi mãi dựa vào xuất cảng và đầu tư hạ tầng để tăng trưởng kinh tế. Xuất cảng chỉ có hạn vì nước ngoài – kẻ cả Hoa Kỳ - không thể nào mãi mãi chịu đựng thâm thủng cán cân thương mại, nhất là trong hoàn cảnh thương chiến Mỹ-Trung và nhu cầu tạo công ăn việc làm cho giới lao động ở Tây Âu. Đầu tư hạ tầng phải chậm lại một khi đô thị, xa lộ, phi trường, xe lửa…đến mức dư thừa, trong khi nạn lão hóa giới hạn nhu cầu xây cất. Bắc Kinh đang đầu tư để cải tiến mạng lưới an sinh xã hội, chế độ hộ khẩu và lương bổng nhưng đây là một tiến trình rất gian nan. Thay đổi trọng tâm kinh tế từ tiết kiệm và đầu tư (tức là có lợi cho những tập đoàn lợi ích) sang tiêu thụ tư nhân (tức là có lợi cho đa số quần chúng) là một quyết định chính trị vô cùng gay go nếu không khéo lèo lái sẽ kéo theo thay đổi thể chế.

Hai sách lược còn lại của Bắc Kinh gồm (1) Vòng Đai Con Đường để

đẩy thặng dư đầu tư ở Trung Quốc ra các nước đang mở mang (bù đắp cho khoảng thiếu hụt bán hàng sang các nước phát triển), và (2) công nghệ xanh để vừa xuất cảng ra nước ngoài lại cải thiện môi trường trong nước.

SÁCH ĐỌC THÊM

1. China: The Bubble that Never Pops (tác giả Thomas Orlik)
2. Cracking the China Conundrum: Why Conventional Economic Wisdom is Wrong (tác giả Yukon Huang)
3. China's Gilded Age: The Paradox of Economic Boom and Vast Corruption (tác giả Yuen Yuen Ang)

CHƯƠNG 18: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC (PHẦN 2)

“Hãy để Trung Hoa ngủ yên bởi vì khi tỉnh giấc nó sẽ làm rung chuyển thế giới.” Đại đế Nã-Phá-Luân tuyên bố câu bất hủ nói trên mà giờ này có giá trị của một lời tiên tri cho dù sự nghiệp chính trị của ông chẳng liên hệ gì nhiều đến Trung Quốc.

Vào tháng 03/1978 có một sự kiện ít được biết đến nhưng bắt đầu lay thức gã khổng lồ Trung Quốc khi hợp tác xã nông nghiệp Phúc Kiến xin phép được giữ lại phần sản xuất vượt chỉ tiêu để tặng thưởng và khuyến khích nông dân hăng hái làm việc. Đây là giai đoạn trước Đổi Mới nên viên thư ký đảng bộ của hợp tác xã bị phê bình kiểm điểm lập trường tiểu tư sản về quyền sở hữu tư nhân. Nhưng chỉ 8 tháng sau đó vào cuối năm 1978 Đặng Tiểu Bình tuyên bố cải tổ và mở cửa nền kinh tế, đề nghị nói trên của hợp tác xã được mang ra thử nghiệm với kết quả sáng chói nên viên thư ký đảng được tưởng thưởng ban khen.

Ba tuyên bố của Đặng Tiểu Bình “Giàu sang là vinh quang”, “Mò đá qua sông” và “Không thể nào mọi người trở nên giàu có trong cùng một lúc” tuy đơn giản nhưng lại trở thành kim chỉ nam cho mô hình phát triển của Trung Quốc kể từ lúc đó:

- Thứ nhất, Bắc Kinh chấp nhận quyền tư hữu (“Giàu sang là vinh quang.”)
- Thứ nhì, Trung Quốc không nhắm mắt du nhập “đồng thuận Washington” nhằm thay đổi toàn bộ cấu trúc kinh tế và chính trị cho giống Tây Phương (như nước Nga dưới thời Yeltsin) mà trái lại Bắc Kinh dò dẫm cải tổ ở từng thí điểm rồi nếu thành công mới đem áp dụng toàn quốc (“Mò đá qua sông.”)
- Sau rốt, họ Đặng không chủ trương phát triển đồng bộ để tạo bình đẳng xã hội theo kiểu Mao và xã hội chủ nghĩa. Thay vào đó Bắc Kinh ưu tiên phát triển các thí điểm ở vùng

ven biển như Thượng Hải và Thẩm Quyến mà sau này trở thành nguyên do cho tình trạng chênh lệch giàu nghèo giữa hai vùng duyên hải và khu vực nội-Trung ("Không thể nào mọi người trở nên giàu có cùng một lúc.")

Nền kinh tế Hoa Lục tập tễnh từ nghèo đói lạc hậu nhưng tăng trưởng nhảy vọt lên hàng thứ nhì trên thế giới chỉ trong vòng 40 năm. Nhiều người phê bình cho rằng Trung Quốc phát triển nhanh chóng chính nhờ vào bắt đầu từ con số không, nhưng nếu so sánh với Ấn Độ, Brazil hay Indonesia cũng vừa chậm tiến lại đông dân thì Trung Quốc đã qua mặt bỏ xa ba nước này. Đáng kinh ngạc hơn nửa là Hoa Lục trong bước ban đầu không có các định chế, luật lệ và tập quán của thị trường tự do mà ngay cả đến thị trường cũng không có (dân chúng không được quyền mua bán cá thể)! Bắc Kinh không vội vã cải tổ để xây dựng mô hình kinh tế toàn hão theo lời cố vấn của các chuyên viên Tây Phương mà trái lại chỉ chấp vá vừa đủ ("good enough") để chuẩn bị cho bước kế tiếp, cho nên trong quá trình phát triển chứa đầy những mâu thuẫn giữa nhà nước độc tài và thị trường bán tự do, giữa hố sâu giàu nghèo tăng vọt, tình trạng phá hủy môi trường, hối mại quyền thế… Nhà nước chuyên quyền và tham nhũng tuy không bóp chết tính năng động cạnh tranh của thị trường nhưng cứ mỗi vài năm lại xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong nền móng kinh tế[64] . Mỗi lần như vậy nhiều nhà quan sát lại cho rằng đây chính là thời điểm khởi đầu cho sụp đổ của chế độ và nền kinh tế Trung Quốc nhưng họ đều sai[65] ! Tất nhiên nếu tiếp tục bói mò kiểu "Anh sẽ chết" tất phải có ngày đúng vì nền kinh tế nào rồi cũng sẽ sụp đổ, nhà nước nào cũng sẽ suy tàn, nhưng một trong những vấn đề quan trọng nhất của thế kỷ 21 rằng liệu GDP của Trung Quốc có sẽ qua mặt Hoa Kỳ trong thập niên 2030 để trở thành nền kinh tế lớn nhất hoàn cầu hay không thì câu trả lời giờ này vẫn chưa dứt khoát 50/50 với phần thắng hơi nghiêng về Trung Quốc.

Một trong những lý do khiến Trung Quốc phát triển nhảy vọt vì Bắc Kinh chú tâm tuyệt đối vào tăng trưởng GDP[66] – so với Hoa Kỳ bị chi phối đa đoan trong vai trò siêu cường toàn cầu và cuộc chiến chống

Hồi Giáo cực đoan còn Âu Châu đặt nặng lối sống hài hòa hạnh phúc (work-life balance và savoir-vivre) hơn là phát triển kinh tế. Ở Hoa Lục mỗi địa phương, đảng viên hay cán bộ nhà nước bị đánh giá dựa trên thành tích tăng trưởng rồi sau đó vừa thăng quan tiến chức lại được giữ lại phần trăm lợi nhuận. Nhà nước Trung Quốc tuy mang tiếng xã hội chủ nghĩa nhưng tổ chức gần giống như tập đoàn kinh doanh Mcdonald's của Mỹ: Ban Giám Đốc Điều Hành (so sánh với Trung Ương Đảng) đề ra chỉ tiêu và công thức tăng trưởng chung; mỗi Franchise (các công ty con, so sánh với những Địa Phương) được nhiều quyền hạn rộng rãi phát huy sáng kiến quảng cáo thương vụ trong địa phận của mình miễn là không được vi phạm thoát ra ngoài mẫu mực của thương hiệu (thương hiệu xã hội chủ nghĩa theo màu sắc Trung Quốc). Mỗi Địa Phương nộp X% doanh thu cho Trung Ương và giữ phần lợi nhuận còn lại, lời nhiều hưởng nhiều lời ít hưởng ít.

Tuy nhiên chính vì tập trung chú trọng vào tăng trưởng GDP nên nhiều vấn đề tồn đọng trong kinh tế và xã hội không được quan tâm đúng mức khiến phát triển không bền vững, khoảng cách giàu nghèo tăng vọt, môi trường bị hủy hoại và sự bùng phát của nạn tham nhũng hối lộ tràn lan trong xã hội.

Khi họ Đặng tuyên bố “Không thể nào mọi người cùng giàu một lúc” sau đó cho thành hình những đặc khu kinh tế vùng ven biển đã mặc tình chấp nhận giàu nghèo sai biệt giữa miền duyên hải (400 triệu người Hoa) và đất đai nằm sâu trong nội địa (800 triệu còn lại.) Chính sách của Đặng Tiểu Bình đi ngược lại với Mao Trạch Đông vì họ Mao chủ trương bần cùng hóa đồng bộ bằng cách đưa dân chúng thành phố vào các hợp tác xã nông thôn để bình đẳng nghèo khổ như nhau (họ Mao đồng thời chuẩn bị kế hoạch phòng thủ chiều sâu lấy nông thôn làm hậu cần trong trường hợp Trung Quốc bị Nga hay Mỹ tấn công vào các đô thị lớn.)

Tiếp theo cuộc thí nghiệm thành công của hợp tác xã nông nghiệp Phúc Kiến nói trên Bắc Kinh khuyến khích phát triển bằng cách tưởng thưởng các địa phương tăng trưởng vượt chỉ tiêu giữ lại nhiều lợi ích

kinh tế trong phạm vi khu vực, còn cán bộ lãnh đạo được thăng quan tiến chức. Trong khoảng thời gian 1978-2004 Hoa Lục còn là một nước đang phát triển nên Bắc Kinh không có ngân sách trung ương dồi dào để phân phối cho các địa phương thực hiện kế hoạch phát triển. Bù lại mỗi địa phương được rộng quyền phát huy sáng kiến (trong khuôn khổ chính trị mà Bắc Kinh cho phép) và thụ hưởng nhiều quyền hạn to lớn như trưng thu đất đai "của toàn dân" để rồi bán lại quyền sử dụng đất. Các địa phương được phép ban hành tín dụng qua hệ thống ngân hàng địa phương để thúc đẩy đầu tư. Nhiều tập đoàn thân hữu (1) mua quyền sử dụng đất đai (2) mượn vốn đầu tư từ các ngân hàng địa phương với giá rẻ (3) sau đó bán những khu gia cư chưa xây cho dân chúng (4) dùng tiền mua nhà của dân chúng để tái đầu tư vào các khu địa ốc mới. Cho nên đất đai trở thành nguồn lợi chính còn tín dụng tức là đầu cầu tăng trưởng của các địa phương, cả hai lại là chìa khóa mỏ vàng mà những lãnh chúa địa phương và cùng tập đoàn thế lực sau này năng nổ tìm đủ mọi sáng kiến khai thác.

Trong những năm đầu sau khi mở cửa kinh tế nông thôn phát triển nhanh hơn thành phố. Lý do các hợp tác xã nông nghiệp có thể nhanh chóng tăng gia sản xuất lúa gạo trong khi thành phố không đủ người có vốn lẫn kiến thức đầu tư sau hơn 30 năm sống dưới chế độ cộng sản. Dân chúng và cán bộ đều hoang mang chưa biết khuôn khổ Đổi Mới rộng hẹp thế nào để tránh vi phạm đường lối đảng, thí dụ không ai rõ giá cả sẽ do nhà nước hay thị trường quyết định, sở hữu nhà nước hay tư nhân nhiều ít đến mức nào…

Nhưng ngay sau đó số dân cư Thượng Hải và những vùng ven biển vừa mang dòng máu làm ăn lại được thêm một lợi thế mà nông thôn không thể có tức các quan hệ bà con họ hàng với Hồng Kông – Đài Loan – Mã Lai – Singapore[67] . Những vùng duyên hải tranh nhau mời mọc Hoa Kiều về nước đầu tư qua các đường dây quen biết thân thuộc thay vì dựa vào các văn phòng nhà nước về Phát Triển và Đầu Tư kiểu Nam Hàn và Đài Loan - bởi vì lúc đó ở Trung Quốc không có tầng lớp cán bộ hay kế hoạch đầu tư nào thay thế được những mối liên hệ họ hàng quen biết nói trên[68] . Từ đó nảy sinh truyền thống

cạnh tranh mà sau này giúp cho thành phần cán bộ trung cấp cùng với giới tư nhân năng động đầy sáng kiến cho dù phải sống trong mô hình chuyên chế độc đảng. Bù lại nạn tham nhũng, hối lộ, bè phái, bôi trơn bùng phát bởi vì đầu tư ngay từ lúc ban đầu đã không được quy hoạch bởi một tầng lớp chuyên viên kinh tế độc lập và khách quan.

Khoảng năm 1993 có 3 thay đổi quan trọng và liên hệ chặt chẽ với nhau: (1) cho phép quyền sở hữu tư nhân, (2) tư hữu hóa một số doanh nghiệp nhà nước và (2) thu hút đầu tư Tây Phương:

- Công ty Âu-Mỹ-Nhật chỉ bỏ vốn khi quyền tư hữu được bảo đảm
- Doanh nghiệp nhà nước được tư hữu hóa ưu tiên bán cho các phe cánh thân hữu gồm cựu viên chức nhà nước “nhảy rào” làm ăn
- Những đặc khu kinh tế vùng ven biển được tư bản Âu-Mỹ-Nhật trợ giúp huấn luyện và đào tạo cho ra đời các luật thương mại, luật về quyền tư hữu cùng các định chế đầu tư.

Dân cư vùng duyên hải làm ăn với nước ngoài trở nên giàu có, xuất ngoại thường xuyên và cho con cái du học nên am hiểu quyền lợi và luật pháp để không còn bị bắt nạt như người sống dưới quê. Kết quả là cho đến ngày hôm nay Trung Quốc chia ra thành 2 khu vực khác nhau cả về kinh tế lẫn luật pháp:

1. Khu vực giàu (ven biển) và khu vực nghèo (nội địa)
2. Khu vực luật pháp tương đối được tôn trọng (ven biển) so với khu luật rừng (nội địa)[69]

Khoảng cách giữa 2 khu vực được ước đoán chênh lệch 20-30 năm[70]
.

Một trường hợp điển hình là nạn quấy nhiễu (harassment) và tham nhũng vặt (petty corruption) giảm dần ở ven biển trong khi vẫn thịnh hành trong đất liền. Bắc Kinh quy định mức lương thấp tương đối đồng đều cho công nhân viên quan chức trên toàn quốc để tránh bị xem phân biệt đối xử. Lương ít không đủ sống ở Thẩm Quyến, Thượng Hải nên trước đây cán bộ nhà nước bắt buộc phải tham nhũng hối lộ rồi ăn chia. Đến khi kinh tế tăng trưởng, viên chức cấp nhỏ không còn dám hù dọa các tập đoàn thế lực và doanh nghiệp cỡ lớn trong khi dân chúng cũng hiểu biết luật lệ để sừng sỏ gây lại. Vùng duyên hải được giữ lại phần tăng trưởng vượt chỉ tiêu nên chia bổng lộc (bonus) ra cho cán bộ nhân viên trong khu vực. Tăng trưởng càng cao thì phần thưởng càng nhiều, bù lại cán bộ nhà nước bỏ thói tham nhũng vặt và quấy nhiễu doanh nghiệp thay vào đó hợp tác với doanh nghiệp tạo cơ hội tăng trưởng càng nhanh thì bổng lộc càng lớn. Cho nên cán bộ địa phương thay vì "điều hướng doanh nghiệp" (theo mô hình xã hội chủ nghĩa) trở thành "phục vụ doanh nghiệp" rồi sinh ra "cấu kết với doanh nghiệp" bằng cách cấp phát đất đai với giá rẻ, đàn áp công nhân đòi tăng quyền lợi và che dấu các vi phạm môi trường. Bù lại ở các vùng nội địa vì tăng trưởng chậm, doanh thu thấp còn chưa thoát khỏi các tệ trạng quấy nhiễu và tham nhũng vặt.

Bốn vấn đề mới lại nảy sinh ra ở vùng duyên hải. Thứ nhất, tăng trưởng càng nhanh thì địa phương càng nhiều lợi tức để tưởng thưởng những cơ quan và cán bộ đạt thành tích cao. Loại cán bộ thư viện chẳng thể nào mang về thu hoạch vẻ vang bằng cán bộ thuế vụ hay phát triển đô thị, cho nên cùng trong cùng một ngạn ngạch mà công nhân viên chức giàu nghèo khác nhau một trời một vực!

Thứ hai là thành tích dựa trên kết quả tức thời thấy được như con số tăng trưởng. Bù lại những vấn đề về an sinh xã hội hay môi trường chỉ chi mà không thu nên bị lãng quên cho đến khi tình trạng trở nên tệ hại đến mức dân chúng rầm rộ biểu tình phản đối. Trong những năm gần đây cán bộ nhà nước than phiền bị đánh giá trên quá nhiều hạn mục bao gồm tăng trưởng, môi trường, an sinh xã hội, không có tụ tập biểu tình trong khu vực v.v…Cho dù nhiều hạn mục liệt kê bị xem là "hình thức" nhưng các phe cánh dựa vào những phụ mục nói trên để

“quật” lẫn nhau khi tranh chấp quyền lực.

Thứ ba là đầu tư nước ngoài vào thập niên 1980 dựa vào quan hệ thân hữu nhưng đến năm 2000 các vùng duyên hải trở nên giàu đâm ra chỉ chọn lọc đầu tư cỡ lớn. Các tập đoàn chiến lược, nhiều doanh thu hay nhiều thế lực được ưu đãi nhằm loại bỏ những công ty nhỏ để chiếm đoạt thị trường và đất đai. Nhưng cũng chính từ quá trình gạn lọc này giúp hình thành một đội ngũ chuyên viên kinh tế chuyên nghiệp theo mô hình của các Văn Phòng Phát Triển và Đầu Tư kiểu Nam Hàn và Đài Loan để quản lý đầu tư một các có hệ thống và bền vững (đồng thời tham nhũng có tổ chức thay vì tham nhũng vặt.)

Thứ tư là trong khi nạn tham nhũng vặt (petty theft) và bôi trơn (grease money) giảm ở vùng duyên hải thì ngược lại tham nhũng gộc (grand corruption) và tham nhũng cấu kết (access money) trở nên thịnh hành nhằm tranh đoạt các thị trường địa ốc hay những khoảng thầu trị giá hàng chục hay trăm tỷ đô-la. Từ năm 2000 là lúc mà các thái tử đỏ và những ông hoàng đỏ (red barons) như Bạc Hy Lai (Ủy Viên Trung Ương Đảng), Chu Vĩnh Khang (Bộ Trưởng Bộ Công An) Lưu Chí Quân (Bộ Trưởng Bộ Đường Sắt) trở nên nổi tiếng như cồn mà sau này bị Tập Cận Bình triệt hạ.

Tác giả Yuen Yuen Ang so sánh tình trạng tham nhũng cấu kết hiện thời tại Trung Quốc với Thời Đại Vàng Mã (Gilded Age) ở Mỹ vào cuối thế kỷ thứ 19. Đây là giai đoạn mà nền kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng vượt bực cùng lúc với hố sâu giàu nghèo và bất công xã hội, lại cũng là lúc nổi lên các ông Vua Dầu Hỏa (Rockefeller), Vua Ngân Hàng (J.P. Morgan), Vua Đường Sắt (Stanford) nhiều tiền bạc cấu kết với các thế lực chính trị để tranh đoạt đất đai và các khoảng thầu đầu tư cực kỳ lớn…Thời Đại Vàng Mã ở Mỹ được tiếp nối bởi Giai Đoạn Cấp Tiến (Progressive Era) nhờ vào tự do báo chí vạch trần các tệ nạn xã hội để thúc đẩy cải tổ về luật lao động và thương mại chống độc quyền. Ngược lại Thời Đại Vàng Mã hiện thời ở Trung Quốc đi theo con đường ngược lại là kiểm duyệt ngôn luận nhằm tập trung quyền hành để Đảng Cộng Sản (tức là Tập Cận Bình) chỉ đạo giải quyết hố sâu giàu nghèo, triệt hạ những siêu đại công ty nhiều thế lực (như

Alibaba và TenCent) và lành mạnh hóa thị trường đầu tư (Evergrande) – nhưng đây là đề tài của chương kế tiếp.

Trở lại với khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng duyên hải và trong đất liền, năm 2004 là lúc mà Bắc Kinh có một ngân sách dồi dào (so với 1980-2000 ngân sách trung ương còn ít) để thực hiện kế hoạch đầu tư quốc gia bằng cách chi tiêu xây cất xa lộ, đường xe hỏa và phi trường nối liền nội địa và ven biển. Năm 1980 vùng duyên hải mời mọc Hoa Kiều hải ngoại về nước làm ăn nhưng cho đến năm 2004 chính các tài phiệt Trung Quốc lại nhiều tiền của đầu tư khai thác đất đai và nhân công giá rẻ trong đất liền.

Từ bài học đất đai trở thành mỏ vàng ở vùng duyên hải trong những năm 1980-2000 nên các tập đoàn thế lực, đại gia và dân cư nhiều vốn ở ven biển tranh nhau đầu cơ địa ốc trong nội địa để bơm giá đất "bốc" lên. Nhiều công ty và kế hoạch "ma" được hình thành chỉ nhằm được nhà cầm quyền địa phương cung cấp đất đai giá rẻ trong đất liền. Cộng thêm khối kích cầu năm 2008 giúp các địa phương bơm tín dụng hỗ trợ xây cất hạ tầng – hay đúng hơn là tín dụng bơm lên bong bóng địa ốc - khiến nợ tăng lên 300% GDP mà phần lớn dính líu vào các vụ làm ăn đất đai với điển hình là khủng hoảng của tập đoàn địa ốc Evergrande trong năm 2021.

Chương kế tiếp sẽ tìm hiểu về mô hình kinh tế Trung Quốc trong năm 2021 – dưới thời đại Tập Cận Bình.

CHƯƠNG 19: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC SINH RA NỢ (PHẦN 3)

Việc công ty địa ốc Evergrande lớn nhất ở Trung Quốc – và cũng là công ty với con số nợ khổng lồ lên đến 350 tỷ USD – nguy cơ quỵt nợ vào năm 2021 khiến nhiều người đặt câu hỏi liệu đây có sẽ là hồi chuông báo nguy tương tự đại ngân hàng Lehman Brothers phá sản khởi đầu cho cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2008 ở Mỹ? Sang đến đầu năm 2023 việc này vẫn chưa xảy ra, và chương này sẽ phân tích bằng cách nào Bắc Kinh trong suốt 40 năm nay đã lèo lái nền kinh tế trải nhiều thách thức gay go mà vẫn ngăn chặn được không cho sụp đổ.

Trước hết nói về thị trường địa ốc ở Trung Quốc hiện chiến 25-30% GDP – so với 9% GDP ở Mỹ vào năm 2006 tức là lúc cao điểm trước cuộc khủng hoảng địa ốc 2007-08. Nhà đất chiếm 80% tài sản của dân Tàu (so với 40% ở Mỹ). Người Hoa không có nhiều cơ hội đầu tư vào cổ phiếu hay trái phiếu như ở Hoa Kỳ nên để dành tiền mua nhà vì cho đây là con đường làm giàu an toàn nhất sau khi giá nhà tăng liên tục từ 30 năm nay (mặc dù có những giai đoạn ngắn giá cả khựng lại như vào năm 2014, nhưng mỗi lần nhà xuống giá lại là cơ hội để mua cho đến khi nhà lên giá trở lại.)

Ngành địa ốc ở Trung Quốc nếu suy sụp trong một khoảng thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến GDP và dân chúng vốn dựa vào giá nhà như khoảng đầu tư lớn nhất trong đời chuẩn bị cho cưới hỏi, hưu trí hay gia tài để lại con cháu[71] . Cho nên Bắc Kinh vô cùng thận trọng quản lý khủng hoảng địa ốc không cho nổ bùng tạo thành công phẫn xã hội như trường hợp ở Mỹ năm 2007 vốn dẫn đến hai trào lưu dân túy theo Donald Trump và Bernie Sander vào năm 2016 và 2020.

Khủng hoảng kinh tế nguy hiểm ở chỗ từ một đốm lửa nhỏ trong chớp mắt lây lan thành trận cháy rừng, lý do nơi tâm lý hốt hoảng của quần chúng và giới đầu tư mạnh ai nấy ôm đầu máu tháo chạy! Kinh nghiệm Bắc Kinh chận đứng dịch bệnh từ thành phố Vũ-Hán năm 2020, cùng với bài học ngăn chặn khủng hoảng tài chính ở Trung

Quốc năm 2016, cho thấy không một nhà cầm quyền nào trên thế giới có đủ uy quyền hà khắc nhưng hữu hiệu tột cùng như đảng Cộng Sản Trung Hoa nhằm giết chết từ trong trứng nước một cuộc khủng hoảng trước khi lây lan – cho dù là khủng hoảng y tế, kinh tế hay là chính trị[72] .

Năm 2016 Bắc Kinh chân đứng thất thoát ngoại tệ bằng cách giới hạn con số USD mang ra nước ngoài. Trung Quốc áp dụng những biện pháp chưa từng thấy như đóng cửa sàn chứng khoán trong 3 ngày (thay vì vài giờ như ở Mỹ) để ngăn chận giá cả không sụp đổ. Tất cả mọi thông tin xấu đều bị kiểm duyệt, bưng bít và nghiêm trị. Tâm lý quần chúng hoang mang đồn đoán xôn xao nhưng tin dữ không lan truyền tạo ra hỗn loạn. Bắc Kinh nhờ vậy có thêm vài ngày để chuyển nợ xấu về Trung Ương (dưới dạng các công ty xử lý nợ xấu) nhằm trấn an dân chúng không sợ bị mất tiền và ổn định thị trường.

Vào tháng 11/2022 để giới hạn khủng hoảng địa ốc Bắc Kinh cho phép các ngân hàng địa phương nới lỏng tín dụng cho các công ty địa ốc vay để hoàn thành các công trình xây cất dang dở, qua đó trấn an người dân đã chồng tiền mua nhà không sợ bị mất cả chì lẫn chài.

Nợ xấu không biến mất, nhưng khi chuyển về Trung Ương thì nhà nước có thể in tiền NDT để trả nợ trong nước, hay dùng quỹ dự trữ ngoại tệ để trả nợ USD nước ngoài. Đa số nợ trong nước tập trung vào các tập đoàn địa ốc và công ty quốc doanh ở địa phương (so với khủng hoảng ở Mỹ từ nợ tư nhân) nên việc chuyển nợ xấu tương đối nhanh chóng và hiệu quả. Nợ xấu nhờ đó bị cô lập mà không lây lan.

Bắc Kinh dùng nhiều biện pháp để thanh toán nợ xấu trong nước nhưng đơn giản nhất vẫn là in thêm một ít NDT để trả tiền lời (interest) hàng năm, còn nợ gốc (principal) tự nhiên teo dần theo đà tăng trưởng GDP. In tiền nên tiền mất giá khiến người dân mất sức mua, nhưng lạm phát chia ra đồng đều trên mỗi đầu người nên không phải là gánh nặng cho riêng ai. Riêng các địa phương và tập đoàn lợi ích gây ra nợ xấu sẽ bị ém nhẹm rồi thanh trừng theo vây cánh.

Bắc Kinh lợi dụng vụ Evergrande bùng nổ để làm lộ rõ nhiều manh mối tiền bạc và thế lực ở các địa phương mà chính Trung Ương cũng không biết. Nhưng nếu khủng hoảng trở thành nghiêm trọng và lây lan thì Bắc Kinh sẽ mạnh tay cô lập như vào dịp khủng hoảng tài chính 2016 hay khủng hoảng dịch bệnh Vũ Hán 2020.

***

Tóm lại Bắc Kinh ngăn chận khủng hoảng bằng các biện pháp sau đây:

1. Cấp Thời:
    - ngăn chặn chuyển tiền ra nước ngoài
    - đóng cửa sàn giao dịch (nếu cần Bắc Kinh có thể cấm mua bán nhà trong 3 tháng để ổn định thị trường!)
    - bưng bít thông tin

2. Trung Hạn:
    - chuyển nợ xấu về Trung Ương[73]
    - trừng phạt riêng lẻ từng ngân hàng địa phương. Thí dụ trên sổ sách của một ngân hàng địa phương có nhiều nợ xấu thì riêng ngân hàng này phải chịu phân lời cao khi mượn tiền ngân hàng trung ương.
    - cho phép các ngân hàng địa phương nới lỏng tín dụng để cho các công ty địa ốc vay mượn không bị kẹt vốn

Bản hàng năm đánh giá thành tích cán bộ giờ đây có thêm hạng mục nợ xấu nhiều hay ít trong địa phương, cho dù là nợ từ các ngân hàng địa phương hay nợ không qua hệ thống ngân hàng (shadow banking[74] .)

***

Câu hỏi đặt ra là tại sao Trung Quốc chỉ thanh toán nợ xấu Cấp Thời và Trung Hạn mà không thể giải quyết tận gốc Dài Hạn?

Cách nhìn dễ hiểu nhất là dùng thí dụ Trung Quốc đặt ra chi tiêu tăng trưởng 7% GDP[75]. Giả sử tăng trưởng thật chỉ 4% thì 3% GDP còn lại lấy đâu ra?

1. Thứ nhất là báo cáo láo 1.5% GDP.

2. Thứ hai là địa phương dùng hệ thống ngân hàng địa phương bơm tín dụng cho tăng trưởng giả 1.5% GDP (tức là đầu tư không hiệu quả hay nợ xấu.) Bơm tiền vào địa ốc ăn vừa nhanh lại ngon nhất là khi các địa phương có quyền sử dụng đất đai "của toàn dân" cung cấp cho những công ty quốc doanh và tập đoàn thế lực cầm cố cho ngân hàng để thành tín dụng.

3. Nhưng câu chuyện chưa kết thúc vì phải trừ thêm vào đó 1.5% GDP tín dụng đầu tư cho các công ty quốc doanh vay mượn không sinh lời như than đá, thép và xi măng.

4. Như vậy tổng số tín dụng (từ bong bóng địa ốc và các công ty quốc doanh không sinh lời) tăng lên 3% tức là gần bằng với tăng trưởng thật 4%!

Trong khoảng 1980-2000 khi Trung Quốc còn lạc hậu nên cần sắt thép, xi măng, than điện để xây cất nhà đất, hạ tầng và xí nghiệp nên khoảng đầu tư không sinh lời rất ít và bị che khuất bởi tăng trưởng thật 7-10% GDP mỗi năm. Nhưng đến nay khi GDP tăng trưởng chậm lại, nhu cầu hạ tầng và xây cất nhà đất giảm bớt thì nợ xấu mới lòi ra!

Như vậy tại sao Bắc Kinh không thúc đẩy tiêu thụ nội địa trong dân chúng tăng lên 3% thay vì nợ xấu đầu tư vào bong bóng đất đai và các công ty quốc doanh không sinh lời?

Thứ nhất, giá nhà tăng liên tục trong 30 năm đến nay chiếm 25-30% GDP và 80% tài sản các hộ gia đình Trung Quốc. Địa ốc tăng nhờ đầu tư tăng, nay cắt nguồn vốn khiến giá nhà sụp đổ tức là dân chúng nghèo đi và bất mãn. Bắc Kinh trong thế cỡi cọp không dám leo

xuống.

Thứ nhì, cắt nguồn vốn từ đất đai tức là siết mạch máu các địa phương trước nay biến đất đai thành nguồn thu nhập để tăng trưởng.

Thứ ba, muốn tư nhân tăng tiêu thụ thì phải lên lương và nâng cao chi phí an sinh xã hội (để dân bớt để dành tiền lo bệnh hoạn, nuôi con và lúc về già) bằng cách bớt tín dụng và đánh thuế vào doanh nghiệp và các tập đoàn thế lực – tức là lấy của nhà giàu phân phát cho nhà nghèo thay vì cướp của dân nghèo cho dân giàu như hiện nay, hay đi ngược với mô hình tăng trưởng theo xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Hoa từ thời Đặng Tiểu Bình.

***

Bắc Kinh có đủ uy quyền và quyết tâm để ngăn chặn các khủng hoảng nhưng chỉ là các biện pháp vá víu ngắn và trung hạn. Nếu nợ xấu còn tăng dài hạn sẽ ra sao?

Tiếp tục đầu tư thì giá nhà còn tăng cho đến lúc bớt người mua, tập đoàn đầu tư thu vào không đủ để trả nợ thì sẽ vỡ nợ. Tâm lý thị trường ở Trung Quốc là ỷ lại (moral hazard) nhiều lần được nhà nước nhảy vào can thiệp không cho vỡ nợ nên sau đó giá nhà lại tăng. Nhiều người chờ giá nhà xuống để mua (good time to buy) nên giá nhà không thể tụt hạ.

Nhưng rồi sẽ có ngày bớt người mua vì: (1) Trung Quốc đang tiến vào giai đoạn lão hóa (2) GDP tăng trưởng chậm lại cho nên lương và tiết kiệm không bắt kịp giá nhà tăng nhanh và quá cao.

Nợ xấu tăng mải thì đến một lúc nào đó nhà nước sẽ gãy xương sống không gánh vác nổi. Liệu nhà cầm quyền có đủ hà khắc và uy quyền để tiếp tục đè nén không cho khủng hoảng bùng nổ lây lan hay không chẳng ai biết. Ở Mỹ kinh tế trì trệ sau khủng hoảng; bên Nhật tuy không khủng hoảng nhưng kinh tế vẫn trì trệ; ở Liên Xô trước đây chưa bao giờ có khủng hoảng nhưng kinh tế cứ lụn bại. Cho nên ai

cũng muốn thấy khủng hoảng ở Trung Quốc bùng nổ như đi coi pháo bông nhưng đây không phải là dấu hiệu duy nhất cho kinh tế suy thoái.

Liệu suy thoái sẽ xảy đến nhanh hay chậm trong vòng 5 hay 10 năm nửa chẳng ai biết. Mỹ hiện cũng đang mang một núi nợ khổng lồ. Giữa Mỹ và Tàu hai gánh nợ gánh nào gảy trước nước kia sẽ là cường quốc số một vào thế kỷ 2021. Tàu có ưu thế sản xuất hàng hóa, Mỹ có ưu thế in tiền đô-la. Kinh Tế Dễ Hiểu dự trù trong khoảng 5-10 năm nửa mới biết câu trả lời (nếu không sớm hơn trước cuối nhiệm kỳ Biden.)

CHƯƠNG 20: MÔ HÌNH KINH TẾ TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI TẬP CẬN BÌNH (PHẦN 4)

Trước năm 2008 một số đông cán bộ, đảng viên và dân chúng ở Hoa Lục cùng chung nhận xét rằng tăng trưởng kinh tế rồi sẽ dẫn đến dân chủ hóa ở Trung Quốc – điểm khác biệt nơi người dân muốn thấy tiến trình này xảy đến nhanh còn đảng Cộng Sản trì hoãn cho chậm lại. Cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2008 tại Hoa Kỳ khởi đầu cho bước chuyển biến tư duy lớn khi Bắc Kinh đánh giá đồng thuận Washington (Washington consensus, tức là dân chủ và thị trường chủ đạo) do Mỹ chủ trương không còn là con đường duy nhất để tăng trưởng kinh tế, mà trái lại đồng thuận Bắc Kinh (Peking consensus, hay là ổn định chính trị và nhà nước chỉ đạo để tăng trưởng kinh tế) mới chứng tỏ hiệu năng khi đã mang 300-500 triệu người từ nghèo đói lên sung túc lại đẩy nền kinh tế nhảy vọt lên hàng thứ nhì trên thế giới vỏn vẹn chỉ trong vòng 30 năm dưới sự lãnh đạo tài tình của đảng Cộng Sản.

Bước ngoặt tư tưởng kế tiếp là sự lung lay của nền dân chủ Mỹ trải qua hai kỳ bầu cử 2016 và 2020. Chuyển biến tư duy cuối cùng khi Bắc Kinh tự hào đối phó hữu hiệu với dịch cúm Tàu năm 2020 so với xã hội Tây Phương bất lực và hỗn loạn[76] . Ba sự kiện xảy ra liên tục khiến Tập Cận Bình kết luận Trung Quốc không cần phải dân chủ hóa. Thay vào đó mô hình kinh tế chỉ đạo ở Trung Quốc đã chứng minh cho thấy vượt trội so với kinh tế thị trường của Tây Phương. Bài này sẽ tìm hiểu chính sách của Bắc Kinh thắt chặt sự kiểm soát của đảng lên nền kinh tế như thế nào với ý thức hệ đó.

***

Mô hình xã hội chủ nghĩa với màu sắc Trung Hoa đang đổi màu từ vàng (xanh nhiều hơn đỏ thời Đặng) sang hồng (đỏ nhiều hơn xanh thời Tập). Tập Cận Bình xem 3 thử thách chính là 3 cơ hội:

1. Bắc Kinh muốn GDP Trung Quốc qua mặt Hoa Kỳ sớm là trong thập niên 2030, trễ là 2040-50.

2. Dù thành quả kinh tế rực rỡ nhưng khoảng cách giàu nghèo và bất mãn xã hội đe dọa ổn định xã hội và tính chính danh của đảng Cộng Sản Trung Quốc.

3. Hoa Kỳ nay xem Trung Quốc là một đối thủ chiến lược và cố tình ngăn chận đà tiến của Hoa Lục.

Trước các thử thách đó, Tập kết luận Hoa Lục không cần phải dân chủ hóa mà cũng chẳng phải khép mình vào trật tự thế giới tự do Mỹ gây dựng từ sau Thế Chiến Thứ Hai. Trái lại hệ thống Tư Tưởng Tập Cận Bình (Xi Jinping Thoughts) tái khẳng định vai trò lãnh đạo của đảng Cộng Sản sẽ mang đến bình đẳng, thịnh vượng và phục hồi Giấc Mộng Trung Hoa. Ba nét lớn trong chính sách kinh tế của Tập gồm:

1. Khẩu hiệu “Thịnh Vượng Chung” (Common Prosperity) thời Tập đi ngược với lập trường “Không thể mọi người cùng giàu một lúc” (tức là chấp nhận giàu nghèo sai biệt) của Đặng, đồng thời mang nặng màu sắc xã hội chủ nghĩa dưới thời Mao nhằm giải tỏa phần nào hố sâu giàu nghèo và mối bất bình trong quần chúng.

2. Trong kinh tế cổ điển có 4 yếu tố cấu thành sản xuất gồm Đất Đai, Lao Động, Vốn và Kinh Doanh (Land, Labor, Capital and Entrepreneur). Nay Bắc Kinh cộng thêm vào một yếu tố thứ 5 là Dữ Liệu Điện Toán (Data).

Cách nhìn cộng sản là nhà nước phải làm chủ mọi phương tiện sản xuất cho nên Bắc Kinh phải sở hữu các dữ liệu xã hội dù là của nhà nước hay tư nhân. Tập Cận Bình kiểm soát hai tập đoàn mạng Alibaba và Tencent nhằm đặt các thông tin xã hội dưới tầm quản lý của đảng, đồng thời diệt trừ mầm mống công ty tư nhân trở thành một thế lực chính trị khích động quần chúng như trường hợp Facebook, YouTube và Twitter ở Mỹ.

Về kinh tế nhà cầm quyền thu thập các dữ liệu xã hội để quản lý

việc phân phối vốn, ngân sách, và phát huy công nghệ chiến lược về trí tuệ nhân tạo[7778].

Về chính trị nhà cầm quyền theo dõi các Dữ Kiện xã hội nhằm kiểm soát thông tin và giám sát các mầm mống bất mãn trong dân chúng. Nhà nước dùng các mạng xã hội để tuyên truyền cho chính sách của đảng. Một thí dụ là đảng viên cộng sản Trung Quốc mỗi ngày phải đọc và trả lời 5 câu hỏi về Tư Tưởng Tập Cận Bình trên điện thoại cầm tay.

3. Truyền thống nhà nước Cộng Sản chú trọng vào các ngành kỹ nghệ nặng như sản xuất động cơ, sắt thép, dầu hỏa, than đá v.v… Công nghiệp nặng (hay công nghiệp chiến lược) trong thế kỷ thứ 21 lại gồm Trí Tuệ Nhân Tạo, Công Nghệ Bán Dẫn (semiconductor), Năng Lượng Tái Tạo, Hàng Không và Không Gian, v.v…

Bắc Kinh đề ra kế hoạch Made In China 2025 để Trung Quốc trước tự túc rồi sau đó dẫn đầu thế giới trong các ngành công nghệ chiến lược của thế kỷ thứ 21. Nhu cầu này càng trở nên cấp thiết trong hoàn cảnh tranh chấp Mỹ-Trung khi Hoa Kỳ có ý định phong tỏa Trung Quốc về công nghệ tiên tiến.

Các mạng xã hội lại không thuộc diện “sản xuất”. Việc Bắc Kinh thất sủng hai đại tập đoàn Alibaba và Tencent là tín hiệu để khuyến khích các tài năng tinh hoa trẻ ưu tiên chọn công ăn việc làm trong những ngành nghề sản xuất chiến lược như chế tạo chip điện toán, máy bay, hỏa tiễn, v.v… (khác với giới trẻ ở Mỹ ưa chuộng làm việc trong các công nghiệp “mềm” như Google, Facebook hay trong BitCoin v.v…vì mức lương và bổng lộc cao.)

4. Giống như Amazon ở Mỹ, hai công ty Alibaba và Tencent nắm vai trò huyết mạch trong nền kinh tế Trung Quốc vào thời gian phong tỏa dịch bệnh Vũ Hán do mọi mua bán đều xảy ra trên mạng. Cho nên không lấy làm lạ khi Bắc Kinh siết chặt quản lý hai công ty này vì không thể để một quyền

lực rộng lớn như vậy rơi vào tay tư nhân.

5. Ant Financial (Alibaba) và WeChat (Tencent) là hai công ty ứng dụng tài chính mạng thành công nhất thế giới, bỏ xa Apple Pay hay Google Pay. Dân Tàu ngày nay không xài tiền mặt, thay vào đó mua bán qua điện thoại cầm tay. Dựa vào thế mạnh này nên Ant Financial và WeChat thu thập các dữ kiện mạng nhằm chuẩn bị cho doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn thay vì mượn tiền ngân hàng. Ant Financial còn có thêm chương trình cộng tác với đại công ty tài chính Vanguard và Blackrock ở Mỹ để cung cấp các dịch vụ đầu tư cá nhân cho dân chúng (thay vì dân Tàu chỉ gửi tiết kiệm vào ngân hàng với lãi suất thấp.)

Hai dịch vụ nói trên nhằm (1) thu hút nguồn vốn từ dân chúng, rồi (2) phân bổ nguồn vốn cho doanh nghiệp nên Ant Financial và TenCent trở thành đối thủ cạnh tranh với ngân hàng nhà nước, ngân hàng địa phương và các lãnh chúa địa phương trước nay độc quyền thu góp tiết kiệm giá rẻ từ quần chúng để cho các công ty quốc doanh và tập đoàn lợi ích vay mượn với phân lời thấp. Do vốn là một trong 5 yếu tố cấu thành sản xuất (xem phần trên) nên đảng Cộng Sản phải kiểm soát dòng vốn. Bắc Kinh siết chặt Ant Financial và Tencent chính là để nhà nước – thay vì thị trường - độc quyền quản lý vốn.

6. Cũng liên quan đến tài chính Bắc Kinh cấm đoán mọi dịch vụ liên quan đến Bitcoin, một phần nhằm ngăn chặn chảy máu ngoại tệ nhưng chính yếu vì Bitcoin không nằm dưới sự quản lý của nhà nước. Trái lại Bắc Kinh muốn đẩy mạnh loại Tiền Điện Tử do Ngân Hàng Trung Ương ấn hành (CBDC hay Central Bank Digital Currency) nên loại bỏ Bitcoin để triệt hạ một đối thủ cạnh tranh.

7. Đồng eYuan (tiền Nhân Dân Tệ điện tử) sẽ giúp Bắc Kinh kiểm soát dòng vốn, giảm thiểu nạn tham nhũng[79] và không bị che mắt bởi các đầu tư kém hiệu quả của các tập đoàn

phe phái. eYuan có mục tiêu dài hạn là phá vỡ vòng phong tỏa của USD Hoa Kỳ một khi các đối tác thương mại nước ngoài dùng eYuan thanh toán nhanh và lẹ mà không qua hệ thống SWIFT chuyển tiền liên quốc gia bị Mỹ kiểm soát, cho dù thanh toán bằng eYuan sẽ bị Bắc Kinh kiểm soát!

8. Một lý do khiến Bắc Kinh chặn đứng việc niêm yết ra nước ngoài của Ant Financial và Didi nhằm tránh việc công ty Trung Quốc phải minh bạch hoá trên sàn chứng khoán Mỹ các con số về doanh thu và dịch vụ trong nước, tức là những tin tức mà Bắc Kinh xem như thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia.

9. Giáo dục con cái hiện là một gánh nặng tài chính cho các gia đình Trung Quốc. Bắc Kinh tăng cường kiểm soát ngành giáo dục mạng và hạn chế chi phí giáo dục tư nhân cho con cái nhằm xoa dịu nỗi bất bình trong quần chúng.

10. Bắc Kinh kiểm soát thanh thiếu niên chơi các trò chơi trên mạng không quá 3 giờ đồng hồ mỗi tuần. Cho dù quyền hạn của nhà nước lấn lướt vào gia đình nhưng nhiều cha mẹ Trung Quốc đồng ý với chính sách này do con trẻ ngày nay quá khó dạy dỗ.

11. Ở Tây Phương khoảng cách giàu nghèo được giảm bớt bằng cách tăng thuế nhà giàu. Trung Quốc không tăng thuế, trái lại chỉ “khuyến khích” các đại gia “đóng góp” vào các quỹ xã hội.

Ở Mỹ có Kỷ Nguyên Vàng Mạ (Gilded Age) vào cuối thế kỷ thứ 19 khi nền kinh tế được đánh bóng bởi tăng trưởng hào nhoáng bề ngoài bên cạnh hố sâu giàu nghèo và bất công xã hội. Tiếp theo là Thời Đại Cấp Tiến (Progressive Era) khi báo chí phanh phui các tệ đoan xã hội dẫn đến những cải cách về kinh tế, chính trị và luật lao động.

Nhiều tác giả nhận xét rằng Trung Quốc đang trải qua Kỷ Nguyên

Vàng Mạ của chính họ. Nhưng thay vì tự do báo chí và dân chủ hóa để giải trừ các bất cập xã hội thì Bắc Kinh chọn tăng cường sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản với mục tiêu mang lại tiến bộ, thịnh vượng và công bình xã hội. Liệu kiểm soát của nhà nước có sẽ bóp nghẹt sức sáng tạo của thị trường, hay Bắc Kinh có thể huy động hữu hiệu nhân vật lực nhằm qua mặt Mỹ trong chặng cuối của cuộc đua? Kết quả trong 5-10 năm nữa sẽ thấy.

CHƯƠNG 21: TOÀN CẦU HÓA

Ông tổ của ngành kinh tế học Adam Smith đã cổ võ cho tự do mậu dịch giữa các quốc gia. Xã hội Âu Châu bắt đầu công nghiệp hóa trong thời đại của Smith. Ông quan sát trong một hảng xưởng sản xuất kim châm (pin factory) nhận thấy năng suất tăng vọt khi việc làm được phân công ra thành nhiều khâu với chuyên môn khác nhau. Từ đó Smith mở rộng kết luận cho rằng giữa các quốc gia phải có tự do mậu dịch để sản xuất được phân phối theo ưu thế của từng nước nhằm mang đến lợi ích cho toàn thế giới, thay vì mỗi quốc gia dựng lên các rào cản thuế má hoặc theo chính sách bế quan (isolationism) hay trục lợi (mercantilism) để bảo vệ doanh nghiệp nội địa. Tên tuổi của Adam Smith giờ đây gắn liền với thị trường tự do (free market) và tự do mậu dịch (free trade.)

1. *BUÔN BÁN HÀNG HÓA*

Mậu dịch hàng hóa trên thế giới ngày nay khác với thế kỷ 18-20. Cho dù Adam Smith đã nhận thấy ích lợi của dây chuyền sản xuất nhưng mãi cho đến thập niên 1980 mậu dịch giữa các nước phần lớn gồm những sản phẩm đã hoàn tất như tivi, tủ lạnh, xe hơi…thay vì tổ chức theo chuỗi cung ứng toàn cầu (supply chain) như hiện giờ. Lý do vì trước đây thông tin liên lạc và vận chuyển hàng hóa còn đắt đỏ tạo ra nhiều rào cản cho đến khi Bức Màn Sắt sụp đổ cùng một lúc với Internet và các chuyến tàu xuyên đại dương chuyên chở những kiện hàng container[80] trở nên phổ biến với giá rẻ vào cuối thế kỷ thứ 21 thì việc phân phối dây chuyền sản xuất theo ưu thế của từng quốc gia mới bùng phát.

Lấy thí dụ về sản xuất xe hơi trong thế kỷ 21: thiết kế ở Mỹ, vỏ xe làm tại Việt Nam, chip điện toán ở Đài Loan, máy lạnh từ Trung Quốc… các bộ phận sau đó nhập cảng vào Mexico để sản xuất thành phẩm là chiếc ô-tô bán sang Hoa Kỳ. Mexico tuy là chặn cuối xuất cảng xe sang Mỹ nhưng phải nhập cảng 90% các bộ phận từ nhiều nước khác... Giả sử Mexico thu vào 30 ngàn USD từ Mỹ nhưng chi trả 25 ngàn USD mua phụ tùng từ Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan thì Mexico xuất siêu 30 ngàn USD với Hoa Kỳ mà chỉ thu được 1 ngàn

USD giữ trong nước. Cho nên mậu dịch song phương (bilateral trade) giữa hai nước chưa đủ mà cần đến cái nhìn toàn bộ về mậu dịch đa phương (multilateral trade) hay mậu dịch khu vực (regional trade). Riêng trường hợp tay bốn giữa Âu-Mỹ-Việt-Trung thì xuất siêu từ Việt Nam sang Âu-Mỹ lại tương đương với nhập siêu từ Trung Quốc vào Việt Nam; dù hàng hoá du nhập vào Việt Nam có dán nhãn từ nhiều nước Đông Á rồi sau đó bán sang Âu-Mỹ nhưng kết quả vẫn là xuất siêu từ Âu-Mỹ đổ vào Việt Nam để rồi Việt Nam sau đó nhập siêu tuôn sang Trung Quốc. Cho nên hiểu một cách đơn giản nếu Mỹ tăng thuế ngăn hàng hóa Tàu thì doanh nghiệp Tàu chạy sang Việt Nam bán hàng qua Mỹ trốn thuế. Dân Tàu nhờ đông, sinh sống ở khắp nơi trên thế giới nên nền kinh tế Tàu ngày nay tổ chức như con rắn 100 đầu: chận đầu này thò đầu khác luồn lách mọi kẽ ngõ để len vào!

***

Doanh nghiệp rất ghét tồn kho vì kẹt vốn nằm chết một chỗ không sinh lời. Các công ty ngày này giảm thiểu lượng hàng tồn kho chỉ-vừa-đủ-xài (just-in-time) cho sản xuất. Vốn không bị kẹt, dây chuyền sản xuất và phân phối hàng hóa nhờ đó được hữu hiệu hóa giúp giá thành sản phẩm được hạ thấp. Bù lại lượng hàng tồn kho chỉ-vừa-đủ-xài lệ thuộc vào các nút thắt nên nghẽn ở một nơi nào đó trên thế giới sẽ làm tê liệt toàn bộ dây chuyền sản xuất toàn cầu. Vài thí dụ gần đây gồm:

- 2011 bão lụt lớn ở Thái Lan khiến nhiều hãng xe trên toàn thế giới bị đình trệ do thiếu bộ phận sản xuất xe. Chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là Toyota của Nhật.
- 03-2021 nghẽn kênh đào Suez khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn gần 2 tuần.
- 2021-2022 khan hiếm chip điện toán khiến các hãng xe và sản xuất điện thoại bị thiệt hại nặng nề hàng chục tỷ USD.

Rút từ những bài học nói trên nên Hoa Kỳ và Âu Châu tìm giải pháp

tránh thắt nghẽn như (1) đa phương hóa nguồn cung ứng (2) hồi hương ngành sản xuất về nước hay trong khu vực (3) tăng dự trữ nguyên vật liệu và các bộ phận thiết yếu[81]. Thay vì tồn kho chỉ-vừa-đủ-xài (just-in-time) nay trở thành tồn kho cho-chắc-ăn (just-in-case). Những biện pháp này tốn kém, cần nhiều thời gian cho nên trong nhiều trường hợp thiếu thực tế.

Các nút chận về mậu dịch trở thành vũ khí địa chính trị. Vài thí dụ như:

- 2010 Trung Quốc ngưng bán đất hiếm sang Nhật để trả đũa tranh chấp quần đảo Senkaku khiến các hãng điện tử Nhật chới với.

- 2020 Mỹ ngăn chặn xuất cảng các chip điện toán sang các công ty liên hệ đến ngành quốc phòng ở Trung Quốc khiến Huawei bị thiệt hại nặng nề.

Các nhà quan sát đều cho rằng:

> 1) trong khi Mỹ tìm cách mang các ngành công nghệ chiến lược ra khỏi Trung Quốc để không còn bị lệ thuộc (decoupling),
>
> 2) ngược lại Trung Quốc đầu tư ồ ạt vào các ngành công nghệ chiến lược trong nước để tự lực không còn bị lệ thuộc vào Hoa Kỳ (self-sufficient).

Người Mỹ gọi decoupling hay tách rời Mỹ-Trung vào giai đoạn chạy đua nước rút quyết định tranh hùng giữa hai nước trong thế kỷ 21. Khó xử cho những nước còn lại nếu phải vỗ tay chọn một phe. Riêng Việt Nam khôn khéo đi hàng hai mà không bắt cá theo bên nào, chỉ đợi “trâu bò húc nhau, ruồi muỗi hút máu!” (thay vì ruồi muỗi chết!)

***

Mậu dịch toàn cầu có lợi cho các địa phương nằm ven biển mà thiệt

hại cho dân cư nội địa, cho dù là ở Mỹ (Cali, New York giàu hơn miền Trung Hoa Kỳ) hay bên Tàu (Thượng Hải, Thẩm Quyến giàu hơn nội Trung)[82]. Bên Tàu hay Việt Nam tuổi trẻ ở nông thôn di cư hàng loạt lên thành thị tìm việc làm. Nước Mỹ sau khi giàu có dân chúng mọc rễ có nhà cửa, gia đình, hàng xóm…không còn muốn tha phương cầu thực như thời đi lập quốc. Khi hảng xưởng dời ra nước ngoài thì dân Mỹ ở vòng đai han rỉ (rust bell) không cần thiết di cư hàng loạt ra vùng duyên hải tìm kiếm việc làm trong các điều kiện khắc khổ, thay vào đó sống nhờ trợ cấp welfare. Kết quả là số người thất nghiệp hay với đồng lương thấp sống tập trung vào nội địa tạo thành một lực lượng chính trị quan trọng chống toàn cầu hóa và bỏ phiếu cho Trump năm 2016-2020.

***

Tự do mậu dịch dựa trên hàng hóa được trao đổi một cách công bằng mà không bị những rào cản thuế quan hay chính sách bảo hộ ngăn cản. Mậu dịch thiếu công bằng khiến chênh lệch nghiêm trọng trong cán cân thương mại Mỹ-Trung.

Các công ty Trung Quốc đều có tổ sinh hoạt đảng chỉ cần nhắn miệng để ưu tiên mua hàng Tàu cũng đủ để tạo lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa nội địa mà không cần đến những văn bản thuế quan hay bảo hộ nhằm tránh thưa kiện lên WTO.

Công ty Tây Phương muốn hiện diện ở Trung Quốc bị bắt buộc phải đứng tên chung với công ty Tàu, lý do Bắc Kinh muốn tìm cơ hội đánh cắp công nghệ cho đến khi mọc đủ lông cánh rồi vắt chanh bỏ vỏ loại công ty nước ngoài ra khỏi Trung Quốc. Trong lần thương chiến Mỹ-Trung năm 2019 Trump quyết liệt đòi Trung Quốc hủy bỏ điều kiện này, nhưng Bắc Kinh cương quyết không kém chỉ đồng ý ghi trên văn bản thỏa thuận mà không quy định thành luật pháp. Cho đến năm 2020 thương chiến nguôi bớt vì dịch cúm Tàu, năm 2021 đến thời Biden không biết vụ này sẽ kết thúc ra sau.

***

Mậu dịch toàn cầu chênh lệch có thể giải thích như khoảng cách giữa tiết kiệm (nước xuất siêu) và tiêu thụ (nước nhập siêu.) Còn muốn dễ hiểu thì nhớ đến truyện ngụ ngôn con kiến cần cù tích trữ trong khi con ve sầu không biết lo xa cứ mãi vui chơi ca hát.

Mức tiết kiệm ở Tàu chiếm 45% GDP còn ở Mỹ chỉ dưới 10% GDP. Một phần do dân Tàu tiện tặng hơn dân Mỹ (những người lớn tuổi còn nhớ đến cảnh nghèo đói thời Mao), phần khác do nhà nước hạn chế tiêu thụ nội địa (consumption suppression) bằng cách chi tiêu thấp cho mạng lưới an sinh xã hội (giáo dục, y tế, hưu bổng và lương thất nghiệp); tiền trợ cấp ít nên dân chúng phải tự túc lo xa bằng cách để dành tiền giáo dục con cái, phòng khi bệnh hoạn, thất nghiệp hay lúc tuổi già. Tiền để dành phải bỏ vào ngân hàng nên nhà nước huy động nguồn tiết kiệm từ dân chúng dùng làm dòng vốn đầu tư vào hạ tầng hay cho doanh nghiệp vay mượn với giá rẻ nhằm hỗ trợ xuất cảng.

Tiêu thụ ở Tàu chiếm 40% GDP còn ở Mỹ 70% GDP. Trợ cấp xã hội ở Mỹ khá hơn bên Tàu nhưng không bằng Âu Châu, tuy nhiên dân Mỹ vẫn thích ăn xài vì dễ vay mượn tín dụng. Nguồn tín dụng dồi dào đến từ các nước xuất siêu (Trung Quốc, Việt Nam, Nhật, Đức, Saudi Arabia,…) dư tiền cho Mỹ mượn để thiếu nợ mua hàng. Thực tế này tuy nghịch lý nhưng nước sản xuất bán hàng mà không có Mỹ tiêu thụ thì…chết cứng!

Do thế giới dùng USD để trao đổi hàng hóa nên mậu dịch toàn cầu tăng thì nhu cầu có thêm USD tăng theo. Thí dụ giữa các nước mua bán 1 triệu xe hơi trị giá 30 ngàn USD mỗi chiếc nên cần 30 tỷ USD. Giả sử mậu dịch tăng lên 1.5 triệu xe hơi sẽ phải cần đến 40 tỷ USD, tức là Mỹ có thể in thêm 10 tỷ USD tung ra thị trường quốc tế (tức là Mỹ nhập siêu 10 tỷ USD) mà không sợ USD mất giá!

Tình trạng chênh lệch mậu dịch không thể kéo dài mãi mãi. Hoa Kỳ sẽ có lúc phải bớt tiêu xài (thí dụ sau Đại Khủng Hoảng 2007-08) khi thế giới nhận biết USD chỉ là tờ giấy lộn. Mỹ bớt mua thì hàng Tàu sản xuất bán không hết. Sản xuất dư thừa thì dòng vốn đầu tư ở Tàu hết

chỗ chạy đành bơm vào bong bóng địa ốc tạo thành nợ xấu.

Hai nước Mỹ-Trung không dễ thoát ra thế kẹt nói trên. Tiêu thụ bên Mỹ chiếm 70% GDP còn địa ốc ở Tàu là 25% GDP. Muốn cắt tiêu thụ ở Mỹ, hay xì bong bóng địa ốc bên Tàu thì GDP phải thụt giảm tức là kinh tế suy thoái. Cho nên Mỹ cứ tiếp tục ăn xài còn Tàu tiếp tục bơm bong bóng - Mỹ gọi là “kick the can down the road” (hay là chuyện để cho con cháu mình lo.)

***

Chênh lệch mậu dịch còn do thao túng ngoại tệ (currency manipulation.) Theo lý lẽ thông thường thì kinh tế mạnh đồng tiền mạnh, kinh tế yếu đồng tiền yếu. Mỹ nhập siêu với Việt Nam (tức là sản xuất ở Việt Nam có thế mạnh so với Mỹ) lẻ ra USD phải mất giá so với VND. Nhưng Việt Nam thu USD vào không cho lưu hành mà bỏ trong quỹ dự trữ ngoại tệ theo kiểu đắp đập xây hồ chứa nước mưa. Đập cản nước khiến hạ nguồn thiếu nước cũng giống như USD bị cản trở thành khan hiếm. USD khan hiếm giả tạo nên USD bị chặn phải nằm ở giá cao so với VND.

VN vay nợ nước ngoài và nhập cảng máy móc, xăng dầu bằng USD. Việt Nam cần dự trữ USD cho 3-6 tháng hàng nhập cảng phòng khi sự cố như chảy máu ngoại tệ. Mỗi nước đều cần đến quỹ dự trữ ngoại tệ cũng như mỗi gia đình phải có tiền mặt phòng thân. Nhưng rồi giống như ông cha hà tiện thu tiền lương của con cái đi làm rồi cất giữ trong kho bạc mà không chịu chia ra cho con cái tiêu xài, khi quỹ ngoại tệ quá lớn tức là nhà nước không chi tiêu đủ vào an sinh xã hội nhằm nâng cao mức sống dân chúng. Việt Nam kềm giá VND nhưng phải nhập cảng xăng dầu bằng USD. Xăng dầu bị mua giá cao khiến hàng hóa tiêu dùng trong nước trở thành đắt đỏ, dân chúng bớt tiêu xài. Như vậy quỹ dự trữ lớn lại cũng là một cách để nhà nước hạn chế tiêu thụ trong nước (consumption suppression) nhằm giúp doanh nghiệp tạo lợi thế cạnh tranh bất chính khi xuất cảng.

2. ***NGUỒN VỐN LƯU ĐỘNG***

Tự do mậu dịch vào thời Adam Smith chỉ gồm trao đổi hàng hóa, nhưng đến thế kỷ thứ 21 có thêm nguồn vốn lưu động luồn lách đi khắp thế giới.

Một người Pháp trước đây muốn xây cất đồn điền cao su phải dọn nhà sang Việt Nam sinh sống lâu dài chớ ít khi sống bên Pháp mà bỏ vốn hùn hạp làm ăn ra nước ngoài. Ngày nay dân Mỹ dễ dàng đầu tư vào bitcoin, thị trường địa ốc, trái phiếu và chứng khoán ở một quốc gia khác bằng cách mua bán trực tiếp trên sàn hay gián tiếp thông qua các công ty đầu tư, bảo hiểm hay hưu trí. Cho đến người Việt cũng mua bitcoin tức là dễ dàng vào tham dự thị trường quốc tế.

Giả sử dân Mỹ mua chứng khoán Ai Cập không lời thì bán rồi chạy sang sàn chứng khoán Việt Nam, cho nên dòng vốn lưu động khắp thế giới từ nước này sang nước nọ để kiếm lời cũng giống như nguồn nước luồn lách tìm chỗ thấp chảy vào. Nước chảy sinh lụt lội hay khô cạn thì nguồn vốn lưu động cũng dẫn đến nhiều bất ổn:

- Đầu thập niên 1990 bong bóng địa ốc ở Nhật phát nổ. Giới đầu tư quốc tế chuyển dòng tiền vào Thái Lan với hy vọng nắm đuôi con rồng thứ 6 ở Đông-Á trước khi cất cánh. Tiền vô ào ạt bơm lên bong bóng ở Thái Lan cho đến lúc đồng Baht phá giá vì bị giới đầu cơ tiền tệ tấn công. Bóng vỡ sinh ra cuộc Khủng Hoảng Tài Chính Đông-Á 1988, rồi lan tràn đến Đông-Âu và Nam-Mỹ.

- Sau ba vố đau nói trên giới đầu tư quốc tế đổ tiền vào ngành địa ốc ở Mỹ do tin tưởng vào tài năng quản lý tiền bạc của nền kinh tế tư bản hàng đầu thế giới trong khi giá nhà bên Mỹ chỉ tăng mà không giảm. Các tay phù thủy tài chính Hoa Kỳ mê hoặc giới đầu tư bằng bùa phép thần kỳ như Mortgage Backed Security (MBS) và Credit Default Swap (CDS) mãi đến lúc cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chính 2007-08 nổ tan tành thị trường mới thức tỉnh là bị bùa mê khuấy nước thành hồ. Trận địa chấn lan rộng sang Âu Châu

khi các ngân hàng Đức và Bắc Âu cũng nhắm mắt đầu tư bừa bãi vào Nam Âu sinh ra Khủng Hoảng Euro 2010-12.

- Do cuộc Đại Suy Trầm 2007-12 nên Âu-Mỹ giảm nhập cảng từ Trung Quốc khiến Bắc Kinh năm 2008 phải tung ra một gói kích cầu khổng lồ trị giá 12.5% GDP để cứu vớt nền kinh tế. Tàu lúc đó được khen là đầu máy kéo thế giới ra khỏi khủng hoảng. GDP tăng trưởng 10% nên Tàu ồ ạt nhập cảng nguyên vật liệu giúp Úc và Nam-Mỹ không bị suy thoái do khủng hoảng Âu-Mỹ. Đầu tư ở Tàu tăng nhưng xuất cảng giảm nên tiền kích cầu bơm lên bong bóng địa ốc. Từ năm 2016 Tàu bị chê là quản lý kinh tế kém khi chính gói kích cầu nói trên sinh ra núi nợ khổng lồ 300% GDP.

Trong khi nguồn vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp (FDI) vào hạ tầng và hàng xưởng nằm chết một chỗ, ngược lại nguồn vốn lưu động luồn lách từ nước này sang nước khác sinh ra bất ổn. Các nước trong cùng một khu vực thường phát triển theo chung một khuôn mẫu (thí dụ Đông Nam Á bán quần áo và đồ điện tử; Nam Mỹ xuất cảng nguyên vật liệu; Trung Đông bán dầu hỏa; Nam Âu xây nhà thu hút khách du lịch) cho nên nguồn vốn lưu động một khi tháo chạy khỏi một nước thường lây lan ra khắp khu vực khiến khủng hoảng tài chính nguy hiểm như một đốm lửa nhỏ sinh ra trận cháy rừng. IMF trước đây cho là nguồn vốn nào cũng tốt nhưng sau nhiều bất ổn trên thế giới bắt đầu đổi ý khuyến khích FDI thay vì vốn lưu động.

Trung Quốc thu hút đầu tư trực tiếp (FDI) nhưng kiểm soát dòng vốn lưu động bằng cách (1) giới hạn vay mượn nước ngoài, (2) kiểm soát công ty ngoại quốc hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng, (3) giới hạn chuyển ngoại tệ ra nước ngoài. Dòng vốn đầu tư trong nước chủ yếu từ tiết kiệm của dân chúng. Dân Tàu gửi tiết kiệm vào ngân hàng nhà nước với phân lời thấp. Ngân hàng nhà nước biến tiết kiệm thành nguồn vốn giá rẻ cho các công ty quốc doanh và tập đoàn ưu đãi vay mượn. Những tập đoàn thế lực mua lại quyền sử dụng đất đai "của toàn dân" do các chính quyền địa phương ưu đãi sang nhượng, sau đó khai thác rồi cầm cố đất đã phát triển cho các ngân hàng địa

phương để vay mượn vốn mới làm ăn cú khác. Cho nên khủng hoảng tài chính ở Trung Quốc không do tư bản nước ngoài giật dây mà nơi chính tư bản đỏ trong nước tận dụng ưu thế độc quyền phân phối vốn và đất đai sinh ra nợ xấu và bong bóng địa ốc.

Nguồn vốn lưu động trên thế giới đến từ nhiều phía:

- Các quỹ đầu tư, hưu trí và bảo hiểm Âu-Mỹ
- Khối các nước bán dầu hỏa như Nga, Na Uy và Trung Đông.
- Thặng dư mậu dịch giữa các nước tiết kiệm (Đức, Đông Á) và những nước tiêu thụ (Hoa Kỳ, Nam Âu). Một phần tiền dùng cho dự trữ an toàn bằng cách mua nợ công của Mỹ, Nhật, Anh,…phần còn lại bỏ vào các quỹ đầu tư quốc gia (Sovereign Wealth Fund) mua bán chứng khoán, các công ty nước ngoài hoặc đầu tư địa ốc.

Dòng vốn lưu động còn được giải thích do tình trạng dư thừa tiết kiệm (savings glut) từ 3 nguồn nói trên. Nhà nghèo có bao nhiêu tiền xài hết; nhà giàu xài không hết mới để dành tiền. Nếu tiền của chia đều ra cho mọi người đều…nghèo thì không còn dư thừa tiết kiệm tức giải quyết được dòng vốn lưu động.

LỜI KẾT

Đến đây là chấm dứt sách Kinh Tế Dễ Hiểu. Người viế hành nghề kỹ sư ở tiểu bang Texas, Hoa Kỳ. Học kinh tế chỉ có một lớp Econ 101 hơn 30 năm trước – cho đến nay thì chữ nghĩa của thầy đã trả lại thầy để thầy còn vốn mà dạy sinh viên khác. Lý do người viết bắt đầu quan tâm đến ngành kinh tế tài cũng vì "chơi stock" nhưng trong đầu cứ nhớ câu nói "follow the money" - phải theo dõi dấu vết của đồng tiền mới rõ tiền nhân hậu hoạn của mọi thứ trên đời (ghi chú nơi đây là "chơi stock" mà học kinh tế là trật đường bởi vì không có kinh tế gia nào thành tỷ phú. Muốn "chơi stock" phải tìm hiểu về tài chánh (finance) và nhất là "có gan làm giàu.")

Người dân Việt Nam cho đến thập niên 1980 chỉ biết đến đổi tiền và lạm phát. Cho đến thế kỷ thứ 21 chị bán hàng rong cũng bàn về toàn cầu hóa, kích cầu, khủng hoảng tài chính, bong bóng địa ốc, lãi suất ngân hàng, bitcoin…Dân Việt thích uống cà phê đọc báo bàn chuyện Mỹ-Tàu trên trời dưới đất cho nên Kinh Tế Dễ Hiểu không ngoài mục đích góp đề tài tán gẩu…mua vui cũng được một vài trống canh.

Gọi là Kinh Tế Dễ Hiểu nhưng các đề tài tinh vi, phức tạp với nhiều lý luận kinh tế hiện đại. Mỗi chương có thể phóng thành 1 quyển sách nên Kinh Tế Dễ Hiểu do quá ôm đồm chắc chắn nhiều thiếu sót. Nếu phê bình theo kiểu Mỹ là thiếu nghiêm khắc (rigorous) nên dễ bị công kích. Nhưng nghiêm khắc thì không còn dễ hiểu, cho nên người viết chọn dễ hiểu hơn là nghiêm khắc.

Giả sử người đọc phê phán "ông này viết sai" hay "cái này không biết có đúng không, để tìm hiểu thêm" thì người viết đã hoàn tất mục đích của mình tức là kích thích óc tò mò, phê phán và tư duy độc lập (critical thinking) bởi vì trong kinh tế không có khuôn vàng thước ngọc. Người đi trước phải chấp nhận bị kẻ đi sau phê bình chỉ dạy.

Tác giả từng sống trong Thiên Đường Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, sang Mỹ lại thấy cảnh lạm dụng trợ cấp xã hội nên đâm ra dị ứng với vai trò của nhà nước can thiệp về kinh tế. Cho dù biết rằng vai trò của nhà nước không thể bị phủ nhận (như lúc mới qua Mỹ mà không

được chính phủ Hoa Kỳ giúp đỡ thì đã chết đói) nhưng lý luận vẫn thiên về quan điểm tự do cá nhân (libertarian). Đây là khuyết điểm của tác giả, đành xin đón nhận mọi phê bình từ độc giả.

Từ ngữ tiếng Anh dùng trong sách báo kinh tế rất linh động và phong phú. Thí dụ chữ “socialism” do người Mỹ dùng hàm nhiều ý nghĩa khác biệt với xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Người viết hàng ngày đọc sách báo Mỹ nên dù viết tiếng Việt vẫn phải kèm trong ngoặc đơn các từ tiếng Anh để suy nghĩ được mạch lạc. Tác giả hy vọng độc giả Việt Nam đọc báo Mỹ cũng nhờ đó mà theo dõi được những tranh luận bên Mỹ.

Notes

[←1]

Tựa đề Lý Thuyết Tổng Quát…của Keynes 1936 mượn theo tên sách Lý Thuyết Tổng Quát về Thuyết Tương Đối (General Theory of Relativity) của Albert Einstein 1915 cho thấỳ tham vọng của Keynes là thay đổi cách nhìn trong kinh tế học (từ thời Smith và Marx) giống như Einstein đã thay đổi vật lý học (từ nền tảng của Newton.) Quyễn Lý Thuyết Tổng Quát…của Keynes cực kỳ khó hiểu nên Nobel Kinh Tế Paul Krugman nhận xét giống như miếng gân bò bít tết ngon dày nhưng nướng chưa chín nên nhai mãi nuốt hoài không trôi, nhưng càng nhai càng thấy ngon (dịch thoát ý.)

[←2]

Kinh Tế Dễ Hiểu so sánh vòng tròn Âm Dương dựa theo nhận xét của kinh tế gia nổi tiếng Hyman Minsky về thị trường tài chánh “ổn định sinh ra bất ổn” (Stability breeds instability).

[←3]

Một thí dụ khác là cuộc Đại Khủng Hoảng Tài Chánh 2007-08 ở Mỹ vừa góp phần làm nổi dậy trào lưu dân túy cánh hữu giúp Donald Trump đắc cử năm 2016, đồng thời lại thúc đẩy khuynh hướng cấp tiến (progressive) cánh tả của Bernie Sanders.

[←4]

Nếu thắc mắc tại sao cả hai khu vực công và tư không thể đầu tư tăng chi cùng một lúc? Lý do vì nguồn vốn trong xã hội có hạn. Khi nhà nước tăng chi tức hút nguồn vốn của tư nhân (thí dụ nhà nước ấn hành nợ công bằng cách thu hút tiền tiết kiệm trong dân chúng) cho nên chi tiêu công cao sẽ bóp nghẽn nguồn vốn đầu tư tư nhân.

Một cách nhìn khác là nếu cả công và tư đều đầu tư quá nhiều sẽ sinh ra lạm phát hoặc là đầu tư kém hiệu quả.

[←5]

Một quan niệm đi đôi nhưng về chính trị là chỉ có dân chủ (democracy) thật sự khi nào có sự tham dự (participation) đồng đều của mọi tầng lớp dân chủ. Cho nên vai trò của nhà nước là phải tạo cơ hội cho mọi người dân tham dự như nhau vào nền dân chủ.

[←6]

Những thí dụ thành công của nhà nước kinh doanh (entrepreneur state) gồm:

- hệ thống xa lộ liên bang ở Hoa Kỳ
- mạng Internet, khởi đầu từ mạng Arpanet của Bộ Quốc Phòng Mỹ
- công nghệ bán dẫn (semiconductor)
- hệ thống định vị toàn cầu (GPS)
- phi thuyền vũ trụ Gemini và Apollo sau này mang lại hàng ngàn ứng dụng thương mại

[←7]

Ngược lại cánh tả cấp tiến ở Mỹ cho rằng mô hình mà họ muốn tiến tới là nền Dân Chủ Xã Hội (kiểu các nước Bắc Âu) chớ không phải Xã Hội Chủ Nghĩa (kiểu Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba). Tại Bắc Âu tuy nhà nước đánh thuế cao và can thiệp vào thị trường nhưng tự do của người dân được củng cố chớ không hề bị đe dọa.

[←8]

Mô hình kinh tế Trung Quốc thể hiện qua câu nói nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình là “Lần mò vết đá mà vượt qua sông” (Crossing the river by touching the stones)

[←9]
Biến cố Thiên An Môn

[←10]

Độc giả có thể so sánh mô hình này với chế độ quân chủ ở Trung Hoa: vua tuy là Thiên Tử (gọi mỉa mai là trời con) nhưng phải biết tuyển dụng kẻ sĩ (nhân tài) để trị nước qua các kỳ thi đỗ Trạng Nguyên.

[←11]

Chính sách Kinh Tế Mới (NEP) của Lenin trùng tên nhưng nội dung khác hẳn với Kinh Tế Mới ở miền Nam Việt Nam sau năm 1975.

[←12]

Chỉ tiêu của Tập Cận Bình và đảng CS là thu nhập đầu người ở Trung Quốc sẽ ngang bằng với Mỹ vào năm 2049 tức là 100 năm kỷ niệm ngày ra đời của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Vì dân số ở Hoa Lục gấp 4 lần ở Mỹ nên GDP của Trung Quốc khi đó sẽ 4 lần lớn hơn Hoa Kỳ.

[←13]

Hai nước ngoại lệ là Bắc Hàn và Cuba vẫn còn khép kín trong mô hình kinh tế chỉ huy

[←14]

Hai chử rent seekers (kẻ ngồi không hưởng lợi) và rent (tiền cho thuê hay địa tô) mang ý nghĩa sâu xắc trong sách vở kinh tế Anh-Mỹ nên cần giải thích thêm dưới đây:

- Rent seekers dịch thoát ý theo cộng sản là thành phần tư bản và địa chủ hút máu mủ giai cấp công-nông. Tư bản và địa chủ sống nhờ vào vốn (capital) hay tiền thuê đất (rent) để ngồi không hưởng lợi không phải lao động.
- Rent hiểu theo nghĩa rộng ngày nay giờ gồm tất cả mọi thứ cản trở sân chơi bình đẳng trong thị trường tự do gồm thuế má, chủ nghĩa bảo hộ (protectionism), độc quyền (monopoly), bản quyền (patent), quyền lực, tập đoàn, phe phái, bất công xã hội, cách biệt giàu nghèo, kỳ thị màu da và giới tính, v.v…

[←15]

Năm 1930-32 giá trị đồng USD cột vào vàng (kim bản vị.) Lúc bắt đầu khủng hoảng 1929 dân chúng đùa nhau rút tiền khiến NHTƯ sợ hết vàng trong kho nên phải tăng lãi xuất. Doanh nghiệp không thể vay mượn đầu tư (do phân lời cao) mà còn sa thải công nhân. Khủng hoảng từ đó lan rộng trở thành Đại Khủng Hoảng.

[←16]

Nếu Đại Khủng Hoảng 1929 do NHTƯ siết chặt túi tiền quá sớm thì Đại Suy Trầm 2007-08 lại do NHTƯ thả lỏng túi tiền quá lâu làm bơm lên bong bóng địa ốc dẫn đến khủng hoảng trong ngành tài chánh ngân hàng.

[←17]

Kinh tế gia Thụy Điển định nghĩa Lãi xuất tự nhiên là mức lãi suất phù hợp giữa tiết kiệm và đầu tư, hay mức lãi suất phù hợp với giá cả bình ổn. Hai định nghĩa này tương đồng nhau vì nếu lãi suất thấp tức nhiều người vay mượn để đầu tư hơn là tiết kiệm tất nhiên sẽ dẫn đến lạm phát.

[←18]

“Greed is good” là câu nói trong phim Wall Street (1987) thường được nhắc đến để nói lên tâm lý làm giàu khi thị trường được tự do thả lỏng (không bị nhà nước giám sát chặc chẻ) từ năm 1980-2020. Xin so sánh với câu “Giàu sang là vinh quang” (To get rich is glorious) của Đặng Tiểu Bình vào thập niên 1980.

[←19]

Rất khó để đánh giá Adam Smith đã ảnh hưởng trực tiếp lên các nhà lập quốc Mỹ nhiều hay ít, nhưng một cách nhìn tổng quát hơn là những nhà lập quốc Hoa Kỳ và Adam Smith đều chịu ảnh hưởng của Kỷ Nguyên Khai Sáng (Enlightement Period) ở Tây Phương

[←20]

“Đánh thuế mà không cho có tiếng nói đại biểu là độc tài” (Taxation without representation is tyranny) là khẩu hiệu chính kêu gọi người Mỹ đứng lên dành độc lập ra khỏi Vương Quốc Anh. Với lịch sữ đó nên thuế má chiếm vị trí vô cùng quan trọng trong tâm lý người Mỹ so với các dân tộc khác. Phe bảo thủ (conservatives) xem thuế như cách thức để nhà nước tước đoạt tài sản và quyền tự do cá nhân.

[←21]

Khoảng cách giàu nghèo vào đầu thế kỷ 21 ngày nay tương đương với Thời Đại Hào Nhoáng (Gilded Age) ở cuối thế kỷ 19. Cả hai giai đoạn đều dẫn đến hai cuộc Đại Khủng Hoảng 1929 và 2007-08 do những bất cập của thị trường tự do được thả lỏng không bị nhà nước quản lý, tiếp nối sau đó là các biến động về chính trị - xã hội cùng sự trỗi dậy của trào lưu cấp tiến (progressive era.)

[←22]

Cho dù Keynes gặp Tổng Thống Roosevelt chỉ một lần và không có vẻ tạo được ấn tượng sâu sắc nhưng cả Roosevelt và Keynes đều chịu ảnh hưởng của trào lưu cấp tiến (progressive) Tây Phương

[←23]

NHTƯ tuy độc lập nhưng phối hợp chặc chẻ với Hành Pháp (Bộ Tài Chánh và Bộ Thương Mại) trong các quyết định về tiền tệ. Quốc Hội cũng thường yêu cầu NHTƯ ra điều trần và chất vấn về chính sách tiền tệ.

[←24]

Một cơ quan thứ nhì làm việc chặc chẻ với NHTƯ là FDIC (Federal Deposit Insurance Company.) Giả sử một ngân hàng tư làm ăn thua lỗ. Dân chúng nghe tin đồn ùn ùn kéo nhau đến rút tiền gởi ngân hàng (bank run) sẽ khiến ngân hàng phá sản. FDIC ổn định tình trạng này bằng cách bảo hiểm 250 ngàn USD gởi ngân hàng ở Mỹ sẽ không bị mất nhằm trấn tỉnh dân chúng không đua nhau rút tiền ồ ạt.

[←25]

Mỹ mượn nợ bằng USD nên thiếu tiền thì in USD để trả không sợ quịt nợ. Cho nên nợ công nước Mỹ được xem như an toàn không kém tiền mặt. Mua nợ công được chút đỉnh lời trong khi giữ tiền mặt không có lời.

[←26]

Nói gọn là NHTƯ in bạc nhưng trong thực tế Ngân Khố (thuộc Bộ Tài Chánh) mới là cơ quan in tiền rồi trao cho NHTƯ.

[←27]

Hiện tượng này còn gọi là Lewis curve (kinh tế gia Arthur Lewis Nobel 1991): khi bắt đầu công nghiệp hóa dân cư nông thôn đổ dồn về thành phố làm việc trong hảng xưởng dù với đồng lương thấp (do nhiều người tìm việc), đến khi tiến trình đô thị hóa chậm lại vì bớt di dân thì lương công nhân mới tăng lên (do ít người tìm việc.)

[←28]

Một cách so sánh là lương bổng tăng theo đường thẳng (linear) trong khi tiền của tích lũy theo lãi kép (compound interest) nên tiền đẻ ra tiền nhanh hơn lao động.

[←29]

Can inequality only be fixed by war, revolution or plague? The Economist

[←30]

Tiền điện toán nhà nước Trung Quốc còn được gọi là e-yuan.

[←31]

Trường hợp đặc thù khiến nước Mỹ quỵt nợ (thay vì vỡ nợ) là khi Quốc Hội Hoa Kỳ không nâng mức nợ trần cho dù nợ công đã vượt khỏi mức trần đang có, gọi là technical default. Lý do Quốc Hội với Cộng Hoà đa số dùng mức nợ trần để ép buộc Hành Pháp Dân Chủ cắt giảm chi tiêu mà họ cho là hoang phí. Trường hợp này nếu xãy ra sẽ khiến Hoa Kỳ mất điểm tín dụng (quỵt nợ) khiến lãi suất nợ công tăng vọt và có hệ lụy ra toàn bộ nền kinh tế Mỹ và quốc tế.

[←32]

The Deficit Myth của Stephanie Kelton. Modern Monetary Theory của L. Randall

[←33]

Các nhà đầu tư nơi đây gồm những công ty bảo hiểm, quỹ hưu trí (pension, IRA hay 401K), các quỹ đầu tư quốc gia (sovereign wealth fund của Trung Quốc, Na Uy, Ả Rập, v.v…)

[←34]

Trung Quốc bị vạ lây do khủng hoảng ở Mỹ vào năm 2007 nhưng tránh suy sụp nhờ kiểm soát chặc chẽ dòng tiền ra vào. Bắc Kinh tung ra gói kích cầu 13% GDP vào năm 2008 để cứu vãn nền kinh tế nhưng chính việc này lại sinh ra bong bóng địa ốc ở Trung Quốc từ năm 2016. KTDH sẽ có một chương bàn đến việc này

[←35]

Lương bổng và an sinh xã hội tuy tăng nhanh ở Trung Quốc nhưng vẫn không bắt kịp mức tăng trưởng GDP.

[←36]

Khuyết điểm của mô hình kinh tế Trung Quốc là nặng về tiết kiệm (hổ trợ cho xuất cảng) mà nhẹ về tiêu thụ (nâng cao đời sống dân chúng). Để tránh bớt lệ thuộc vào xuất cảng nên Bắc Kinh đang cố chuyển mô hình sang tiêu thụ nội địa.

[←37]

Khi tăng trưởng sút giảm các công ty yếu không đủ tiền trả nợ, lúc đó mới lòi ra ngân hàng nào cho vay nợ xấu nhiều hay ít.

[←38]

Giới trung lưu đầu tư vào chứng khoáng bằng cách mua cổ phiếu (bao gồm individual stocks, ETFs và Mutual Funds) hay gián tiếp qua các quỹ hưu trí (IRA, 401K, pension funds) và bảo hiểm.

[←39]

Giới đầu tư gồm các quỹ hưu trí, 401K, IRA, quỹ đầu tư (investment accounts), quỹ bảo hiểm của mỗi người dân Mỹ

[←40]

Trung Quốc khuyến khích đầu tư trực tiếp FDI mà không mở rộng thị trường nợ cho tư bản nước ngoài đầu tư gián tiếp, nhờ vậy tránh được tình trạng tư bản nước ngoài tháo vốn bỏ chạy.

[←41]

Dân Tàu không có nhiều cơ hội đầu tư: gởi tiết kiệm ngân hàng lãi xuất thấp; sàn chứng khoáng giống như trường đua ngựa; không có những gói đầu tư như ETFs, Mutual Funds để giảm thiểu rủi ro. Dân Tàu lại cần để dành tiền do mua nhà và giáo dục con cái quá đắt trong khi an sinh xã hội kém nên các WMP trở thành hấp dẫn với phân lời cao, lại mặc nhiên được nhà nước bảo đảm.

[←42]

Người Mỹ cũng chơi hụi gọi là sou-sou

[←43]

Điểm đáng nói là lúc khủng hoảng nợ xấu bán không ai mua, cho nên ngân hàng phải bán nợ tốt để gây vốn. Nợ tốt bị bán đổ tháo thành ra phá giá. Khủng hoảng như vậy bắt đầu từ công ty yếu (nợ xấu) lây lan sang công ty mạnh (nợ tốt).

[←44]

Có 2 cách đầu tư vào chứng khoáng: mua trực tiếp chứng khoáng của công ty (thí dụ mua 100 stock IBM hay bán 300 stock Amazon) hoặc mua gián tiếp qua các bó chứng khoáng. Thí dụ thị trường Hoa Kỳ có 500 công ty lớn gọi là S&P500. Công ty tài chánh Vanguard bán ra từng bó chứng khoáng (mutual funds hay ETF) gồm stock của toàn bộ 500 công ty cho giới đầu tư.

[←45]

Credit and Credibility. CSIS 10/2018

[←46]
China debt: how big is it and who owns it? South China Morning Post 05/2020

[←47]

Một nhận xét khác về lạm phát của Milton Friedman là “Lạm phát ở mọi lúc và mọi nơi luôn luôn là một hiện tượng tiền tệ” (Inflation is always and everywhere a monetary phenomenon.”)

[←48]
Laffer Curve do kinh tế gia Arthur Laffer vẽ ra

[←49]

Xã hội chủ nghĩa = mọi người đều nghèo như nhau.

[←50]

Tư bản lành mạnh phải có cạnh tranh. Giai cấp sẽ giết chết tính cạnh tranh.

[←51]

Thị trường sáng suốt “dựa trên những tin tức đang có”. Nếu tin tức không chính xác thì quyết định chung và giá cả sẽ sai lệch. Nếu hoàn cảnh thay đổi thì quyết định chung và giá cả cũng phải đổi thay.

[←52]

Thị trường sáng suốt “dựa trên những tin tức đang có”. Nếu tin tức không chính xác thì quyết định chung và giá cả sẽ sai lệch. Nếu hoàn cảnh thay đổi thì quyết định chung và giá cả cũng phải đổi thay.

[←53]

Cho nên kinh tế thị trường (thị trường quyết định giá cả) hữu hiệu hơn kinh tế chỉ huy (nhà nước quyết định giá cả.)

[←54]

Có 2 cách đầu tư mua chứng khoán: (1) đầu tư chạy theo đà lên xuống (momentum investing) tức mua khi giá cả trên đà đi lên và bán khi giá cả theo đà đi xuống mà không cần biết công ty tốt hay xấu; hoặc (2) đầu tư trên cơ sở (fundamental investing) tức gạn lọc các công ty có nền tảng tốt để mua cổ phiếu.

[←55]

Hãy so sánh giữa nhận xét của Peter Lynch “Trong lâu dài giá cổ phiếu sẽ phản ảnh 100% thành bại của công ty” với 2 câu nói của John M. Keynes “Đợi đến lâu dài thì ai cũng chết”, và “Bạn sẽ cháy túi trước khi giá cả trên thị trường hết điên rồ!”

[←56]

Đại Khủng Hoảng Tài Chánh 2007-08 cho thấy bong bóng giá cả không chỉ trong giới bình dân ít học mà trong cả giới chuyên viên tài chánh lỗi lạc – cho dù đám này vẫn được xem là biết phân tích khoa học và đắn đo.

[←57]

Quan sát nai hay chim lúc nào cũng đi theo đàn.

[←58]

Trong thực tế đảng Cộng Hoà tuy giảm thu (bớt thuế) nhưng không giảm chi (cắt ngân sách), ngược lại còn tăng chi: Reagan cắt thuế nhưng tăng ngân sách quốc phòng chạy đua với Liên Xô; Bush con bớt thuế nhưng tăng chi vào Medicare và chiến tranh Iraq-Afghanistan; Trump giảm thuế nhưng tăng ngân sách kích cầu cúm Tàu. Riêng trường hợp của Bush cha (Cộng Hòa) thất cử vì vi phạm lời hứa không tăng thuế (Read my lips, no new tax.) Hậu quả là đảng Cộng Hòa giảm thu lại tăng chi nên ngân sách thiếu hụt nhiều. Đảng Dân Chủ tăng thu lại tăng chi nên ngân sách thiếu hụt ít hơn.

[←59]

TEA PARTY có nghĩa Đảng Trà. Đồng thời chử TEA lấy từ 3 mẫu tự đầu của Tax Enough Already, tức thuế nặng quá rồi chịu đời sao thấu!

[←60]

Hạ tầng (infrastructure) thường được hiểu như đường xá, cầu cống, Internet, phi trường, hải cảng v.v… Sang thời Biden tô vẽ hạ tầng nay gồm cả tầng hán con người (human infrastructure) như tiền mẫu giáo, tiền nuôi ông bà già. Cho nên năm 2020 Biden đòi chi tiêu 1000 tỷ USD cho hạ tầng (infrastructure) rồi thêm 3500 tỷ USD cho tần hán được sung sướng.

[←61]

Tập Cận Bình nếu thật tình muốn kiến tạo Thịnh Vượng Chung phải đạp phá các tập đoàn quyền lực trong chính nội bộ đảng Cộng Sản Trung Quốc thay vì chỉ nhắm vào các tập đoàn tư nhân.

[←62]

Dân Tàu có máu cờ bạc nên mua bán chứng khoán rất nhiều, đến khi thua lỗ trên sàn đành phải giảm chi tiêu. Cho nên thị trường chứng khoáng kém minh bạch cũng là một hình thức giảm tiêu thụ.

[←63]

Khác với trường hợp Thái Lan năm 1998 khi tư bản nước nước ngoài tháo vốn rút chạy về nước, chảy máu ngoại tệ năm 2016 ở Trung Quốc là do tài phiệt trong nước mua USD chuyển tiền ra ngoại quốc tìm chổ trú an toàn.

[←64]

Sì-căng-đanh Evergrande là một trường hợp điển hình gần đây nhất mà nhiều nhà quan sát nhận xét làm nổi bật những yếu kém trong hệ thống tài chánh và địa ốc ở Trung Quốc

[←65]

Việt Nam áp dụng mô hình của Trung Quốc nên đang trở thành một con rồng kinh tế cho dù cứ mỗi vài năm lại bộc phát nhiều mâu thuẩn nội tại khiến giới quan sát lại cho rằng CSVN sắp sụp rồi!

[←66]

Tăng trưởng GDP là chính yếu cho đến khi Tập Cận Bình bắt đầu thay đổi mô hình với những khẩu hiệu mang màu sắc xã hội chủ nghĩa như Thịnh Vượng Chung (Common Prosperity) – nhưng đây là đề tài cho chương sau

[←67]

Kiểu giống như miền Nam Việt Nam được “viện trợ Mỹ” từ bà con họ hàng ở nước ngoài mà miền Trung và Bắc không có.

[←68]

Không khác miền Nam trong thập niên 90 gởi điện thư qua Mỹ xin gởi về vài ngàn USD lấy vốn làm ăn.

[←69]

Điều này có thể so sánh với tình trạng giành đất - cướp đất bớt dần ở Sài Gòn, Hà Nội nhưng vẫn xãy ra ở thôn quê.

[←70]

So sánh với Hoa Kỳ diện tích rộng lớn hơn Trung Quốc nhưng luật lệ áp dụng đồng đều ở mọi tiểu bang mới thấy đây là một thành tích vô cùng quan trọng của nước Mỹ.

[←71]

Dùng thí dụ Việt Nam: một gia đình ở Saigon thu nhập 30 ngàn USD nhưng căn nhà 500 ngàn USD so với một gia đình ở Mỹ thu nhập 100 ngàn USD nhưng căn nhà 300 ngàn USD, tức là dân Saigon tuy lương thấp nhưng giàu tài sản hơn dân Mỹ! Bù lại gặp khủng hoảng địa ốc thì Việt Nam thiệt hại nặng hơn ở Mỹ. Câu chuyện này phân tích sâu hơn nửa sẽ không còn dễ hiểu vì ở Mỹ mượn tiền mua nhà nên lúc khủng hoảng nhiều người bỏ nhà trong khi ở Việt Nam và Trung Quốc ít có chuyện bỏ nhà, cho nên thị trường địa ốc không thể sụp nhanh như ở Mỹ - Kinh Tế Dễ Hiểu xin dừng nơi đây.

[←72]

Với mức độ kiểm soát hiện thời Bắc Kinh có thể chận đứng một phong trào quần chúng trong nước không cho lây lan thành cách mạng chính trị như trường hợp Liên Xô và Đông Âu thập niên 1990 hay Cách Mạng Hoa Hồng và Hoa Nhài thập niên 2000.

[←73]

Nói cho cùng ở Mỹ cũng dùng các biện pháp tương tự nhưng màu mè hơn như vào năm 2007 Bộ Tài Chánh Hoa Kỳ “bảo trợ” cho ngân hàng mạnh J.P. Morgan mua Bear Stearns; hay công hữu hóa hai đại tập đoàn địa ốc Fannie Mae và Freddie Mac năm 2008.

[←74]

Shadow banking tức là nợ không qua hệ thống ngân hàng nên không báo cáo về Ngân Hàng Trung Ương, gồm nợ tư nhân (A cho B mượn tiền), nợ từ các tập đoàn đầu tư (trust), v.v…

[←75]

Việt Nam cũng đặt ra chỉ tiêu tăng trưởng GDP giống như Trung Quốc nên cùng chia sẻ vấn nạn này. Trái lại Âu-Mỹ-Nhật không có chỉ tiêu tăng trưởng nên công nhân viên nhà nước không cần đạt hay vượt chỉ tiêu, còn GDP chỉ là kết quả của đầu tư và tiêu thụ tư hay công.

[←76]

Chính sách Covid-zero của Bắc Kinh thành công ngoạn mục năm 2020 nhưng rồi sụp đổ năm 2022 do tính chuyên quyền của nhà nước toàn trị không thích ứng theo hoàn cảnh.

[←77]

Dữ kiện xã hội cần thiết để phân phối vốn khi Bắc Kinh ra lệnh cho các ngân hàng ưu tiên cung cấp tín dụng cho các tập đoàn chiến lược. Dữ kiện xã hội cần thiết cho ngân sách vì giúp nhà cầm quyền quyết định chi tiêu vào mạng lưới an sinh xã hội hay những ngành công nghệ chiến lược.

[←78]

Các dữ kiện trên mạng xã hội có ứng dụng trong trí tuệ nhân tạo. Đảng Cộng Sản Trung Quốc xem trí tuệ nhân tạo như công nghệ chiến lược chủ lực mà Trung Hoa phải dẫn đầu trong thế kỷ 21.

[←79]

Thống kê cho thấy nơi nào xử dụng tiền điện toán nhà nước sẽ giảm bớt tham nhũng vì sợ quả tang trên mạng, nhưng còn sinh ra nhiều lối tham nhũng khác thì…chưa biết.

[←80]

Kiện hàng container có nguồn gốc từ chiến tranh Việt Nam khi quân đội Mỹ cần chở đủ thứ vật dụng lỉnh kỉnh cho hậu cần. Cách thuận tiện nhất là gom góp đủ loại món hàng lớn nhỏ vào một kiện container bằng thép, chất lên tàu lớn cùng chung với hàng trăm kiện container khác rồi chuyên chở xuyên đại dương. Khi lên bờ các kiện container nhờ kích thước giống nhau được chất lên toa xe lửa hay gắn sau xe vận tải 18-bánh để chuyên chở phân phối đến điểm đến.

[←81]

Doanh nghiệp có 2 nhu cầu đối nghịch: hữu hiệu (efficiency) hay lo xa (redundancy). Hữu hiệu là tồn kho chỉ-vừa-đủ-xài để không bị kẹt vốn nhưng dễ bị thiếu hụt. Lo xa là dự trữ đề phòng thiếu hụt nhưng lại chết vốn!

[←82]

Nước Đức là một trường hợp đặc biệt tuy nằm trong đất liền và không có hải cảng tốt nhưng lại là cường quốc mậu dịch, cho nên Đức rất chú trọng đến EU làm cửa ngỏ thoát ra thế giới.